ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG

TÀI LIỆU

TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG (1950 - 2025)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung
Giám đốc – Tổng Biên tập:
TS. Trần Chí Đạt

Biên tập viên nội dung:
Nguyễn Tiến Phát - Hàn Hoàng Yến

Biên tập sách điện tử:
Nguyễn Tiến Phát – Hàn Hoàng Yến

Trình bày sách điện tử:
Nguyễn Thị Thảo

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
nxbthongtintruyenthong.vn | book365.vn | ebook365.vn | ebook.gov.vn

Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
(024) 35772141/ 35772143 | nxb.tttt@mst.gov.vn
ĐT Phát hành: 024.35772138

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
211 Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
(028) 35127750 | cnsg.nxbtttt@mst.gov.vn

Chi nhánh Miền Trung – Tây Nguyên
42 Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
46 Y Jút, Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(0236) 3897467 / (0262) 3808088 | cndn.nxbtttt@mst.gov.vn

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2157-2025/CXBIPH/3-88/TTTT
Số quyết định xuất bản: 568/QĐ - NXB TTTT, ngày 13 tháng 6 năm 2025
Nộp lưu chiểu Quý II năm 2025
ISBN: 978-604-45-1154-2

ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG

TÀI LIỆU
TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG (1950 - 2025)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LỜI GIỚI THIỆU

Mường Khương là huyện vùng cao, biên giới nằm phía Đông Bắc tỉnh Lào Cai có địa thế quan trọng về phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Với 14 dân tộc anh em chung sống đã tạo dựng cho nơi đây giàu bản sắc văn hóa với truyền thống yêu nước, đoàn kết, dũng cảm kiên cường trong đấu tranh, cần cù, sáng tạo trong lao động. Trải qua những bước thăng trầm của lịch sử, truyền thống quý báu đó được nuôi dưỡng, vun đắp, phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác, nhất là từ khi có tổ chức Đảng bộ huyện ra đời vào ngày 01/3/1950.

Trải qua 75 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, phong trào cách mạng của huyện đã đi lên từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Với sự sáng tạo, nhạy bén trong từng giai đoạn lịch sử, Đảng bộ huyện kịp thời đề ra quyết sách đúng đắn, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể, phù hợp với lòng dân, tạo sự đồng thuận giữa Đảng với Nhân dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ qua các thời kỳ cách mạng.

Thực hiện Hướng dẫn số 62 - HD/BTGTU, ngày 04/7/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về biên soạn tài liệu tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống, ngành, địa phương. Ban Thường Vụ Huyện ủy Mường Khương chỉ đạo biên sọan tài liệu tuyên truyền giáo dục Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương 1950 - 2025. Đây là tài liệu quan trọng phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống; khơi dậy lòng tự hào, củng cố niềm tin

của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong huyện vào sự lãnh đạo của Đảng đồng thời là tài liệu đưa vào giảng dạy học tập trong hệ thống giáo dục của huyện.

Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương xin chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Lào Cai. Trong quá trình biên soạn không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của cán bộ, đảng viên, Nhân dân và bạn đọc để tài liệu này được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

Bản đồ hành chính huyện Mường Khương

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT MƯỜNG KHƯƠNG VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

---

1. Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên

Mường Khương là huyện miền núi vùng cao, biên giới nằm phía Đông Bắc tỉnh Lào Cai. Huyện lỵ cách thành phố Lào Cai 50 km. Trung tâm huyện nằm ở tọa độ địa lý: 22 độ 31 phút 25 giây vĩ độ Bắc - 104 độ 02 phút 30 giây kinh độ Đông. Phía Bắc và phía Tây giáp huyện Mã Quan và huyện Hà Khẩu thuộc tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Bắc Hà, phía Tây và Nam giáp huyện Bảo Thắng. Huyện Mường Khương có chiều dài đường biên giới với Trung Quốc 73,567km thuộc 9 xã, thị trấn.

Về địa hình huyện Mường Khương khá phức tạp, có nhiều vực sâu chia cắt xen kẽ giữa các dải thung lũng hẹp và sơn nguyên đá vôi thấp. Độ cao trung bình so với mực nước biển là 1.000 m, đỉnh cao nhất là 1.609 m.

Đất Mường Khương chủ yếu là loại đất feralít phát triển trên đá biến chất và đá phiến thạch sét. Đất thung lũng và phù sa sông bồi chiếm tỷ lệ thấp.

Về khí hậu thời tiết, Mường Khương chia thành 3 vùng khác nhau. Vùng thượng huyện mang tính á nhiệt đới, nhiệt độ bình quân là 19,2^{0}C, thấp nhất là 17^{0}C, cao nhất là 36,6^{0}C. Vùng hạ huyện khí hậu mang tính á nhiệt đới, bình quân là 22,4^{0}C, thấp nhất là 2,2^{0}C, cao nhất là 43,2^{0}C. Khu vực Cao Sơn, khí hậu mang đậm tính á nhiệt đới, có năm nhiệt độ xuống 0^{0}C.

Về thủy văn, hệ thống sông, suối trên địa bàn huyện phân bố rải rác, chủ yếu là sông suối nhỏ, độ dốc thấp, lưu lượng nước ít và thất thường. Tuy nhiên một số suối ở vùng hạ huyện có khả năng xây dựng thuỷ điện nhỏ.

Về tài nguyên, thiên nhiện, tổng diện tích đất đai là rừng nguyên sinh và tái sinh lớn, nên thảm thực vật và hệ động vật ở Mường Khương khá phong phú về giống loài. Rừng Mường Khương có nhiều loại gỗ quý như lát, lim, pơ mu, chò chỉ...và các loại động vật quý hiếm như gấu, hổ, báo...

2. Lịch sử hình thành huyện Mường Khương

Vùng đất Mường Khương từ xưa có tên gọi là Mưng Khagw, theo tiếng địa phương nghĩa là *Mường Thép*. Trải qua thời gian, tên gọi trên được biến âm là *Mường Khương*[1]. Đến thời Pháp thuộc danh xưng Mường Khương chính thức được gọi một cách thông dụng.

Qua các di chỉ khảo cổ học tìm thấy ở Mường Khương có thể khẳng định cách ngày nay khoảng một vạn năm, vùng đất này đã có các bộ lạc thuộc hậu kỳ đá cũ sinh sống; đến thời kỳ dựng nước (thời kỳ nền văn hoá Đông Sơn của các Vua Hùng), vùng đất Mường Khương đã là địa bàn sinh tụ lâu đời của các cư dân gốc Lạc Việt, là bộ phận cư dân của Tổ Quốc Việt Nam.

Cùng với các địa danh trên địa bàn tỉnh Lào Cai thời kỳ vua Hùng dựng nước, Mường Khương thuộc bộ Tân Hưng; thời Bắc thuộc: Đời nhà Đường thuộc đất của Châu Chu Quý và châu Đan Đường, đến đời nhà lý thuộc đất Đăng Châu, từ đời nhà Trần đến nhà Nguyễn thuộc châu Thuỷ Vĩ. Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Lào Cai ngày 30-3-1886, Mường Khương và các đơn vị của tỉnh Lào Cai thuộc đạo quan binh

1. Theo truyền thuyết dân gian kể lại, ngày xưa có một thày địa lý mang theo túi mật ngựa đi chọn đất để sinh cơ lập nghiệp; đến vùng đất Mường Khương, ông nhìn thấy dưới lớp đất là biển nước mênh mông có hai cột sắt và bốn cột gang ở phía ngoài chống đỡ bốn góc làm cho mảnh đất này vững chãi, nên đặt tên là Mường Khangw (nghĩa là đất Thép) sau này gọi là Mường Khương.

IV. Vùng đất Mường Khương khi đó gọi là *động Sơn Yên.* Ngày 12-7-1907, toàn quyền đông Dương ra Nghị định bãi bỏ đạo quan binh IV, tỉnh Lào Cai được thành lập và chuyển từ chế độ quân quản sang chế độ cai trị dân sự. Đơn vị hành chính có hai châu Thuỷ Vĩ, Bảo Thắng và các đại lý: Phong Thổ, Mường Khương, Bắc Hà (Pa Kha). Như vậy, động Sơn Yên từ đầu thế kỷ XX được gọi là Mường Khương, trở thành một trong những đơn vị hành chính của tỉnh Lào Cai. Đại lý Mường Khương đầu thế kỷ XX có 161 làng và 1.457 hộ dân. Năm 1944, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập các châu và sáp nhập một số đơn vị hành chính tỉnh Lào Cai, đại lý Mường Khương được thành lập 2 châu: Châu Mường Khương, Châu Bản Lầu.

Tháng 11 năm 1946, tỉnh Lào Cai được giải phóng khỏi ách Việt Nam Quốc dân Đảng, chính quyền của ta đổi tên từ châu thành huyện, tỉnh Lào Cai được chia thành 8 huyện, thị: Bắc Hà, Mường Khương, Bản Lầu, Bảo Thắng, Sa Pa, Bát Xát, Phong Thổ, Thị xã Lào Cai. Các đơn vị hành chính trên tồn tại một thời gian dài, sau đó huyện Mường Khương và Bản Lầu được sáp nhập gọi là huyện Bản Lầu. Tháng 11 năm 1950, tỉnh Lào Cai giải phóng lần thứ hai, huyện Bản Lầu đổi tên là huyện Mường Khương, bao gồm toàn bộ vùng đất Mường Khương hiện nay. Để tiện cho việc chỉ đạo, các huyện của tỉnh Lào Cai chia thành các xã nhỏ, tên của mỗi xã mang tính giáo dục chính trị đề cao truyền thống. Huyện Mường Khương được chia thành 24 xã, tên của các xã đó là: *Thống Nhất, Đoàn Kết, Kiến Thiết, Quang Vinh, Hoà Bình, Chính Nghĩa, Ái Quốc, Nỗ Lực, Tiến Bộ, Dân Chủ, Cộng Hoà, Tiên Tiến, Thanh Bình, Phú Cường, Cứu Quốc, Chiến Thắng, Trung Thành, Đồng Tâm, Quyết định, Tự Do, Hạnh Phúc, Độc Lập, Thắng Lợi, Thành Công.*

Năm 1959, tỉnh Lào Cai thực hiện cuộc vận động xây dựng hợp tác xã kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Tỉnh uỷ chủ trương thay đổi tên một số xã cho phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Tên 24 xã của huyện Mường Khương được đổi lại

là: Xã Tiên Tiến đổi thành *Lào Táo*, xã Thống Nhất đổi thành *Pha Long*, xã Đoàn Kết đổi thành *Tả Ngài Chồ*, xã Vinh Quang đổi thành *Sử Ma Tủng*, xã Kiến Thiết đổi thành *Dìn Chin*, xã Hoà Bình đổi thành *Lồ Sử Thàng*, xã Chính Nghĩa đổi thành *Tả Gia Khâu*, xã Ái Quốc đổi thành *Thải Giàng Sán*, xã Nỗ Lực đổi thành *Tung Chung Phố*, xã Cứu Quốc đổi thành *Tùng Lâu*, xã Phú Cường đổi thành *Tả Chư Phùng*, xã Chiến Thắng đổi thành *Mường Khương*, xã Tiến Bộ đổi thành *Tả Thàng*, xã *Thanh Bình* tên vẫn giữ nguyên, xã Trung Thành đổi thành *Nấm Lư*, xã Đồng Tâm đổi thành *Nậm Chảy*, xã Quyết Định đổi thành *Lùng Khấu Nhin*, xã Tự Do đổi thành *Bản Lầu*, xã Hạnh Phúc đổi thành *Bản Xen*, xã Thành Công đổi thành *La Pan Tẩn*, xã Độc Lập đổi thành *Lùng Vai*, xã Thắng Lợi đổi thành *Cao Sơn*, xã Dân Chủ đổi thành *Bản Cầm*, xã Cộng Hoà đổi thành *Bản Phiệt*.

Tháng 4-1980, Hội đồng Bộ trưởng quyết định chuyển 02 xã: Bản Cầm, Bản Phiệt về huyện Bảo Thắng. Đồng thời sáp nhập 12 xã thành 6 xã với công thức một xã biên giới và một xã nội địa thành một xã mới, 6 xã đó là: Lào Táo và Pha Long mang tên *Pha Long*; Tả Ngài Chồ và Sử Ma Tủng mang tên *Tả Ngài Chồ*; xã Dìn Chin và Lồ Suối Thàng mang tên *Dìn Chin*; Tả Gia Khâu và Thải Giàng Sán mang tên *Tả Gia Khâu*; Tung Chung Phố và Tùng Lâu mang tên *Tung Chung Phố*; xã Tả Chư Phùng và Mường Khương mang tên *Mường Khương*. 10 xã còn lại vẫn giữ nguyên tên như cũ. Như vậy huyện Mường Khương lúc này có 16 xã và được mang tên như hiện nay. Địa bàn huyện chia thành 4 khu vực: *Khu vực vùng thấp* gồm 3 xã: Bản Lầu, Bản Sen, Lùng Vai; *Khu vực trung tâm huyện* có 5 xã: Mường Khương, Tung Chung Phố, Nấm Lư, Nậm Chảy, Thanh Bình; *Khu vực vùng cao* gồm 4 xã: Cao Sơn, La Pan Tẩn, Tả Thàng, Lùng Khấu Nhin. *Khu Pha Long* gồm 4 xã: Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu, Tả Ngài Chồ.

3. Truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương

Trải qua hàng nghìn năm đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chống các thế lực áp bức, bóc lột; thích ứng với sự biến đổi của tự nhiên, Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương luôn nêu cao truyền thống quật cường, đoàn kết, yêu nước, sống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, sống gắn bó với tự nhiên.

Trong thời kỳ phong kiến, đồng bào các dân tộc huyện Mường Khương có nhiều đóng góp vào chiến công chung của dân tộc, bảo vệ vùng biên cương của Tổ quốc. Năm 1885, thực dân Pháp bắt đầu mở những cuộc hàng quân xâm lược lên vùng thượng du. Sau khi đánh chiếm được Yên Bái, ngày 25-3-1886 hai đạo quân Pháp hành quân theo hai bên tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng tiến đánh Lào Cai. Ngày 30/3/1886 quân Pháp đã chiếm được thị xã Lào Cai. Sau khi chiếm được thị xã Lào Cai, chúng tổ chức tấn công vào chiếm các huyện, trong đó có động Sơn Yên (Mường Khương). Nhân dân các dân tộc Sơn Yên dưới sự chỉ huy của Lý Cai đã hăng hái tham gia chống Pháp, tích cực đắp hào, đắp luỹ chặn đánh giặc từ Bản Lầu, Chợ Chậu. Trước thế quân Pháp mạnh, lực lượng nghĩa quân rút lên vùng Cao Sơn phối hợp với lực lượng dân binh ở vùng này tiếp tục chặn đánh, phục kích giặc ở Lùng Khấu Nhin, Tả Thàng... gây cho quân Pháp bị thiệt hại nặng nề.

Như vậy, ngay từ khi chưa có tổ chức Đảng lãnh đạo, Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã phát huy truyền thống yêu nước, tự đứng lên đánh đuổi thực dân đế quốc. Tuy nhiên, các cuộc nổi dậy của nghĩa quân đồng bào các dân tộc trong huyện chủ yếu là tự phát, chưa có thủ lĩnh có tầm tư duy chiến lược, chưa có đường lối kháng chiến rõ ràng và chưa có đủ lực lượng để chiến thắng kẻ địch hoàn toàn. Vì vậy, các cuộc nổi dậy mới chỉ dừng lại ở mức độ gây thiệt hại cho địch, hoặc tạm thời giành độc lập trên những phạm vi nhỏ, nhất thời. Địa bàn Mường Khương vẫn nằm dưới sự đô hộ, cai trị của thực dân Pháp và các thế lực tay sai. Với quyết tâm tiêu diệt lực lượng của ta, quân Pháp tăng thêm lực lượng và vũ khí, kết hợp tung tiền mua chuộc một số thủ lĩnh như Chảo Chín Dùng, Nùng

Khai Phà tăng cường đàn áp tấn công ta, do vậy lực lượng của ta lúc này bị suy yếu, cuộc chiến đấu chống quân Pháp của các nghĩa quân động Sơn Yên bị lắng xuống, song ý thức chống giặc Pháp không bị tắt. Những năm đầu thế kỷ XX, đồng bào các dân tộc ở Cao Sơn lại nổi dậy đấu tranh chống Pháp, điển hình là đã tham gia lực lượng của nghĩa quân Giàng Chẩn Hùng ở Bắc Hà chặn đánh thực dân Pháp ở Trung Đô, Tà Chải... làm cho thực dân Pháp và tay sai trong suốt thời gian dài vẫn chưa bình định nổi vùng đất Bắc Hà và Mường Khương.

Từ khi có Đảng, Nhân dân Mường Khương đã tự nguyện đi theo Đảng làm cách mạng, đứng lên giải phóng quê hương và đóng góp vào các cuộc kháng chiến chống xâm lược giành độc lập dân tộc; quá trình đó xây đắp nên truyền thống yêu nước nồng nàn, anh dũng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

4. Truyền thống kinh tế, văn hóa của Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương

Mường Khương là một huyện có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá lâu đời, lịch sử phát triển của các dân tộc trong đại gia đình dân tộc huyện Mường Khương có những nét khác nhau. Các dân tộc anh em chung sống ở huyện Mường Khương đều có đặc trưng tộc người phong phú và độc đáo, thể hiện đậm nét đặc điểm kinh tế- xã hội và văn hoá. Kinh tế của Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương chủ yếu bằng nghề lúa nước và làm nương. Trong lao động sản xuất, mỗi dân tộc tích luỹ được những kinh nghiệm sản xuất khác nhau. Người dân vùng Bản Lầu chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước, làm 2 vụ trong năm; vùng quanh thị trấn Mường Khương, Pha Long trước đây chủ yếu sống bằng cây thuốc phiện và buôn bán, hiện nay tập quán trồng cây thuốc phiện đã xoá bỏ chuyển sang trồng cây ăn quả. Các dân tộc sống ở vùng cao như Mông, Dao, Nùng, Dáy, Bố Y, Pa Dí, Thu Lao... biết đúc lưỡi cày bằng phương pháp thủ công, chế tác cày và sử dụng trâu kéo để cày ruộng. Các dân tộc này đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm dẫn nước và giữ nước, kỹ thuật thâm canh đã phát triển nên năng

suất lúa cao hơn các dân tộc khác. Đặc điểm kinh tế truyền thống mang nặng tính chất tự cung, tự cấp, độc canh cây ngô, cây lúa gây khó khăn cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Các dân tộc trong địa bàn huyện thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau, mỗi dân tộc đều có nền văn hoá, phong tục tập quán riêng với nhiều loại hình khác nhau, tạo thành vườn hoa văn hóa đa dạng. Các dân tộc đều có chung loại hình nhà ở phổ biến là tường trình, nền đất thích hợp với vùng cao gió lạnh. Các gia đình quần tụ trong các làng bản, mỗi làng bản đều có một ít ruộng công, khu rừng chung với những quy ước bảo vệ rừng cấm. Do sống xen kẽ và quan hệ giao lưu giữa các dân tộc nên dân tộc này đều biết tiếng của dân tộc kia, am hiểu và tôn trọng phong tục tập quán của nhau. Các dân tộc còn có kho tàng văn hoá dân gian đa dạng bao gồm hệ thống dân ca (hát ru, đồng giao, các bài ca lễ cưới, lễ tang), truyện cổ và các nhạc cụ tiêu biểu như kèn, sáo Mông; đàn nguyệt Nùng, Pa Dí; đàn môi, kèn Pí lè của nhiều dân tộc.

Mường Khương có hệ thống lễ hội khá phong phú bao gồm các hội mùa xuân như Hội xuống đồng, Hội Sải sán, Hội Nào xồng - ăn ước; hội mừng được mùa, hội ăn cơm mới và hàng loạt các sinh hoạt văn hoá dân gian, góp phần làm phong phú kho tàng văn hoá truyền thống các dân tộc. Lễ hội Cúng rừng cấm bang của người Nùng rất đặc sắc, không chỉ cầu trời đất phù hộ cho con người có cuộc sống an khang, thịnh vượng mà còn góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ gìn những giá trị thuần phong mỹ tục ở làng quê miền núi. Lễ Mồng một tháng bảy của người Nùng, làm xôi bảy màu cúng trời đất, để tưởng nhớ tới công ơn tổ tiên phù hộ cho người Nùng chiến thắng giặc ngoại xâm và bảo tồn nòi giống. Hội Sải sán (còn gọi là lễ hội leo núi) của đồng bào Mông (Pha Long) cầu trời phù hộ cho con người khoẻ mạnh, con cháu sinh sôi, tình duyên nên lứa. Trong các lễ hội còn tổ chức các trò chơi dân gian, múa khèn và hát đối đáp giao duyên, thực sự là ngày hội văn hoá các dân tộc.

Phần thứ hai

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG (01/03/1950) VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, TIỄU PHỈ (1950 - 1955)

1. Mường Khương dưới ách cai trị của thực dân Pháp và tay sai

Đến cuối thế kỷ XIX, tình hình xã hội Lào Cai trong đó có huyện Mường Khương có sự phân hoá rõ rệt, mang đặc điểm chung của xã hội thực dân nửa phong kiến, nhưng có nét đặc thù miền núi. Cùng với với bộ máy đàn áp thực dân, thực dân Pháp tiếp tục duy trì bộ máy chính quyền phong kiến tay sai từ cấp châu cho đến cấp tổng, xã. Đứng đầu bộ máy cấp châu là tri châu, cấp tổng có chánh tổng, cấp xã có lý trưởng. Nhằm kiểm soát các vị trí sung yếu, thực dân Pháp xây dựng hệ thống đồn bốt khá kiên cố. Thông qua bộ máy ngụy quyền, thực dân Pháp thi hành hàng loạt chính sách áp bức, bóc lột hết sức dã man, vô nhân đạo. Ở vùng cao, những nơi làm nương rẫy, đất đai, rừng núi tuy là của công nhưng thực ra mọi người đều có quyền chiếm hữu rộng rãi.

Khi đặt được ách đô hộ ở Mường Khương, thực dân Pháp một mặt vẫn duy trì các chính sách bóc lột của phong kiến, mặt khác chúng còn đặt ra nhiều thủ đoạn cai trị dã man, can thiệp sâu đến các làng bản. Thời kỳ đầu, trước sự phản kháng của một số thổ ty, chức dịch địa phương, thực dân Pháp chủ yếu dựa vào bọn tay sai quan lại triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng để đàn áp Nhân dân. Tăng cường bóc lột Nhân dân bằng các chế độ sưu thuế, phu phen, tạp dịch. Trước đây triều đình nhà Nguyễn chỉ đánh thuế theo hộ những gia đình nhận ruộng công nhưng mức thuế không cao lắm, khi thực dân Pháp thiết

lập được ách cai trị, thời kỳ đầu chúng vẫn phải sử dụng thuế theo hộ gia đình nhưng đã không ngừng tăng mức thuế.

Ở vùng biên giới có vị trí quan trọng nên thực dân Pháp còn tăng cường bắt lính. Thực hiện âm mưu chia để trị, thực dân Pháp nham hiểm tiến hành các biện pháp chia rẽ các dân tộc, để cho thổ ty chèn ép các dân tộc ít người như: Pa Dí, Tu Dí... chia vùng cho các thổ ty kìm chế lẫn nhau, khuyến khích thổ ty bóc lột thậm tệ dân tộc khác. Đời sống Nhân dân Mường Khương dưới thời Pháp thuộc rất cơ cực, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Ở vùng cao, nhiều gia đình người Mông, Dao suốt đời du canh du cư, gia tài chỉ có con dao phát với cuốc bướm mòn vẹt lưỡi và cái cối xay ngô lang thang hết cánh rừng này đến cánh rừng khác. Nạn đói liên tiếp xảy ra. Khí hậu khắc nghiệt, mùa đông giá rét, dân không có đủ áo ấm để mặc, đồ dùng trong nhà hết sức đơn giản, nhiều gia đình dùng bát ăn bằng tre, nứa, gỗ. Hai mâu thuẫn cơ bản hiện hữu lúc này là mâu thuẫn giữa các dân tộc ở địa phương với thực dân Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa Nhân dân lao động với thổ ty, quan lại phong kiến mà đại diện là lý trưởng, phó lý, binh thầu, séo phải....

2. Huyện Mường Khương trong những năm đầu đến với ánh sáng cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo Nhân dân tiến hành các phong trào cách mạng (Phong trào trào 1930 - 1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh; Phong trào trào dân chủ 1936 - 1039 đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và phong trào vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945).

Những năm 1930 - 1944, do địa bàn Mường Khương là một huyện vùng cao, giao thông đi lại khó khăn, cơ sở và cán bộ cách mạng chưa có, thông tin lại bị kẻ thù bưng bít nên ánh sáng của Đảng hầu như chưa được ảnh hưởng tới đây. Tháng 5/1940, Trung ương Đảng và xứ ủy Bắc Kỳ quyết định thành lập chiến khu D gồm 7 tỉnh: Phúc Yên, Vĩnh Yên, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang. Sau đó căn cứ

cách mạng Vần - Hiền Lương trên chiến khu D ra đời đã có tác động mạnh mẽ đến tính chất đấu tranh của phong trào yêu nước ở các tỉnh ven thượng lưu sông Hồng, sông Chảy. Lúc này một số cán bộ của khu D được cử lên hoạt động ở Lào Cai, tuy nhiên cán bộ khu D chưa thể hoạt động hiệu quả được ở Mường Khương do Pháp, Nhật và phản động cấu kết chặt chẽ đàn áp khống chế Nhân dân.

Cách mạng Tháng Tám 1945 bùng nổ và thành công trên cả nước; sách báo, thông tin truyền miệng từ xuôi được truyền lên Lào Cai, từ Lào Cai lan đi khắp tỉnh. Ở Mường Khương lúc này những thông tin về cách mạng, về Đảng Cộng sản, về Bác Hồ được lan truyền, Nhân dân hào hứng mong muốn theo cách mạng nhưng chưa có người hướng dẫn. Tháng 10/1945, đoàn cán bộ do Trung ương cử lên Lào Cai lãnh đạo Nhân dân giành chính quyền, đoàn mang theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Nhân dân Lào Cai, Bác thông báo cách mạng tháng Tám thành công và kêu gọi Nhân dân Lào Cai đứng lên thành lập chính quyền, giúp đỡ chính phủ. Khi đó ở Mường Khương chính quyền còn trong tay quân Nhật và tay sai thổ ty, nhưng nội dung thư Bác Hồ vẫn được bí mật phổ biến trong Nhân dân.

Để lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, đầu tháng 9-1946 xứ ủy quyết định thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Lào Cai. Sự kiện Ban cán sự Đảng tỉnh Lào Cai được thành lập trong thời gian lực lượng vũ **tảng** của ta tiến quân lên Lào Cai dẹp trừ bọn phản động Quốc dân Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Đảng bộ và phong trào cách mạng ở Lào Cai nói chung và Mường Khương nói riêng; có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng, tăng thêm niềm tin của quần chúng trong quá trình đấu tranh.Cuối tháng 10-1946, lực lượng vũ trang của các thổ ty tham gia giải phóng Lào Cai

Lào Cai được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của Quốc dân Đảng, mở ra thời kỳ mới cho cách mạng địa phương phát triển rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh. Tạo điều kiện để các địa phương nói chung và Mường Khương nói riêng xây dựng

cơ sở cách mạng. Tạo môi trường thuận lợi để tuyên truyền, giác ngộ ý thức cách mạng vào quần chúng Nhân dân. Đặc biệt tỉnh Lào Cai giải phóng đã tạo điều kiện cho các địa phương, trong đó có huyện Mường Khương thành lập được chính quyền cách mạng của Nhân dân, chính quyền làm nhiệm vụ lãnh đạo Nhân dân ổn định cuộc sống, chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh.

3. Mường Khương trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1947-1949)

Với mong muốn hòa bình, độc lập dân tộc, Đảng và Nhà nước ta đã thiện chí, nhân nhượng với chính phủ Pháp. Nhưng với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã công khai phản bội Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946. Những ngày cuối năm 1946, quân Pháp trắng trợn khiêu khích và gây hấn ở nhiều nơi trên miền Bắc nước ta. Ngày 17 và 18/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị bất thường dưới sự chủ tọa của Hồ Chủ tịch. Hội nghị khẳng định: Thời kỳ hòa hoãn đã hết, thời kỳ kháng chiến toàn quốc đã bắt đầu. Hội nghị đã quyết định phát động cả nước kháng chiến và đề ra đường lối, nhiệm vụ, mục tiêu kháng chiến.

Nhằm đáp ứng sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ mới. Tháng 01-1947 Tỉnh ủy lâm thời Lào Cai được thành lập thay cho Ban Cán sự Đảng. Ngày 05-3-1947, Hội nghị toàn thể đảng viên tỉnh Lào Cai được triệu tập đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Thanh được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành phụ trách công tác các huyện. Đồng chí Lê Xuân - Tỉnh ủy viên được phân công phụ trách chỉ đạo công tác huyện Mường Khương.

Trước tình hình xâm lược của thực dân Pháp lan rộng tới các địa phương miền núi, Tỉnh ủy Lào Cai chỉ đạo tổ chức cho cán bộ Nhân dân quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ kháng chiến. Chỉ thị "toàn dân kháng chiến" của Trung ương Đảng,

lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh đã được quán triệt tới toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Sau khi đánh chiếm Yên Bái, Nghĩa Lộ, Lai Châu, thực dân Pháp ráo riết tuyển mộ binh lính, bắt liên lạc với bọn thổ ty và tay sai phản động cũ chuẩn bị tấn công Lào Cai, nhằm hoàn thành xâm chiếm Tây Bắc, làm bàn đạp tấn công sang căn cứ địa Việt Bắc của ta.

Thực hiện kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh", đầu tháng 10-1947, thực dân Pháp ồ ạt mở chiến dịch tấn công Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của ta. Để phối hợp với chiến dịch Việt Bắc, thực dân Pháp tập trung một lực lượng lớn tấn công ra vùng tự do ở các tỉnh thuộc Tây Bắc.

Bọn thổ ty ở Mường Khương tuyên bố "giải thể chính quyền, địa phương bỏ ngỏ". Chúng tiến hành bắt giam cán bộ ta, hạ cờ đỏ sao vàng, ngang nhiên treo cờ Pháp, chúng hạ lệnh cán bộ Việt Minh phải ra trình diện, nộp vũ khí cho chúng. Để uy hiếp cán bộ, bộ đội ta, bọn phản động treo giải thưởng: "Ai bắt hoặc chặt đầu được cán bộ sẽ thưởng 400 đồng, bộ đội 100 đồng, người Kinh 10 đồng".

Ngày 10-11-1947, tại Mường Khương, thổ ty triệu tập hội nghị quân sự cũng mời đại biểu Bản Lầu, Bắc Hà, Si Ma Cai, Pha Long, Bảo Nhai tới dự. Sau hội nghị, ngày 15-11-1947, lực lượng thổ ty kéo xuống Bản Lầu công khai treo cờ Pháp. Ngày 18-111947, quân thổ phỉ với 150 tên có trang bị đầy đủ vũ khí do Lý Chiều Dương chỉ huy kéo xuống chiếm Bản Lầu. Chúng đóng quân rải rác từ Bản Lầu vào Mường Khương. Cùng ngày chúng cho 50 lính có 2 súng máy do xếp Cồ Hoàng Xẻng (Sủng) Cồ chỉ huy xuống chiếm Bắc Hà đồng thời 10 tên ra Bảo Nhai giúp Hoàng A Tưởng trở về Bắc Hà.

Tháng 11-1948, cán bộ của tổ công tác Bản Lầu đã bắt liên lạc được với châu úy Bản Lầu. Được châu ủy Bản Lầu tạo điều kiện, cán bộ ta đã bước đầu xây dựng được cơ sở và một tổ du kích ở Bản Lầu. Lúc này các cơ sở trong tỉnh đã được xây dựng

thành một thế liên hoàn từ hữu ngạn sông Hồng đến tả ngạn lên Bản Lầu và vào Bắc Hà.

Sau khi làm công tác địch vận chiếm được đồn Phố Lu, quân ta tấn công đồn Làng Cù (Xuân Giao), Làng Lớn (Cam Đường), uy hiếp đồn Phố Ràng, tấn công đồn Mã Yên Sơn, Ngòi Mài, Tùng Quang, Cốc Xâm (Râm)...làm cho địch choáng váng. Thừa thắng, ngày 14-3-1949, ta đột nhập đồn Bản Lầu, tiêu diệt và bắt toàn bộ lính dõng ở đây. Ngày 16-3-1949, ta đánh đồn Bản Phiệt sau đó là Bản Cầm. Tính đến trung tuần tháng 3-1949, vùng giải phóng của ta trong hậu địch đã mở rộng gần 2000km^2. Ở Mường Khương, khu vực mới giải phóng gồm 5 xã là Bản Phiệt, Bản Cầm, Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai.

Nhằm đáp ứng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến ở địa phương. ***Ngày 04-4-1949, Tỉnh ủy Lào Cai quyết định thành lập chi bộ Đảng Bản Lầu do đồng chí Hà Bắc làm Bí thư***. Đồng chí Trần Phượng - Tỉnh ủy viên đã thay mặt cho Tỉnh ủy đọc quyết định và giao nhiệm vụ cho Chi bộ Bản Lầu. Chi bộ Bản Lầu khi thành lập có các đảng viên: Hà Bắc, Trần Phượng, Lý Chung Chi, Lục Bình Thủy, Chu Văn Kiên, Lục Bình (Bỉnh) Lợi, Lý Hán Sinh. Cuối năm 1949 đầu năm 1950 chi bộ được bổ sung thêm các đồng chí đảng viên mới: Trần Ngôn, Nguyễn Văn Thuận, Lục Bỉnh Ngọc.

Chi bộ Bản Lầu là chi bộ đảng đầu tiên ở huyện Mường Khương, chi bộ được thành lập dựa trên một tập thể nhỏ những đảng viên trung kiên được trưởng thành qua phong trào cách mạng những năm 1946 - 1948 ở địa phương. Từ đây công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân các dân tộc Mường Khương đã chính thức có tổ chức đảng lãnh đạo. Đây là tổ chức tiền thân của Đảng bộ Mường Khương, đặt nền móng cho quá trình phát triển Đảng của địa phương, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân các dân tộc Mường Khương. Cùng với việc thành lập Chi bộ Đảng Bản Lầu, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Mường Khương (lúc đó gọi là huyện Bản Lầu) cũng được thành lập do

Ủy ban kháng chiến hành chính khu 10 quyết định. Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Bản Lầu lúc thành lập do đồng chí Lục Vĩnh Tường làm Chủ tịch, đồng chí Hà Bắc làm Phó Chủ tịch, đồng chí Lục Bình Quyền làm ủy viên. Từ Chi bộ đầu tiên đó đã không ngừng nhen lên phong trào đấu tranh của các tầng lớp Nhân dân khu vực Bản Lầu để hình thành cái nôi của phong trào cách mạng Bản Lầu của huyện mường Khương, để từ đây phong trào đấu tranh cách mạng nhanh chóng lan ra toàn huyện, làm tiền đề cho Đảng bộ Mường Khương ra đời lãnh đạo cách mạng.

4. Thành lập Đảng bộ huyện Mường Khương (01/03/1950)

Đầu năm 1950, nhằm làm chuyển biến cục diện chiến tranh, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho Liên khu 10 mở chiến dịch Lê Hồng Phong I. Chiến dịch lấy Lào Cai làm hướng chính và có nhiệm vụ: Phối hợp với Giải phóng quân Trung Quốc tiêu diệt tàn quân Quốc dân Đảng nếu chúng tràn qua biên giới. Làm tan rã khối ngụy binh, tiêu diệt một số vị trí địch, giải phóng Lào Cai mở thông đường quốc tế.

Trong lúc chiến dịch Lê Hồng Phong đợt 1 diễn ra khẩn trương thì ***ngày 01/3/1950 Tỉnh ủy Lào Cai quyết định thành lập Ban cán sự Đảng huyện Mường Khương,*** nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo Nhân dân trong huyện phối hợp hiệu quả hơn nữa với bộ đội chủ lực để hoàn thành thắng lợi chiến dịch và tiến tới giải phóng địa phương.

Ban cán sự Đảng huyện thành lập trên cơ sở chi bộ Bản Lầu gồm có 3 đồng chí: Đồng chí Hà Bắc làm trưởng Ban; Đồng chí Lý Hán Sinh và Trần Ngôn làm ủy viên. Sau khi thành lập, Ban cán sự phân công đồng chí Hà Bắc phụ trách chung và phụ trách công tác xây dựng cơ sở khu vực Mường Khương cùng với đồng chí Lý Hán Sinh và Chu Văn Kiên. Đồng chí Trần Ngôn củng cố cơ sở khu vực Bản Lầu và Cao Sơn. Đồng chí Lục Bỉnh Lợi phụ trách công tác xây dựng bộ đội địa phương huyện. Nhiệm vụ chung của Ban cán sự lúc này là tập trung lãnh đạo

làm tốt công tác xây dựng củng cố lực lượng để phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Mường Khương.

Ngày 09-3-1950, địch từ Bản Phiệt tiến lên định chiếm lại Bản Lầu nhằm liên lạc với Mường Khương, song chúng bị bộ đội và du kích đánh bật, buộc phải rút về đồn Bản Phiệt. Đến trung tuần tháng 3/1950, chiến dịch Lê Hồng Phong đợt I kết thúc. Ở Mường Khương, trừ Bản Phiệt còn là nơi tranh chấp, các nơi khác thuộc Bản Lầu đã hợp thành khu du kích, các xã thuộc Bản Lầu đã tiến hành thành lập được chính quyền Nhân dân cấp xã. Trên khu vực Mường Khương, cơ sở của ta đã phát triển đến Vạn Niên Sử và Lao Chải. Cùng thời gian chiến dịch mở tại địa phương, huyện Mường Khương đã thành lập được huyện đội bộ dân quân và tổ chức được một trung đội bộ đội địa phương huyện. Ở các xã ta đều tổ chức được đội du kích làm nhiệm vụ canh phòng tuần tiễu, chống do thám, gián điệp bảo vệ địa phương. Mặc dầu sống trong điều kiện bị kìm kẹp và luôn phải đi phu và nộp sưu cao thuế nặng, đời sống còn nhiều khó khăn, song với lòng yêu nước, chí căm thù giặc, Nhân dân khu vực Bản Lầu đã san sẻ khẩu phần ăn của mình cung cấp cho lực lượng vũ trang đánh địch 44.579 cân gạo, 27 con trâu, 50 con lợn, 287 con gà, 45 con vịt, 307 công người và 288 công ngựa thồ.

Bản Lầu được giải phóng nhưng khu Mường Khương - Pha Long khá phức tạp. Ở Pha Long có một trung đội bảo an do Châu Quang Lồ chỉ huy. Để giữ vững tinh thần cho bọn tay sai và nhằm an dân, cuối tháng 2-1950, chúng đưa Nông Vĩnh Phương trở lại Mường Khương và La Văn Đức từ Bắc Hà về Pha Long để củng cố lực lượng.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, Mường Khương tiến hành quân sự hoá, chuẩn cán bộ trung kiên của huyện Mường Khương rút vào hoạt động bí mật trong tình thế khó khăn, gian khổ vẫn đi sát với dân ở từng lán và lãnh đạo Nhân dân đấu tranh. Đội công tác Bản Lầu đẩy mạnh hoạt động võ trang

tuyên truyền, địch vận, mở rộng cơ sở cách mạng. Sau khi kết thúc màn I chiến dịch Lê Hồng Phong, đầu tháng 4/1950, chủ lực ta rút ra ngoài để củng cố. Để bảo vệ vùng mới giải phóng, ngoài trung đội bộ đội địa phương huyện, tỉnh tăng cường cho Bản Lầu một đại đội (gồm 2 trung đội). Sau khi chiếm được Bản Lầu, từ cuối tháng 5/1950 địch tăng cường củng cố ba cứ điểm Bản Lầu, Bản Sen, Bản Phiệt. Trước tình hình đó, Ban cán sự Mường Khương chủ trương đưa dân về sống công khai hợp pháp với địch và chuyển cơ sở vào hoạt động bí mật. Phong trào đấu tranh ở vùng cao và giáp biên vẫn được giữ vững, bên cạnh việc làm đó, để ổn định đời sống Nhân dân tản cư sang bên kia biên giới, ta chuyển được 5 tấn thóc, một số trâu cày phục vụ đồng bào sản xuất.

Mặc dù bị địch càn quét nhiều lần nhưng sau chiến dịch Lê Hồng Phong I, phong trào cách mạng ở Mường Khương, đặc biệt là Bản Lầu vẫn được giữ vững và tiếp tục phát triển. Do bám dân, bám sát địa bàn, được quần chúng Nhân dân các dân tộc che chở nên cán bộ ta hoạt động vẫn có hiệu quả. Đến tháng 8/1950, ta đã tổ chức được bốn tổ trung kiên ở vùng người Mông và một tổ trong đồng bào Dao ở Bản Phiệt. Thời gian này huyện đã đào tạo được 6 cán bộ người địa phương. Đồng thời ta còn tăng cường công tác phòng gian bảo mật. Đã bố trí diệt được ba tên mật thám khi chúng vào dò la tin tức ở Sín Chải, gây được niềm tin và phấn khởi trong quần chúng Nhân dân. Đối với vùng đồng bào tản cư ta vẫn tăng cường chỉ đạo để ổn định đời sống Nhân dân. Ngoài việc cung cấp những nhu yếu phẩm thiết yếu cho Nhân dân, ta còn vận động Nhân dân tranh thủ để tăng gia sản xuất, ổn định đời sống. Trước sự càn quét của địch, để duy trì phong trào, Ban cán sự Đảng Mường Khương chia Bản Lầu thành ba khu, mỗi khu có một cán bộ phụ trách cơ sở của ta ở khu vùng cao từ La Pan Tẩn đến Mường Lum vẫn được duy trì.

5. Đảng bộ huyện Mường Khương lãnh đạo cuộc đấu tranh chống Tiễu Phỉ (1951 - 1954)

Tháng 5 năm 1951, thực hiện chủ trương "phỉ hóa" của tướng Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi, Bộ Chỉ huy Quân sự Pháp ở Đông Dương tổ chức chuyển khóa huấn luyện 49 (Secton 49) tình báo phá hoại của cục Viễn Đông (SDECE) thành đội biệt kích hỗn hợp thả dù GCMA để chuyên trách gây phỉ, phá hoại kho tàng, đường giao thông, ám sát cán bộ cách mạng, thành lập các căn cứ để hoạt động theo hình thức du kích ở các vùng tự do của ta, phá hoại sự an toàn của hậu phương ta và tiến hành chiến tranh tâm lý. Hoạt động của chúng vừa có tính chất quân sự, chính trị, vừa phục vụ cho âm mưu trước mắt và lâu dài. Bọn chúng chủ trương sẽ thành lập 2 trung đoàn thổ phỉ ở các huyện Mường Khương, Bắc Hà (Lào Cai), Hoàng Su Phì (Hà Giang), lập một tiểu đoàn phỉ ở Đồng Văn (Hà Giang). Bên cạnh đó chúng lôi kéo thêm tàn quân của Quốc dân Đảng Trung Quốc về biên giới Việt - Trung từ Mường Khương (Lào Cai) đến Đồng Văn (Hà Giang).

Ở Mường Khương, lực lượng phỉ do Châu Quang Lồ chỉ huy và được Pháp nuôi dưỡng đầu năm 1951 đã nhanh chóng phát triển lên gần 1000 tên, trong đó có khoảng 700 tên là tàn quân Quốc dân Đảng Trung Quốc vượt biên sang ta, nhóm của tên xếp Lèng ở thị trấn Mường Khương có khoảng 100 tên và 200 tên ở Pha Long do Châu Quang Lồ chỉ huy. Chúng đều được trang bị vũ khí mạnh có cả cối 81 ly, đại liên, trung liên, mìn, điện đài để liên lạc chỉ huy. Chúng đã phối hợp tổ chức vụ nổi phỉ ở miền Đông Lào Cai mà địa bàn trung tâm là Mường Khương, Pha Long, Bắc Hà, Hoàng Su Phì.

Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp của nạn nổi phỉ chống phá cách mạng ở Lào Cai nói chung và Mường Khương nói riêng, Tỉnh ủy Lào Cai một mặt đề nghị với chính ủy mặt trận liên khu điều động một bộ phận quân chủ lực của ta về tiễu phỉ. Mặt khác tỉnh chủ trương nắm vững lực lượng bộ đội địa phương và lực lượng dân quân du kích để bảo vệ địa phương, ra sức tuyên truyền giải thích cho Nhân dân hiểu rõ âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp

và hành động dã man của thổ phỉ, vận động Nhân dân tham gia tích cực vào chiến dịch tiễu phỉ. Tỉnh ủy cũng xác định rõ công tác tiễu phỉ ở biên giới là một nhiệm vụ lớn, lâu dài. Vấn đề căn bản là phải gấp rút xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, xúc tiến khẩn trương việc gây cơ sở quần chúng và đề nghị Trung ương cần có sự phối hợp với giải phóng quân Trung Quốc, đẩy mạnh việc tiễu trừ phỉ ở biên giới Việt - Trung từ Phong Thổ đến Hoàng Su Phì.

Chiến dịch tiễu phỉ ở miền Đông Lào Cai lần thứ nhất mà trung tâm là Mường Khương - Pha Long kết thúc. Phỉ đã rút vào hoạt động bí mật, nhưng bọn phỉ đầu sỏ vẫn chưa bị tiêu diệt, lực lượng phỉ vẫn còn lại hàng chục tên (Châu Quang Lồ chỉ huy 15 tên; Lù Pìn Dình, Xếp Thòn chỉ huy 20 tên; Tổng Trà, Tổng Đoàn Pẹt chỉ huy 7 tên, gây lại lực lượng trong Nhân dân, tổ chức lại lực lượng quân sự. Tháng 3-1951 chiến dịch tiễu phỉ lần thứ II ở Lào Cai được thực hiện ở miền Tây Lào Cai bao gồm các huyện Phong Thổ, Sa Pa, Bát Xát. Đến tháng 7, chiến dịch đã kết thúc thắng lợi. Tháng 5-1951, trước tình hình tàn quân Tưởng Giới Thạch ồ ạt tràn qua biên giới vào nước ta, chúng liên lạc với thực dân Pháp đẩy mạnh âm mưu gây phỉ. Tỉnh ủy Lào Cai đề ra chủ trương truy quét bọn đầu sỏ phỉ ở miền Đông và chỉ đạo Ban Cán sự Mường Khương, Bắc Hà thực hiện. Ở Mường Khương, Ban Cán sự ra lệnh bắt một số phỉ đã ra hàng ta từ trước bằng cách "mời ra tỉnh ăn cơm đoàn kết". Mặt khác Ban Cán sự đã phối hợp với bộ đội huy động hàng nghìn người dân tham gia truy quét phỉ hai ngày ở vùng Pha Long nhưng không mang lại kết quả. Châu Quang Lồ đã lợi dụng cơ hội tàn quân Tưởng tràn vào Việt Nam và những thiếu sót của ta trong việc thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Lào Cai để kích động, lôi kéo Nhân dân theo hắn. Từ giữa tháng 5 năm 1951, Phỉ ở Pha Long hoạt động mạnh, chúng đã giết 9 cán bộ và làm bị thương 4 cán bộ trung kiên của ta. Lực lượng của Châu Quang Lồ từ 15 tên trước đó nay đã phát triển lên hàng trăm tên.

Tại Pha Long, đến tháng 6 năm 1951, phỉ đã công khai tổ chức tiến hành một loạt trận tập kích, phục kích bộ đội, dân công ở Sin Pao Chải, Suối Thầu, Tả Lùng Thắng, Dìn Chin, Ngài Thầu, Lao Pao Chải. Đến cuối tháng 6 năm 1951, phỉ chiếm được các cứ điểm quanh phố Pha Long, siết chặt vòng vây thị trấn Pha Long, chặn đường tiếp tế giữa Pha Long với Mường Khương và Si Ma Cai; tích cực củng cố rẻo Mèo ở Pha Long, phát triển thêm cơ sở sang Mường Khương và Bản Lầu.

Về quân sự, giữ phố Pha Long, dùng hình thức vũ trang tuần hành mở rộng phạm vi kiểm soát ra quanh thị trấn; các đoàn có vũ trang không đi quá sâu vào nơi địch mạnh; phải hoạt động bất ngờ, mau lẹ nhằm cô lập dân với Châu Quang Lồ; nếu khó khăn, lực lượng của phỉ hơn hẳn ta, không giữ được phố Pha Long thì rút lui để bảo toàn lực lượng. Tại Mường Khương: Giữ phố Mường Khương; hoạt động mạnh ở Tung Chung Phố, Seo Tủng, Nấm Lư; tăng cường kiểm soát việc dân đi lại vào ban đêm, cần chấn chỉnh chặt chẽ hàng ngũ du kích; sãn sàng tiêu diệt địch khi chúng đánh Mường Khương. Tại Bản Lầu: Tăng cường sự cảnh gác và tuần hành võ trang; gây lại và giữ vững tinh thần cho du kích, chuẩn bị khi cần điều lên Mường Khương

Trước sự tấn công mạnh mẽ của ta, để giải vây cho Pha Long, từ ngày 13 tháng 7 đến tháng 8 năm 1951, phỉ đã phải phân tán thành những nhóm nhỏ rút dần vào hoạt động bí mật. Từ giữa tháng 7 năm 1951 đến tháng 8 năm 1951, nhân đà thắng lợi, quân ta liên tục truy quét quân phỉ ở các khu vực Sư Ma Tủng, Tả Lùng Thắng, Lồ Suối Thàng. Kết quả ta đã diệt được một số phỉ (trong đó có tên Sần Dì Quáng - Chánh tổng Mường Khương cũ), bắt và gọi hàng được 30 tên, thu được một số vũ khí. Từ tháng 9 năm 1951 đến tháng 3 năm 1952 phỉ đã rút vào hoạt động bí mật hoàn toàn.

Bước sang năm 1952, thực dân Pháp đã tổ chức kết nối chặt chẽ với tàn quân Tưởng Giới Thạch ở miền Đông Lào Cai,

tiếp tục đẩy mạnh âm mưu "phỉ hóa". Chúng đã tăng cường đặc vụ và bọn phòng nhì, phối hợp với bọn phỉ còn lại ở Pha Long (Mường Khương), Lùng Phình (Bắc Hà), Hoàng Su Phì (Hà Giang) thực hiện quấy rối, phá hoại ta suốt nẻo biên giới Lao Hà. Âm mưu tiến tới thành lập 2 trung đoàn phỉ, đặt dưới quyền chỉ huy của tên trùm phỉ Châu Quang Lồ (Pha Long) và lập 1 tiểu đoàn phỉ ở Đồng Văn (Hà Giang).

Ngày 02 tháng 6 năm 1952, phỉ tập trung lực lượng lớn gồm có 200 tên có trang bị vũ khí mạnh, súng cối 81, 60 mm và đại liên, trung liên tấn công vào phố huyện Mường Khương và chiếm cứ điểm pháo đài Nhật, nhưng chúng đều bị lực lượng vũ trang của ta dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Long - Tỉnh ủy viên, trưởng Ban Cán sự và đồng chí Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 930 (E148) đánh bật. Tuy vậy ta vẫn không phá tan được vòng vây của chúng. Ngày 08 tháng 6 năm 1952, khi bộ đội ta đóng ở Nấm Lư được lệnh chuyển quân về thị trấn cố thủ, phỉ đã tranh thủ đánh chiếm Nấm Lư và tiếp tục thắt chặt thêm vòng vây uy hiếp thị trấn Mường Khương.

Đến cuối năm 1952, cuộc vận động quần chúng tiễu phỉ ở Pha Long , Mường Khương ta thu được thắng lợi to lớn. Chính quyền các xã được thiết lập và củng cố tổ chức lại, các Ủy ban Nhân dân tiễu phỉ Thanh Bình được phát triển rộng khắp. Quần chúng, đặc biệt là thanh niên rất tích cực tham gia các Liên phòng đội bao gồm hơn 1.000 người. Các Liên phòng đội đã lập ra công ước gồm 12 điều (ngày 27 tháng 9 năm 1952), nội dung công ước quy định rõ nhiệm vụ và các điều kỷ luật phải tự giác chấp hành. Ngày 28 tháng 12 năm 1952, vào hồi 16 giờ (4 giờ chiều), Vàng Seo Vảng - một thiếu nhi ở Lao Pao Chải phát hiện thấy khói ở biên giới về báo với bộ đội. Quân ta phối hợp với quân giải phóng Trung Quốc tổ chức bao vây tên trùm phỉ Châu Quang Lồ ở hang Lao Pao Chải. Được tên Lìu Sín Phù trước đây là tay chân của Châu Quang Lồ đã ra hàng tự nguyện dẫn đường cho chiến sĩ Liên phòng đội và Châu Giang Bạo tiến sâu vào hang ổ phỉ ẩn náu. Tại đây ta đã tiêu

diệt được tên trùm phỉ miền đông Châu Quang Lồ và nhiều tên tay chân.

Tên trùm phỉ Châu Quang Lồ bị tiêu diệt, Nhân dân các dân tộc ở miền Đông Lào Cai, nhất là đồng bào ở Pha Long, Mường Khương rất phấn khởi, yên tâm, tin tưởng vào chính quyền cách mạng, tích cực tham gia cuộc sống mới. Số tàn phỉ suy yếu, tan rã hẳn, số đông đã tự nguyện đầu hàng để hưởng sự khoan hồng của cách mạng.

Trong thời gian 2 năm 1953 - 1954, trên địa bàn huyện Mường Khương lực lượng tàn quân phỉ vẫn không thể nổi lên công khai hoạt động chống phá ta như ở các huyện khác. Qua thống kê, rà soát của ta vào thời điểm cuối năm 1953, lực lượng phỉ ở Mường Khương chỉ còn sót lại khoảng từ 20 - 30 tên. Chúng lén lút hoạt động chủ yếu ở vùng giáp sông Chảy. Địa bàn này ta khó kiểm soát và lùng sục, truy quét chúng nên phỉ vẫn ra sức tuyên truyền xuyên tạc chính sách của Đảng, tung hô quân Pháp sẽ quay lại chiếm Lào Cai, Việt Minh sắp thua, Chính phủ La Văn Đức (Lò Vản Tờ) sắp trở về Mường Khương... Về hoạt động của thực dân Pháp, trong thời gian từ năm 1953 đến tháng 7 năm 1954. Chúng thường xuyên cho máy bay thả biệt kích lương thực xuống địa bàn huyện tìm cách liên lạc với phỉ (năm 1954, chúng thả dù 6 biệt kích xuống Tung Chung Phố (Mường Khương). Nhưng mọi hoạt động của chúng đều bị lực lượng ta kiểm soát và đập tan.Từ sau ngày 27 tháng 7 năm 1954, khi Hiệp định Giơ-ne-vơ có hiệu lực đình chiến thì về cơ bản tàn phỉ ở Mường Khương đã chấm dứt hoạt động, công tác tiễu phỉ trừ gian ở Mường Khương dành được thắng lợi hoàn toàn.

Phần thứ ba
ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1955 - 1965)

1. Đảng bộ huyện Mường Khương lãnh đạo Nhân dân tiếp tục Tiễu phỉ, cải cách dân chủ, đẩy mạnh sản xuất, Khôi phục kinh tế (1955-1960)

Từ cuộc phát động quần chúng tiễu phỉ năm 1952 đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; dưới ánh sáng của Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, củaTỉnh ủy Lào Cai, huyện Mường Khương đã mở các cuộc vận động "cứu đói cứu rách", cấp ruộng đất của bọn việt gian bỏ chạy cho nông dân, vận động Nhân dân đẩy mạnh sản xuất.

Đời sống Nhân dân các dân tộc địa phương bước đầu được cải thiện. Mỗi quan hệ giữa Đảng với quần chúng, giữa chính quyền với Nhân dân được tăng cường. Quần chúng các dân tộc tin theo Đảng, gắn bó mật thiết với cán bộ và bội đội. Đây là nhân tố rất cơ bản có tính chất quyết định thắng lợi mọi cuộc vận động cách mạng ở địa phương trong các thời kỳ tiếp sau, đặc biệt trong công tác phòng chống âm mưu hoạt động gây bạo loạn của kẻ địch và trong phong trào phát triển sản xuất nông nghiệp, tích cực khai hoang phục hóa, làm ruộng bậc thang và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống và sản xuất. Cuộc đấu tranh tiễu phỉ của tỉnh Lào Cai và của huyện Mường Khương cơ bản hoàn thành, tạo môi trường chính trị thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Lào Cai nói chung và Nhân dân Mường Khương nói riêng thực hiện hiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hoàn thành cuộc cải cách dân chủ.

Từ cuối năm 1952, cuộc phát động quần chúng tiễu phỉ thắng lợi, Đảng bộ và chính quyền huyện đã quan tâm giải

quyết những khó khăn trong sản xuất và trong đời sống Nhân dân các dân tộc như cứu đói, cứu rách, cung cấp thóc giống, bắt giống và nông cụ vận động Nhân dân khai hoang phục hóa, đẩy mạnh sản xuất đồng thời huyện còn vận động Nhân dân những vùng có thu hoạch khá giúp đỡ tương trợ nơi đói kém về lượng ăn thóc giống. Số diện tích bị bỏ hoang hay mất trắng tới trên 265 ha, sản lượng bị mất tới trên 220 tấn lúa ruộng, 18 tấn lúa nương và 130 tấn bắp. Hòa bình được lập lại, sản xuất nông nghiệp trong huyện lại gây nhiều trở ngại mưa đá, và tiếp đó là mưa lũ đã phá hoại phần lớn hoa mầu. Nạn đói rách bệnh tật xuất hiện và diễn ra một cách nghiêm trọng, nhất là ở khu vực Cao Sơn, Pha Long. Lực lượng cán bộ của huyện rất mỏng. Khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Mường Khương vẫn mới chỉ có ban cán sự Đảng với 2 chi bộ, 8 đảng viên trong tổng số 15 cán bộ (5 cán bộ người miền xuôi và 10 cán bộ người các dân tộc địa phương). Các xã tuy có một số quần chúng ưu tú có thể tiếp tục bồi dưỡng kết nạp vào Đảng nhưng nhận thức của cấp ủy về chỉ thị "tạm ngừng phát triển để củng cố Đảng" của Trung ương (cuối năm 1950) không đầy đủ và đúng đắn, còn cho rằng Đảng "đóng cửa" nên từ 1951 đến 1954 huyện vẫn không kết nạp được đảng viên nào. Bộ máy chính quyền cấp xã được xây dựng và củng cố, qua các cuộc vận động nhưng vẫn còn một số ủy viên thuộc thành phần địa chủ, phú nông và một số người có quan hệ với phỉ trước đây. Dân quân du kích số lượng đông nhưng chưa củng cố.

Trước tình hình trên, Đảng bộ huyện Mường Khương đã tập trung lãnh đạo khôi phục kinh tế, ổn định đời sống Nhân dân các dân tộc. Thời gian này cùng với việc đưa các đội y tế xuống hoạt động tại các vùng đang có bệnh dịch, tổ chức cứu tế, vận chuyển muối, thóc, vải, chăn chiên xuống phân phát cho Nhân dân các dân tộc vùng đang bị đói rách. Huyện đã vận động Nhân dân các dân tộc Tày, Nùng, Dáy chuyên trồng lúa nước đời sống khá hơn các dân tộc khác, nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ "lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá

rách nhiều" giúp đỡ về lương thực, tóc và bắp giống, nông cụ cho Nhân dân các dân tộc vùng đang gặp khá khăn. Riêng về thóc cứu đói ở khu vực Bản Lầu ta đã giải quyết cho Lùng Vai 500kg, Bản Lầu 500kg, Bản Cầm 170 kg. Huyện còn cho một số gia đình quá nghèo nhận xay giã thóc cho kho thóc (lương thực) động viên Nhân dân khai thác lâm thổ sản bán cho mậu dịch và lấy quỹ nghĩa thương cho dân nghèo vay để hỗ trợ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Cũng từ các năm 1954 - 1955 các tổ đổi công và tổ chức nông hội của huyện Mường Khương được tiếp tục phát triển và củng cố tính đến tháng 10/1955 Mường Khương đã có ban chấp hành nông hội huyện gồm 7 ủy viên (có 3 ủy viên trong biên chế). Nói chung các ủy viên nông hội ở Mường Khương có 1080 người thuộc thành phần các dân tộc: Mông, Nùng, Dáy, Hán, Dao, PaDí, Tu Dí, Phù Lá, Thu Lao và Lô Lô. Nông hội các xã sinh hoạt và hoạt động đều trừ 3 xã khu vực Cao Sơn chưa thành lập được còn các xã khác trong huyện đã có Ban chấp hành nông hội ở xã. Nông hội ở Mường Khương đã phát huy được vai trò đoàn kết nông dân, thúc đẩy sản xuất phát triển và từng bước phát triển kỹ thuật, cải tiến nông cụ.

Huyện Mường Khương cũng như các huyện khác thuộc tỉnh Lào Cai không tiến hành các đợt vận động quần chúng giảm tô thực hiện cải cách ruộng đất, trong cuộc vận động học tập chính sách dân tộc của Đảng vừa qua, do ta nắm vững phương châm, tranh thủ được sự đồng tình của tất cả mọi tầng lớp Nhân dân, có phương pháp mềm dẻo linh hoạt nên ở địa phương không bị mắc các sai lầm nghiêm trọng. Khi Mường Khương tiến hành công tác sửa sai số phần tử xấu và bọn tề, ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo đã lợi dụng cơ hội tung ra những luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc, đả kích lãnh đạo, đã kích cán bộ làm thuế, cán bộ mậu dịch, công an. Địch lôi kéo quần chúng gây rối nhưng bọn chúng đã bị Nhân dân phát hiện kịp thời báo chính quyền ta trấn áp, do đó, ngay khi ở trong tỉnh xẩy ra một số vụ kẻ địch gây bảo loạn

như vụ "xưng vua" ở San Sả Hồ - Sa Pa đầu năm 1957 hoặc vụ bạo loạn ở A Lù (Bát Xát) tháng 4-1959, ở Mường Khương vẫn không xẩy ra vấn đề gì đáng tiếc, công tác bảo vệ trị an vẫn được bảo đảm.

Cùng với khôi phục kinh tế, ổn định đời sống Nhân dân, Huyện Mường Khương tập trung xóa bỏ các tàn dư của thế lực phong kiến, cải tạo XHCN và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH. Ở huyện Mường Khương thế lực của thổ ty phong kiến phản động tay sai đế quốc Pháp, Mỹ đã đánh gục trong quá trình ta phát động chiến tranh du kích vùng địch tạm chiếm 1948 - 1950 và phát động quần chúng tiễu phỉ 1950 - 1952. Uy thế chính trị của chúng đã không còn. Ruộng đất của những tên Nông Vĩnh An, thổ ty dân tộc Nùng khu vực Mường Khương làm tỉnh trưởng Lào Cai và La Văn Đức - thổ ty dân tộc Mông khu vực Pha Long làm phó tỉnh trưởng tỉnh Lào Cai thời kỳ Pháp tái chiếm đã bị ta tịch thu chia cho nông dân không có ruộng hoặc quá ít ruộng. Nhưng thế lực phong kiến nói chung mới bị suy yếu một phần. Một số ruộng đất trong huyện vẫn nằm trong tay địa chủ phú nông, số người này hoặc theo kháng chiến đang làm việc trong chính quyền ta, hoặc trước đây theo địch cầm đầu ngụy quân ngụy quyền ở cơ sở, một số trước là đầu sỏ bị ta bắt hoặc bị bức hàng, đã qua tập trung cải tạo số người này do quan hệ dân tộc, quan hệ họ hàng và điều kiện kinh tế nhiều ít vẫn còn ảnh hưởng trong Nhân dân địa phương, nền kinh tế trong huyện chủ yếu vẫn là nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ, phân tán, cá thể. Về thương nghiệp lưu thông phân phối ngoài mậu dịch quốc doanh có các cửa hàng ở huyện lỵ Mường Khương các khu vực Bản Lầu, Pha Long, còn có một số tiểu thương về công nghiệp và thủ công nghiệp, chỉ có một số thợ thủ công (thợ may, thợ cắt tóc, thợ rèn).

Tỉnh Lào Cai tiến hành cuộc vận động chia làm 3 đợt, thời gian của cả 3 đợt từ đầu tháng 10-1959 đến cuối 5-1960 kết thúc, trong đó huyện Mường Khương được tỉnh cho tiến hành

ở 2 đợt đầu. Đợt đầu thực hiện ở 3 xã khu vực Pha Long, đợt 2 của Mường Khương thực hiện ở 21 xã còn lại.

Đảng bộ huyện Mường Khương nhận thức rõ cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go và quyết liệt vừa giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vừa thủ tiêu tàn dư thế lực phong kiến, vạch ranh giới giữa địa chủ và nông dân, giữa bóc lột và bị bóc lột, giải quyết những vấn đề kinh tế còn lại thực hiện yêu cầu của cải cách dân chủ. Đảng bộ huyện cũng thấy cuộc đấu tranh tuy tính chất gay go quyết liệt nhưng lại phải tiến hành một cách ôn hòa không gây tình hình căng thẳng ở nông thôn, vẫn đảm bảo tăng cường đoàn kết toàn dân và tranh thủ được các nhân vật tầng lớp trên tập hợp được lực lượng có lợi cho cách mạng. Từ nhận thức trên Đảng bộ huyện đã bố trí cán bộ phối hợp với cán bộ của tỉnh tăng cường về tiến hành cuộc vận động. Huyện quan tâm chỉ đạo công tác chuẩn bị nên công tác này đã được tỷ mỷ và chu đáo các khâu điều tra nông thôn, lập trường kế hoạch vận động, tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ đi làm về vấn đề tổ chức chỉ đạo đều thực hiện tốt do đó cuộc vận động đã được nhanh gọn bảo đảm phương châm "nhẹ nhàng, đơn giản, sâu sát, triệt để".

2. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III (2-1961) xác định mục tiêu, nhiệm vụ trong những năm 1961 -1963 là: "Phát huy tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa, truyền thống đoàn kết của Nhân dân các dân tộc. Tận dụng một cách có hiệu quả hơn nữa những khả năng tiềm tàng phong phú của địa phương, tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp tư doanh, ra sức phát triển kinh tế và văn hóa, làm cho Lào cai trở thành tỉnh có công nghiệp và nông nghiệp phát triển mạnh mẽ. Thực hiện tự

túc về lương thực cung cấp một phần lâm sản cho Trung ương. Đảm bảo nâng cao hơn nữa đời sống và trình độ mọi mặt cho các dân tộc trong tỉnh, tạo điều kiện cho đồng bào tiến kịp miền xuôi. Góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và thực hiện đấu tranh thống nhất nước nhà". Đại hội cũng đề ra các biện pháp phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, củng cố Đảng và chính quyền cơ sở, củng cố lực lượng vũ trang.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Lào Cai lần thứ III và kế hoạch 5 năm được Đảng bộ huyện Mường Khương quán triệt, triển khai thực hiện bằng việc đề ra chủ trương, chính sách trên các lĩnh vực phù hợp với thực tiễn địa phương.

Lãnh đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp và các ngành kinh tế

Đảng bộ huyện Mường Khương đã nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa), về mối quan hệ gắn bố giữa 3 cuộc cách mạng và vị trí của từng cuộc cách mạng trong sự nghiệp phát triển tổng hợp này, trong đó xác định lấy cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Được Trung ương và tỉnh quan tâm, tăng cường chỉ đạo, bổ sung cán bộ, cán bộ xuống ở cơ sở lâu dài, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong huyện đã có nhiều cố gắng, tiến hành các cuộc vận động lớn ở địa phương, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965).

Cũng như trong các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp tư doanh, trong nông nghiệp ở huyện Mường Khương phong trào hợp tác hóa đã được xây dựng từ cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ (cuối năm 1959 đến đầu 1960). Thời kỳ đầu, phong trào tuy phát triển nhanh nhưng chưa vững, một số nơi chưa đi qua tổ đổi công đã đi thẳng lên hợp tác xã.

Trong những năm 1959 - 1960 phong trào lên rất mạnh nhất là ở vùng cao, thu hút tới 80% tổng số hộ nông dân trong huyện vào các hợp tác xã. Nhưng đến hai năm 1962 và 1963 phong trào lại tụt nhanh, chủ yếu ở vùng cao. Năm 1963 số xã viên hợp tác xã nông nghiệp trong huyện chỉ còn chiếm 46% tổng số dân số. Tình hình trên là do cơ sở vật chất của phần lớn các hợp tác xã nhất là các hợp tác xã vùng cao chưa có gì đáng kể, trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn non yếu, mặt khác ở một số nơi cán bộ ta lại nôn nóng đưa hàng loạt hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao; các ban quản lý không điều hành nổi làm ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của hợp tác xã và xã viên, do đời sống không đảm bảo một số xã viên đã ra ngoài làm ăn riêng lẻ.

Trong cuộc vận động xây dựng hợp tác hóa ở Mường khương, khi quần chúng đề nghị cho địa phương xây dựng hợp tác xã, cán bộ ta đã không chú ý đến các điều kiện trên. Mặc dù thiếu điều kiện này hay điều kiện khác nhưng vẫn cho xây dựng hợp tác xã. Cụ thể như hợp tác xã Lao Chải (xã Tả Gia Khâu) không có ruộng đất ổn định, hoặc như hợp tác xã Tung Chung Phố điều kiện giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa của quần chúng còn thấp và thiếu cốt cán lãnh đạo. Vì vậy khi xây dựng xong sản xuất gặp khó khăn, các hợp tác xã này đổ vỡ. Có nơi như hợp tác xã Nỉ Sỉ xã Lao Táo, xây dựng xong nhưng không bồi dưỡng số cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật lại đưa các xã xuống tổ đổi công cũng làm cho quần chúng thắc mắc. Từ thực tiễn năm 1963, Huyện ủy Mường Khương đã rút kinh nghiệm trong các cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật": Chú ý đào tạo bồi dưỡng các cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã, hướng dẫn giúp đỡ ban quản trị xác định rõ phương hướng sản xuất của hợp tác xã; đầu tư mua sắm nông cụ cải tiến áp dụng các biện pháp kỹ thuật; đẩy mạnh phong trào khai hoang làm ruộng nương bậc thang và điều hành lao động một cách hợp lý. Đồng thời cán bộ đảng viên đã quan tâm hơn đến việc xây dựng hợp tác xã ở những

nơi có đủ điều kiện. Cùng thời gian này trong nội bộ Đảng ta tiến hành cuộc vận động "xây dựng chi bộ, đảng bộ (4 tốt), nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng ở cơ sở và các đảng viên.

Trong công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện đã chú ý quan tâm đến các đặc điểm diện tích ruộng bằng, chiếm 20,5% tổng số diện tích đất nông nghiệp, còn phụ thuộc nhiều vào thiên tai, 79,5% diện tích còn lại có độ dốc lớn dễ gây sạt lở sói mòn, làm bạc mầu đất trồng trọt. Trước tình hình Nhân dân địa phương còn tập quán thả rông gia súc, ít hộ làm chuồng trại, chăn nuôi còn phân tán theo từng nhóm, từng gia đình; hệ thống nông trại, mương máng còn ít, trên vùng cao mùa khô bị thiếu nước nghiệm trọng, nông cụ cải tiến và phương tiện vận chuyển chưa nhiều, Đảng bộ Mường Khương đã đề ra những quyết sách phù hợp với thực tiễn.

Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục

Đi đôi với phát triển kinh tế chủ yếu là phát triển phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện đã đẩy mạnh công tác giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao nâng cao một bước đời sống tinh thần cho Nhân dân các dân tộc. Huyện đã mở chiến dịch diệt dốt và thanh toán nạn mù chữ cho 6.205 người độ tuổi từ 12- 40 đạt 80% số người cần được giải quyết. Phong trào học phổ thông và vỡ lòng được phát triển, toàn huyện có 692 học sinh cấp I và cấp II, 1.264 học sinh các lớp vỡ lòng, công tác giáo dục từng bước được phát triển khu vùng thấp và huyện lỵ đã phát triển đều đảm bảo số lượng, chất lượng.

Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật gắn với sản xuất đời sống cho Nhân dân các dân tộc. Huyện đã thành lập đội tuyên truyền xung phong cùng các đội văn nghệ quần chúng, đội chiếu bóng đi sâu xuống cơ sở, thông qua các hình thức văn nghệ, phim ảnh, để thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền. Công tác bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, Nhân dân các dân tộc có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế dân lập và

quốc lập phát triển khá, đã có các trạm xá như các xã Tùng Lâu, Nấm Lư, Lùng Vai có ý thức phục vụ tận tình được Nhân dân tin tưởng. Tỷ lệ tử vong giảm đi rõ rệt năm 1964 chiếm 0,03% năm 1965 tỷ lệ này giảm xuống còn 0,028% số bệnh nhân điều trị.

Hoạt động thể dục, thể thao đã có chuyển biến tích cực một số cơ quan ở huyện đã chú ý động viên phong trào cán bộ, công nhân viên tập thể dục buổi sáng, thành lập được các đội bóng đá, bóng chuyền, các đội này thường xuyên luyện tập và thi đấu với nhau trong các ngày lễ, ngày kỷ niệm.

Công tác an ninh quốc phòng

Ở huyện Mường Khương sau các vụ bạo loạn ở A Lù (Bát Xát), tháng 5/1959; vụ "Xưng Vua" ở Bản Khoang (Sa Pa) đầu năm 1960 và vụ bạo loạn Pha Long "tháng 9/1960" đều bị lực lượng vũ trang Nhân dân của ta diệt và bắt gọn. Đảng bộ huyện nhận thấy rõ hơn về thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc XHCN; thấy rõ hơn bản chất ngoan cố của kẻ địch đã tăng cường công tác giáo dục nâng cao cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc; phát động phong trào bảo vệ trị an trong Nhân dân; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, công an Nhân dân và các đồn biên phòng Pha Long, Mường Khương và trạm kiểm soát Na Lốc (Bản Lầu). Các đồn biên phòng Pha Long, Mường Khương và trạm kiểm soát Na Lốc (Bản Lầu) đã tham gia cuộc vận động hợp tác hóa, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở huyện.

Đầu năm 1961, được Nhân dân địa phương phát hiện ta đã bắt được tên Chánh Trà đầu sỏ phỉ người Nùng ở Lồ Sử Thàng (tên này giả chết) đang hoang mang giao động sau các vụ bạo loạn ở Sa Pa, Bát Xát, Mường khương đều bị diệt trừ. Ta đã viết thư kêu gọi tên này ra hàng, cho hưởng khoan hồng khi tên Chánh Trà ra huyện. Nhưng vì quá lo sợ, tên này đã tự vẫn bằng thuốc phiện đầm thanh. Sau khi tên Chánh Trà chết tên Lù Lài Sín người thôn Nấm Oọc xã Nậm Lư là một tên phỉ ngoan cố đã ra hàng và được hưởng lượng khoan hồng cho về nhà. Sau đó tên này lại chạy trốn ....

Củng cố chính quyền và phát huy vai trò của đoàn thể quần chúng, tăng cường công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ

Thực hiện lời dạy, lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác xây dựng Đảng, củng cố và phát huy hiệu lực của chính quyền, vai trò của các đoàn thể quần chúng trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng bộ huyện Mường Khương đã gắn liền công tác xây dựng củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể với công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Đối với các hội đồng Nhân dân, ủy ban hành chính huyện, xã, Đảng bộ quan tâm chỉ đạo việc dân chủ bầu cử khi ủy viên của các cơ quan quyền lực này hết nhiệm kỳ. Đảng bộ chú ý cân nhắc các thành phần xã hội và thành phần dân tộc tiêu biểu của các ủy viên, đồng thời tăng cường cán bộ, đảng viên sang tham gia đảng đoàn chính quyền.

Để tránh tình trạng có ủy viên trình độ, năng lực yếu không làm được việc dễ gây mất đoàn kết nội bộ và mất uy tín nhiệm với dân, Đảng bộ đặt vấn đề cần kiên quyết đưa các ủy viên lần lượt đi dự các lớp học tập, huấn luyện, bồi dưỡng trình độ; cán bộ còn yếu về mặt nào thì bồi dưỡng mặt ấy. Để nâng cao chất lượng và hiệu lực các hội đồng Nhân dân vào ủy ban hành chính, Đảng bộ thường xuyên nhắc nhở cần giữ vững nề nếp sinh hoạt, thực hiện đúng chế độ báo cáo thỉnh thị, kiểm tra đôc đốc các cơ sở và các phòng ban ở huyện chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cấp trên; hội đồng Nhân dân, ủy ban hành chính huyện, các xã đều cần phấn đấu theo tiêu chuẩn chính quyền giỏi toàn diện. Đảng bộ lãnh đạo các phòng ban chuyên môn của chính quyền thông qua Đảng đoàn và thường trực ủy ban hành chính huyện. Riêng đối với công an và ban chỉ huy quân sự huyện, Đảng bộ trực tiếp lãnh đạo mọi mặt cả về xây dựng tổ chức cả về hoạt động thực hiện.

Đảng bộ huyện nhận thấy công tác vận động quần chúng là biện pháp cơ bản nhất để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Muốn vậy phải chú ý làm tốt các khâu công tác giáo dục giác ngộ tổ chức động viên, hướng dẫn quần chúng đi vào các hoạt động cách mạng. Xuất phát từ nhận thức trên, Đảng bộ huyện quan tâm đến việc kiện toàn các tổ chức, đưa các cán bộ đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và có uy tín với quần chúng vào ủy ban mặt trận Tổ quốc và các ban chấp hành các đoàn thể phụ nữ, thanh niên. Huyện thông qua chương trình kế hoạch của các đoàn thể, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, đồng thời kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các cuộc vận động lớn các phong trào thi đua trong từng ngành, từng giới.

Mặt trận đã làm tốt công tác vận động sản xuất, vận động Nhân dân học văn hóa, vận động thanh niên tòng quân trong tháng thi đua chống Mỹ và trong đợt thi đua với thủ Dầu Một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Mặt trận cũng đã coi trong công tác giáo dục chính sách đại đoàn kết toàn dân, chính sách sản xuất và tiết kiệm trong các hội nghị phụ lão, hội nghị tọa đàm với các nhân vật tầng lớp trên và tích cực góp phần làm giảm bớt các hủ tục trong các việc cưới xin ma chay. Vai trò của phụ nữ là nòng cốt trong các phong trào làm cỏ, bỏ phân, cày bừa kỹ, cấy đúng kỹ thuật, làm phân, làm thủy lợi vv... Đã có 8 chị em tham gia các ban quản lý hợp tác xã, 17 chị em là ủy viên kiểm soát các hợp tác xã. Điển hình các phong trào phụ nữ năm 1963 là các xã Sàng Chải, Bản Lầu, Tung Chung Phố.

Đoàn thanh niên lao động các địa phương trong huyện thể hiện rõ vai trò là đội quân xung kích, dám nghĩ dám làm nêu cao khẩu hiệu "đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên" trên các mặt trận lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước; đi đầu trên mặt trận thanh toán nạn mù chữ, bài trừ hủ tục mê tín dị

đoan. Trong năm 1965, đoàn thanh niên lao động huyện đã kết nạp thêm 80 đoàn viên, phong trào thanh niên "3 sẵn sàng" và phấn đấu xây dựng chi đoàn "4 tốt" đã đưa lại kết quả đáng kể. Có 16 đội xung kích đi đầu trong sản xuất và mở đường giao thông. Tổ chức thu phân bón được 13.946 tấn vượt năm 1946 là 9.44 tấn. Phong trào thanh niên ở các xã Pha Long, Lùng Vai, Tả Ngài Chồ, Bản Lầu, Mường Khương, Tùng Lâu phát triển mạnh làm tốt việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Tăng cường cộng tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ

Đảng bộ coi trọng công tác giáo dục lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và huyện bồi dưỡng trình độ văn hóa cho cán bộ đảng viên. Một phần huyện gửi cán bộ đảng viên đi học các trường lớp của Trung ương và tỉnh mở, một phần tổ chức học tập tại huyện. Công tác giáo dục tư tưởng, huyện xác định làm thường xuyên bám vào các mục tiêu đề ra trong các nghị quyết Đại hội Đảng bộ và phát huy những thắng lợi đã đạt được. Để khắc phục những khó khăn yếu kém Đảng bộ còn lấy nội dung chống Mỹ cứu nước để động viên cán bộ đảng viên vươn lên kết hợp chặt chẽ giữa chỉnh huấn với phát triển phong trào thi đua lập thành tích để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng thúc đẩy sản xuất phát triển.

Công tác cán bộ, Đảng bộ huyện quan tâm việc đào tạo bồi dưỡng vận động cải tiến tổ chức, cải tiến lề lối làm việc đạt kết quả công tác và hoàn thành nhiệm vụ nâng dần số lượng và chất lượng là cán bộ các dân tộc địa phương.

Năm 1965, toàn huyện có 385 cán bộ công nhân viên các ngành, tăng 61 cán bộ so với năm 1964, trong đó có 115 cán bộ người các dân tộc thiểu số ở các địa phương, chiếm 29.87% tổng số cán bộ công nhân viên. Trong năm huyện đã bồi dưỡng nghiệp vụ cho 246 lượt cán bộ kế toán 60 ủy viên ban quản trị hợp tác xã và 60 cán bộ là con em các dân tộc tại chỗ.

Trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ huyện Mường Khương tuy có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn hạn chế nhất định. Trong chỉ đạo phong trào hợp tác hóa và phát triển sản xuất nông nghiệp ta còn chưa phát huy triệt để các thế mạnh của miền núi, chăn nuôi và nghề rừng còn chưa được đẩy mạnh. Ngành thủ công nghiệp còn nhiều tiềm năng chưa khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã còn nghèo nàn, trình độ quản lý của các ban quản trị nói chung còn non kém. Công tác cán bộ tỷ lệ đảng viên nữ còn thấp, số lượng đảng viên vẫn quá thấp so với dân số. Một số cán bộ đảng viên không giữ được đạo đức phẩm chất, thiếu gương mẫu, thiếu ý thức trách tổ chức kỷ luật, một số còn tham ô, hủ hóa, xin thôi, xin nghỉ, một số còn hữu khuynh mất cảnh giác, tác phong chưa sâu sát lề lối làm việc còn chung chung thiếu cụ thể.

Phần thứ tư
ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG CHUYỂN HƯỚNG LÃNH ĐẠO TỪ THỜI BÌNH SANG THỜI CHIẾN (1965 - 1975)

Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai của Nhân dân ta ở Miền Nam những năm 1960 -1965 đã buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi "*Chiến lược chiến tranh Đặc biệt*" sang "*Chiến lược chiến tranh Cục bộ*". Với chiến lược chiến tranh này, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào Miền Nam, đồng thời chúng leo thang đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Đến đây cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã lan rộng trên khắp nước ta. Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường cho máy bay và tàu chiến hoạt động đánh phá miền Bắc. Ngày 11-7-1965, máy bay Mỹ bắt đầu đánh phá Lào Cai.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 29-7-1965, Tỉnh ủy Lào Cai ra Chỉ thị số 73/CT-TU về tiếp tục đối phó và đánh bại âm mưu phá hoại, xâm lược của đế quốc Mỹ. Chỉ thị nêu rõ: "Nhân dân Lào Cai cũng như Nhân dân miền Bắc cùng đồng bào miền Nam kiên quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đồng thời tiếp tục xây dựng CNXH... Phải làm cho toàn dân Lào Cai quán triệt nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu trong tình hình diễn biến ngày càng khó khăn phức tạp trước âm mưu địch tiếp tục mở rộng chiến tranh. Tư tưởng chỉ đạo chung là phải đưa tinh thần quyết tâm của đảng viên và quần chúng lên cao và phát huy tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng và ý thức giác ngộ về xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng hy sinh và vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao ....Phải coi trọng nhiệm vụ phòng không, sơ tán,

phòng chống gián điệp biệt kích, ... mọi ngành, mọi người phải làm việc khẩn trương, phải sửa đổi lề lối làm việc cho phù hợp với tác phong quân sự". Chỉ thị còn chỉ rõ: "Trong lúc chống Mỹ cứu nước vẫn phải tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá) đi đôi với sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an biên giới và ra sức chi viện cho tiền tuyến".

Mường Khương là một huyện vùng cao của tỉnh Lào Cai, là địa bàn hiểm yếu về quốc phòng. Trước âm mưu và hoạt động của đế quốc Mỹ dùng không quân đánh phá sâu vào hậu phương miền núi phía Bắc nước ta, Đảng bộ huyện đã tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chỉ thị của Tỉnh uỷ Lào Cai về việc chuẩn bị và sẵn sàng đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Mặt khác, huyện tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới và trật tự trị an nội địa, đề phòng bọn người xấu lợi dụng chiến tranh để hoạt động chống phá, gây thêm nhiều khó khăn cho ta.

Để lãnh đạo tập trung, kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngày 30-12-1966, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 36 - NQ/TU về xây dựng khu căn cứ trung tâm. Nghị quyết khẳng định: "Sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Để bảo đảm sự chỉ đạo đó được liên tục, chặt chẽ và kịp thời trong bất kỳ tình huống nào, ngoài việc phân công cấp ủy phân tán xuống cơ sở để trực tiếp lãnh đạo sản xuất và chiến đấu tại chỗ, ta còn phải xây dựng khu căn cứ trung tâm để bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, tập trung. Khu căn cứu trung tâm phải là nơi có địa hình địa vật tốt và thuận lợi, có cơ sở chính trị và phong trào quần chúng vững chắc, có điều kiện phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu hậu cần tại chỗ, có điều kiện bảo đảm an toàn cho cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cho cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước thường xuyên nắm chắc và kịp thời chỉ đạo tình hình chung của địa phương và trong mọi tình hình."

Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1970) huyện Mường Khương chưa thành lập lực lượng bộ đội địa phương huyện, ngoài các đơn vị công an vũ trang các đồn Pha Long, Mường Khương, Na Lốc (Bản Lầu), huyện chỉ có cơ quan huyện đội từ 18 đến 20 cán bộ chiến sỹ và các đội dân quân tự vệ bao gồm loại I và loại II cũng như quân dự bị có loại I và loại II. Dân quân tự vệ loại I có đủ chất lượng chiến đấu cao hơn loại II, được trang bị khá hơn và là lực lượng thường trực chiến đấu trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại. Dân quân tự vệ loại II có nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo mật phòng gian và phục vụ chiến đấu.

Để nâng cao chất lượng chiến đấu trong các lực lượng, công tác chính trị tư tưởng được Đảng bộ chỉ đạo coi trọng hàng đầu. Cùng với công tác giáo dục cho các lực lượng vũ trang địa phương có nhận thức đầy đủ về âm mưu thủ đoạn hoạt động của địch, về bản chất của lực lượng vũ trang cách mạng, vai trò và nhiệm vụ của dân quân tự vệ trong tình hình mới nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, ý trí quyết chiến quyết thắng cho cán bộ chiến sỹ, huyện còn tăng cường công tác động viên, xây dựng phong trào quyết thắng, xã điển hình, đơn vị điển hình tiên tiến. Huyện ủy đã chọn xã La Pan Tẩn khu vực Cao Sơn để xây dựng điển hình xã quyết thắng; các xã Pha Long, Bản Lầu mỗi xã có 1 trung đội quyết thắng; các xã Lùng Khấu Nhin, Nấm Lư mỗi xã có 1 tiểu đội quyết thắng. Riêng lực lượng dân quân xã La Pan Tẩn thời gian này có 70 cán bộ chiến sỹ trong đó có 32 đồng chí là đảng viên; xã La Pán Tẩn là một trong những cơ sở cách mạng của huyện từ thời kỳ chống thực dân Pháp, có 1 tiểu đội du kích xây dựng từ năm 1949 do đồng chí Vàng Tính (dân tộc Mông) là xã đội trưởng, trực tiếp chỉ huy tiểu đội du kích. Tiểu đội này đã anh dũng kiên cường chống quân Pháp và bọn việt gian, bảo vệ tính mạng và tài sản cho Nhân dân đến ngày địa phương được hoàn toàn giải phóng. Ngoài xã La Pan Tẩn, mỗi xã khác trong huyện đều xây dựng từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội quyết

thắng. Năm 1965, huyện tổ chức Đại hội chiến sỹ thi đua. Do đạt được 5 chi tiêu phấn đấu, thực hiện tốt nhiệm vụ phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ trật tự trị an nên xã La Pan Tẩn được quân khu Việt Bắc và tỉnh công nhận là xã quyết thắng.

Từ năm 1965 đến năm 1968, thực hiện cuộc vận động bảo vệ trị an theo tiêu chuẩn 5 tốt do Ty Công an tỉnh phát động, kết quả tổng kết năm 1968, tỉnh Lào Cai đã có 3 đơn vị đạt danh hiệu Quyết thắng, trong đó huyện Mường Khương có 2 đơn vị là xã Thanh Bình và xã Pha Long, ngoài ra xã bản Lầu cũng được đánh giá là địa phương nhiều năm liền giữ được phong trào bảo vệ trị an khá.

Cùng với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, động viên phong trào thi đua quyết thắng, huyện đã làm tốt công tác tổ chức, trang bị và huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ. Huyện có 1 đại đội tự vệ của các cơ quan do đồng chí trưởng phòng lương thực là trung úy chuyển ngành làm đại đội trưởng, đồng chí chánh văn phòng Uỷ ban hành chính huyện làm đại đội phó. Đại đội tự vệ có 1 trung đội thuòng trực chiến đấu, 100% cán bộ, chiến sỹ của trung đội được trang bị súng bộ binh, 2 trung đội còn lại được trang bị một số súng làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, sơ tán tài liệu, phục vụ chiến đấu và tham gia chiến đấu khi cần thiết. Các xã trong huyện, mỗi xã đều có 1 trung đội thuòng trực chiến đấu gồm số dân quân loại I được trang bị đầy đủ vũ khí bộ binh và các trung đội dân quân loại 2.

Thực hiện phương án huấn luyện, hàng năm, huyện đã tổ chức huấn luyện đầy đủ chương trình cho lực lượng dân quân tự vệ loại I và loại II . Năm 1966, huyện đã tiến hành diễn tập quân sự tại xã Mường Khương; 1969 diễn tập tại xã Pha Long và 1971 diễn tập tại xã Bản Lầu. Các cuộc diễn tập có sự phối hợp hiệp đồng của lực lượng công an vũ trang các đồn biên phòng.

Công tác xây dựng khu vực phòng thủ được chú trọng. Các khu vực trong huyện đều tổ chức các làng xã chiến đấu, có các đài quan sát đặt trên các cao điểm và được bố trí liên hoàn. Các địa phương, các đơn vị thường xuyên tổ chức thực tập báo động chiến đấu khi có máy bay địch, thực tập cách bắt gián điệp biệt kích khi chúng nhẩy dù xuống hoặc từ nơi khác luồn về địa phương hoạt động.

Thực hiện phương án phòng không Nhân dân, trong 5 năm 1965 - 1970, huyện đã lãnh đạo Nhân dân cùng các cơ quan, cửa hàng, bệnh viện, trường học và các đơn vị vũ trang đào 27 giao thông hào dài 527m, 627 hầm hố tránh bom cá nhân và hầm công cộng, 1.322 hầm hố gia đình, 321 hầm hố các cơ quan trường học và 52 hầm hố trận địa chiến đấu. Ngoài ra, huyện còn tổ chức 20 đội tháo gỡ mìn, 30 đội cứu hoả, 11 đội cứu thương và 15 đội cứu sập hầm. Các cơ sở kinh tế, kho tàng đều sẵn sàng bảo đảm sơ tán nhanh chóng khi có lệnh. Những năm 1971 - 1975, công tác phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ được tăng cường hơn. Trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang, năm 1970 huyện Mường Khương xây dựng 1 đại đội bộ đội địa phương.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ lần thứ hai (1972 -1973), thực hiện Nghị quyết số 09 - NQ/TU ngày 16-9-1971 và Nghị quyết số 19 -NQ/TU ngày 18-12-1974 của Tỉnh ủy Lào Cai về Công tác quân sự địa phương, huyện Mường Khương đã tăng cường thực hiện các giải pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo hướng sẵn sàng chiến đấu, đồng thời tăng cường công tác tuyển quân bảo đảm số lượng và chất lượng. Từ năm 1971 đế năm 1974 toàn huyện đã động viên tuyển binh được hơn 500 thanh niên nhập ngũ, đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

Tuy trong hai cuộc leo thang phá hoại miền Bắc bằng không quân, máy bay Mỹ không thực hiện các vụ oanh tạc

đánh phá trên địa bàn huyện, nhưng huyện Mường Khương đã làm tốt công tác xây dựng củng cố lực lượng, chuẩn bị mọi điều kiện để sẵn sàng chiến đấu, luôn thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc, thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc tổ chức lực lượng và thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu của các đơn vị lực lượng vũ trang, bán vũ trang ở địa phương. Vì không phải trực tiếp chiến đấu với máy bay giặc Mỹ nên huyện đã tập trung được nhiều thời gian và lao động để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, xã hội.

Lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội

Quán triệt và thực hiện các nghị quyết hội nghị lần thứ 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III; Chỉ thị số 52/CT-TU ngày 2/4/1965,của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cuộc vận động "3 xây 3 chống" tiến hành xuống các huyện: "Lãnh đạo tốt cuộc vận động "xây chống" ở các đơn vị quản lý kinh tế là tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đó phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp phát triển ở các địa phương...các huyện thị cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Phải ra sức phấn đấu thực hiện một sự chuyển biến mạnh mẽ lớn lao về chính trị và kinh tế, về tư tưởng và tổ chức, về nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm hoàn thành vượt mức và trước thời hạn kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ 2"; Chỉ thị số 73 - CT/TU ngày 29-7-1965 của Tỉnh ủy Lào Cai về kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với kiên quyết đánh bại chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, những năm 1965 - 1975, bên cạnh lãnh đạo thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, Đảng bộ Mường Khương đã tập trung lãnh đạo tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất đi đôi với đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội

Về củng cố xây dựng hợp tác xã: Thực hiện nhiệm củng cố hệ thống hợp tác xã (HTX), Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung chỉ đạo xây dựng và củng cố các HTX nông nghiệp, bồi dưỡng cán bộ HTX, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Huyện đã tiến hành các cuộc vận động cải tiến quản lý HTX trong toàn huyện, trong đó, chú trọng củng cố HTX ở vùng cao. Từ tháng 3-1968 huyện đã triển khai thực hiện Nghị quyết 38/CP của Chính phủ, tiến hành cuộc vận động định canh định cư kết hợp củng cố HTX.

Với điều kiện đất nông nghiệp chỉ chiếm 20% tổng diện tích của huyện, Đảng bộ đã coi trọng công tác khai hoang, phục hoá làm ruộng bậc thang, nương bậc thang và nương bằng. Năm 1966 huyện chỉ đạo tổ chức khai hoang đồi đất Lũng Pâu, chuyển định cư được 13 hộ gồm 78 nhân khẩu thuộc các xã Pha Long, Sư Ma Tùng, Tả Ngài Chồ.

Trong 2 năm 1965 - 1966, huyện Mường Khương tiếp tục tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên khai hoang phát triển kinh tế, xã hội miền núi. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc Mường Khương nhiệt tình tiếp đón và hết lòng giúp đỡ để Nhân dân mới ở miền xuôi lên sớm ổn định nơi ăn chốn ở nhanh chóng đi vào sản xuất. Qua nhiều năm tiếp nhận, đến năm 1966, huyện đã đón nhận được 502 hộ, gồm 2.837 nhân khẩu, trong đó 957 lao động từ các tỉnh Hải Phòng, Kiến An, Nam Hà, Thái Bình lên khu vực Bản Lầu, Bản Xen xây dựng kinh tế. Được các HTX địa phương cấp cho một phần ruộng đất, Nhân dân miền xuôi lên đã tích cực khai hoang được trên 100 ha ruộng nước và trên 30 ha nương bậc thang. Nhân dân miền xuôi đã tổ chức thành 5 HTX khai hoang độc lập và 24 đội sản xuất xen ghép vào các HTX của Nhân dân địa phương. Trong số Nhân dân miền xuôi lên có các đảng viên được chọn làm cán bộ chủ chốt của xã, HTX, tham gia vào cấp ủy chính

quyền và ban quản trị HTX địa phương. Tinh thần đoàn kết, tương trợ giữa Nhân dân địa phương và Nhân dân miền xuôi lên được xây dựng và ngày càng được phát triển.

Những năm 1965 - 1970, cùng với việc khai hoang phục hoá tăng thêm diện tích đất nông nghiệp và tổ chức định canh, định cư, các HTX đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, mua sắm các công cụ cải tiến nhằm đẩy mạnh sản xuất làm giàu cho HTX và xã viên. Ngoài các sân phơi, nhà kho và các công cụ cải tiến như cày cải tiến, bừa răng sắt, cào cỏ 5 răng sắt, cào cỏ 64A, các HTX còn trang bị quạt hòm, bơm thuốc trù sâu, máng kéo phân xe cải tiến bánh lốp. Một số HTX ở khu vực Mường Khương và Bản Lầu còn trang bị cơ khí nhỏ như: máy đập lúa, máy tuốt lúa và tuốt đỗ tương, máy tẽ ngô đạp chân hoặc quay tay, máy chế biến thức ăn cho gia súc v.v... đồng thời xây dựng các trạm thủy nông[2], vận động dân công đào mương thủy lợi Lũng Làng xã Dìn Chin dài 3 km, rộng 0,8 m. Việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật là một cố gắng lớn của huyện và các HTX nhưng tại thời điểm này phát triển chưa rộng, chủ yếu mới tập trung ở xã Mường Khương là xã chỉ đạo của huyện và 5 xã vùng thấp tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật.

Nhờ có các giải pháp củng cố và khôi phục HTX nông nghiệp, phong trào HTX nông nghiệp trong huyện những năm 1974 - có bước phát triển. Tính đến cuối năm 1975, huyện đã có 55 HTX gồm 2.806 hộ, 6.749 lao động nâng tỷ lệ lên 59,5% số hộ nông dân toàn huyện tham gia HTX (bằng 114,5% so với năm l974). Phong trào khai hoang phục hoá có tiến bộ, ở xã Bản Xen, các xã viên khai hoang được 20 ha đưa vào trồng sắn, ở khu vực Mường Khương, các xã viên khai hoang, phục hóa trên 15 ha trồng đậu tương. Việc thanh quyết toán tài vụ, lập phương án ăn chia được tiến hành khẩn trương và dứt điểm ở một số nơi.

2. Máy bơm nước kỹ thuật chạy bằng sức nước.

Giữa năm 1975, thực hiện Chỉ thị số 209/CT-TW của ban Bí thư và Kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai, Huyện ủy Mường Khương chỉ đạo mở đợt học tập điều lệ HTX bậc cao, đồng thời tiến hành đại hội nông dân các cấp. Qua đợt sinh hoạt chính trị này, ý thức xây dựng HTX đã có chuyển biến, tư tưởng xây dựng và đổi mới hoạt động trong HTX được thể hiện rõ nét; Nhân dân đóng góp nhiều giải pháp cụ thể nhằm đưa HTX đi lên.

Về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp: Cùng với xây dựng hợp tác xã, Đảng bộ huyện còn tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp. Quán triệt đường lối phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 19 khóa III của Đảng, những năm 1965 - 1975, trong điều kiện cả nước có chiến tranh, Đảng bộ huyện Mường Khương xác định mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc là xây dựng Mường Khương trở thành một huyện có nông nghiệp phát triển toàn diện, công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ đắc lực cho sản xuất và đời sống Nhân dân, có hệ thống giao thông thuận tiện và văn hoá - xã hội phát triển, là một trong những địa bàn vững chắc ở cửa ngõ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Trong sản xuất, Đảng bộ coi trọng trước tiên công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát huy dân chủ hóa, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, phát huy 3 thế mạnh của kinh tế miền núi và căn cứ vào các điều kiện đất đai, khí hậu, địa bàn cư trú của Nhân dân, Đảng bộ huyện đã xác định các loại cây trồng, vật nuôi chủ yếu của địa phương và khoanh vùng, xác định phương hướng sản xuất thích hợp với từng vùng. Về các loại cây lương thực có lúa, ngô, mì, sèo, cao lương, đỗ tương và các hoa màu như sắn, khoai, đao giềng v.v...trong đó: lúa, ngô, đỗ tương được xác định là cây trồng chủ yếu. Về gia súc, gia cầm có trâu, bò, dê, ngựa, lợn, gà, vịt, ngan ngỗng v.v... trong đó, lấy trâu, lợn, ngựa là vật nuôi chính. Về các loại cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày và các cây đặc sản, huyện có điều kiện phát triển cam, quýt, chuối tiêu, mía công nghiệp v.v... ở vùng

thấp, phát triển lê, táo, mận hậu và các cây thuốc như: tam thất, xuyên khung, dương quy v.v... ở vùng cao.

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật của các HTX vào sản xuất ngày càng đem lại hiệu quả, xu hướng tăng vụ và tăng diện tích trồng trọt ngày càng phát triển, riêng diện tích tăng vụ về lúa chiêm đạt cao; trong 10 năm (1965-1975), các xã khu vực Bản Lầu và các xã Mường Khương, Thanh Bình tăng vụ trên diện tích canh tác tới 80%. Tính chung toàn huyện, năm 1971, huyện mới thực hiện được 6.958 ha gieo trồng, tăng 2% so với năm 1970, đến năm 1975 đã đạt được 7.322 ha tăng 5,23% so với năm 1971. Tuy nhiên một số nơi, nhất là vùng cao diện tích tăng vụ còn thấp, hệ số sử dụng ruộng đất mới đạt từ 1,2% đến gần 1,4%, việc gối vụ hầu như không làm, trừ diện tích trồng rau xanh, một số nơi còn hiện tượng phát rừng làm nương bừa bãi.

Về năng suất cây trồng, trừ những năm bị thiên tai nặng, việc gieo trồng không kịp thời vụ như năm 1966 và năm 1975, còn nói chung, do tích cực thực hiện kỹ thuật thâm canh, chuyên canh nên năng suất lúa, ngô, đậu tương hàng năm đều tăng. Cụ thể: so với năm 1969, năm 1971 năng suất lúa chiêm tăng 5,1%, lúa mùa tăng 10,9%, lúa nương tăng 25,5%, ngô xuân tăng 6,9%, đỗ tương tăng 4,6%. Vùng lúa bình quân đạt 4,8 tấn/ha, 6/15 HTX đạt từ 4,9 tấn/ha đến 5,2 tấn/ha. Ở vùng đỗ tương, 7 xã trọng điểm đạt 5,2 tạ/ha; riêng 2 xã Mường Khương và Tùng Lâu đạt 6,4 tạ/ha. Năm 1973, năng suất lúa vùng Bản Lầu đạt bình quân từ 5,017 tấn/ha, năm 1974 đã lên 5,074 tấn/ha; ngô bình quân tăng 0,22 tấn/ha, đỗ tương tăng 0,85 tạ/ha. Xã Bản Phiệt có năng suất lương thực quy ra thóc cao nhất đạt 5,7 tấn/ha. Trên vùng cao, ở các xã trọng điểm như Pha Long, Mường Khương, Nấm Lư năng suất lúa, ngô năm 1974 tăng 0,26 tấn/ha so với năm 1973.

Trong 2 năm (1973 - 1974), do công tác tuyên truyền bảo vệ rừng hạn chế và xử lý các vụ vi phạm luật pháp bảo vệ rừng

chưa nghiêm, công tác quản lý thiếu chặt chẽ nên để xảy ra tình trạng người dân vào rừng lấy gỗ, phát nương làm rẫy... Năm 1975, huyện củng cố các đội bảo vệ rừng, trồng và tu bổ rừng, đồng thời hướng dẫn các cơ sở thực hiện Chỉ thị 31 của tỉnh về quy hoạch làm nương rẫy nên công tác trồng rừng, khoanh nuôi tu bổ và bảo vệ rừng đã có tiến bộ. Tình trạng chặt, đốt phá rừng giảm nhiều so với các năm trước. Trong 2 năm 1974 -1975, toàn huyện trồng thêm được 178,6 ha rừng, điển hình là các HTX trong xã Bản Phiệt dẫn đầu các cơ sở về phong trào trồng rừng. Mặt yếu của công tác lâm nghiệp những năm 1966 - 1975 là việc trồng rừng phòng hộ còn yếu, việc bảo vệ rừng chưa thật nghiêm ngặt, trồng cây gây rừng chưa trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, tỷ lệ cây trồng sống còn thấp.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: Mặc dù gặp khó khăn về nguyên vật liệu, nhưng ngành công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện trong 10 năm 1976 - 1975 vẫn giữ được mức sản xuất bình thường, đáp ứng nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và nhu cầu đời sống Nhân dân địa phương. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V (tháng 2/1966) và lần thứ IX (2-1970) đề ra, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện trong 10 năm đã thực hiện tốt cuộc vận động "nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" (gọi tắt là cuộc vận động 3 xây, 3 chống). Ngành đã tích cực khai thác và tận dụng khả năng sẵn có ở địa phương và phối hợp với các ngành hữu quan triển khai xây dựng củng cố các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn. Trong 10 năm 1965 - 1975, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp đã phối hợp với các ngành xây dựng cơ bản và thủy lợi xây dựng nhà máy thuỷ điện Hàm Rồng, 7 trạm thuỷ luân 3 kết hợp và hệ thống nước ăn tự chảy ở huyện lỵ Mương Khương, phố Pha Long và thôn Sín Chải (Pha Long) cùng một số công trình khác. Ngành công nghiệp, thủ công nghiệp còn

tổ chức đào tạo và bồi dưỡng hàng trăm thợ thủ công rèn đúc, mộc, xẻ, sản xuất vôi, gạch, ngói, may mặc... thành lập 7 HTX sản xuất thủ công chuyên trách, giúp đỡ các HTX tổ chức các cơ sở sản xuất và sửa chữa nông cụ, các đội làm gạch, làm vôi phục vụ cho sản xuất và xây dựng. Các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp trên đã đáp ứng được cơ bản yêu cầu của sản xuất và đời sống. Khuyết điểm chủ yếu của ngành công nghiệp, thủ công nghiệp trong thời gian này là khâu quản lý kinh doanh còn lỏng lẻo ở một số cơ sở sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa tốt, sản phẩm làm ra chưa đạt kế hoạch.

Đi đôi với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng bộ huyện đã không ngừng chăm lo đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá xã hội, xây dựng con người mới XHCN, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Ngành văn hoá thông tin huyện đã thông qua các hình thức tuyên truyền, văn hoá văn nghệ góp phần không nhỏ vào công tác giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc nâng cao tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực tự cường, tinh thần phấn khởi, tin tưởng, chịu đựng hy sinh, gian khổ, dám nghĩ, dám làm, quyết tâm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị. Công tác văn hoá thông tin đã đi sâu xuống cơ sở phục vụ Nhân dân, tất cả 24 xã trong huyện đều có Ban văn hoá xã, trong đó có 8 Ban hoạt động tốt, điển hình là ban văn hoá xã Bản Phiệt có mạng lưới xuống tận thôn xóm và thường xuyên hoạt động với những hình thức và nội dung phong phú. Ngoài các đội chiếu bóng, chiếu phim, đèn chiếu của huyện, năm 1968 huyện đã xây dựng 1 rạp chiếu bóng phục vụ Nhân dân, đây là một trong số rất ít huyện ở miền núi phía Bắc xây dựng được rạp chiếu bóng trong thời gian này. Đồng thời, huyện còn tổ chức được 1 thư viện ở huyện, hàng năm đều được tăng cường các đầu sách. Ngoài ra, nhiều đội văn nghệ ở các cơ quan và một số xã được thành lập và hoạt động thường xuyên góp phần động viên khí thế thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước.

Phát huy thành tích hoàn thành xóa nạn mù chữ năm 1965, những năm 1966 - 1975, công tác giáo dục đã phát triển cả hai mặt giáo dục phổ thông và bổ túc văn hoá. Để nâng cao chất lượng giáo dục, huyện đã chú trọng cử giáo viên đi học các lớp bổ túc sư phạm và đề nghị tỉnh bổ sung thêm giáo viên. Năm 1967, huyện xây dựng Trường thanh niên dân tộc ở Lũng Pâu, năm 1968 xây dựng thêm các trường ở 2 khu vực Bản Lầu và Pha Long. Tổng số học sinh trong huyện hàng năm đều tăng. Đến năm 1968, số học sinh đã chiếm tới 3,8% số dân, nhưng đến năm 1971 tỷ lệ học sinh cũng mới đạt trên 50% số người ở độ tuổi đi học.

Những năm 1971 - 1975, công tác giáo dục ở huyện có những chuyển biến mới. Huyện tổ chức được trường phổ thông cấp 3, phong trào thi đua 2 tốt (dạy tốt, học tốt) được thực hiện sôi nổi. Năm học 1974 - 1975, học sinh thi hết cấp 1 đạt 73% (1.680 em), thi hết cấp 2 đạt 96% (584 em), thi hết cấp 3 đạt 63%, hết lớp vỡ lòng đạt 80% (1.600 em). Năm 1975, đồng thời với thời điểm tổ chức thi hết cấp cho học sinh và tổng kết năm học, huyện đã mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn và chính trị cho cho đội ngũ giáo viên, tổ chức lễ khai giảng năm học mới vào ngày thống nhất đất nước cho tất cả các trường trong huyện. Số học sinh năm học 1975 - 1976 ở lớp mẫu giáo lớn có 1.313 em, ở cấp 1 có 1.790 em, cấp 2 có 506 em và 2 lớp 8 và 9 ở cấp 3 (hệ học phổ thông 10 lớp) có 43 em, vì số học sinh lóp 10 quá ít nên năm học này, lớp 10 của trường cấp 3 chưa tổ chức học.

Cùng với đẩy mạnh công tác giáo dục, những năm 1965 - 1975, Đảng bộ huyện đã coi trọng nhiệm vụ chăm lo sức khoẻ cho Nhân dân. Trong công tác bảo vệ chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, huyện chỉ đạo coi trọng việc thực hiện phương châm "phòng bệnh hơn chữa bệnh" và chú trọng giáo dục đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến xã theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "thầy thuốc như mẹ hiền". Trong hoàn cảnh khó khăn của huyện, nhưng với tinh thần cố gắng cao, ngành y tế đã thường xuyên cử cán bộ y tế xuống cơ sở khám chữa bệnh cho

Nhân dân, đồng thời tăng cường củng cố tổ chức bệnh viện huyện và các trạm xá xã; tăng cường các tủ thuốc tại các thôn, xóm; tích cực vận động phong trào vệ sinh phòng bệnh trong Nhân dân. Riêng năm 1971, huyện đã tăng cường cho các xã 85 cán bộ y sỹ và y tá. Công tác phòng bệnh và chữa bệnh đạt kết quả khá. Về phòng bệnh, đã vận động Nhân dân đào và sửa chữa hàng trăm giếng nước, làm hàng nghìn máng nước, chuyển chuồng gia súc ra xa nhà và làm hàng trăm hố xí 2 ngăn. Công tác tiêm phòng được tiến hành theo từng đợt, một số dịch bệnh như ỉa chảy, cúm, viêm màng não đã được ngăn chặn kịp thời. Công tác chữa bệnh đã bước đầu kết hợp giữa phương pháp đông tây y, tỷ lệ tử vong ngày càng giảm bớt. Năm 1972, tỷ lệ tử vong là 0,7%, năm 1974 giảm còn 0,6%, và đến năm 1975 giảm còn 0,51%.

Phần thứ năm

ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

1. Huyện Mường Khương trong những năm đầu thành lập tỉnh Hoàng Liên Sơn (1976 - 1979)

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhiều vấn đề cấp bách cả về lý luận và thực tiễn được đặt ra, đòi hỏi Đảng ta phải giải quyết kịp thời. Tháng 8/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 24, thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Hội nghị chỉ rõ: "Với thắng lợi rực rỡ mùa xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới: Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất. Từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước".

Nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng cả nước, ngày 02-9-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về bỏ khu, hợp tỉnh. Tại kỳ họp thứ 2, từ ngày 22 đến ngày 27-12-1975, Quốc hội khóa V đã quyết định bỏ cấp khu trong trong hệ thống các đơn vị hành chính cả nước và hợp nhất một số tỉnh, trong đó 3 tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Nghĩa Lộ (trừ huyện Bắc Yên và Phù Yên) hợp nhất thành 1 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Hoàng Liên Sơn. Mường Khương thuộc tỉnh Lào Cai trước đây, nay là một huyện của tỉnh Hoàng Liên Sơn. Năm 1976, huyện

Mường Khương có diện tích đất tự nhiên 62.307ha, 16 dân tộc chung sống với dân số 32.714 người, có 24 xã chia 2 vùng, có 86 km đường biên giới đất liền với Trung Quốc.

Khi hợp nhất tỉnh, huyện Mường Khương có nhiều thuận lợi. Đội ngũ cán bộ quản lí, cán bộ khoa học kỹ thuật được tăng cường hơn trước, các vùng sản xuất tập trung đang được xây dựng theo quy hoạch như: vùng trồng chè, vùng cây có dầu, vùng cây ăn quả... Các nông trường tập trung trồng cây xa mộc, chè, cây lai...và chăn nuôi đại gia súc. Mường Khương còn có khả năng phát triển cây hoa màu (như sắn, dong riềng, ngô, khoai...). Rừng của Mường Khương phong phú cả về diện tích và chủng loại (xa mộc, lát, dổi, mỡ, keo, bồ đề...). Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực toàn huyện đã phát triển đạt 5.000 ha, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến lâm sản, chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu đang được xây dựng... Hệ thống giáo dục, y tế, thông tin truyền thanh,chiếu bóng của huyện hoạt động tương đối tốt...

Bên cạnh những thuận lợi, huyện Mường Khương cũng phải đối mặt với không ít khó khăn. Đó là trình độ dân trí thấp, dân cư phân tán, phong tục tập quán lạc hậu, kết cấu hạ tầng thấp, đời sống của Nhân dân còn thiếu thốn, đường biên giới dài thường xuyên xảy ra các vụ việc gây mất trật tự trị an... Khó khăn thách thức đó đòi hỏi Đảng bộ Mường Khương phải nỗ lực khắc phục.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tổ chức Đại hội Đảng các cấp, từ ngày 25 đến ngày 27-8-1975. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIII (vòng 1). Đại hội diễn ra tại hội trường Huyện ủy. Tham dự Đại hội có 90 đại biểu chính thức và 12 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, dự thảo báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh trình Đại hội lần thứ I và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Từ ngày 25 đến ngày 30-10-1976, Đảng bộ huyện Mường Khương tiếp tục tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XIII (vòng 2) tại hội trường Huyện uỷ. Đại hội đã đánh giá tình hình 1 năm qua và đề ra phương hướng chung của huyện trong năm 1977-1978 là: Tăng cường củng cố, xây dựng phong trào hợp tác hóa. Tận dụng các loại ruộng đất thích hợp để đẩy mạnh sản xuất lương thực tới mức cố gắng cao nhất. Tranh thủ mọi điều kiện khả năng để đẩy mạnh phát triển nghề rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản và chăn nuôi. Hoàn thành về căn bản công tác định canh định cư, các ngành khác phải được kiện toàn, chuyển biến một bước rõ rệt để phục vụ tốt hơn nữa cho nhiệm vụ chính trị của huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương đã bầu Ban Chấp hành khóa XIII gồm 25 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, đồng chí Nguyễn Văn Ân được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Vũ Kim Cầu, đồng chí Hoàng Ngấn Dần được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Bám sát Chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ huyện Mường Khương đã chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 với việc hình thành 3 tiểu vùng sản xuất chuyên canh nông - lâm - công nghiệp phù hợp với từng vùng khí hậu, đất đai.

Về sản xuất nông, lâm nghiệp, năm 1976 thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, vụ đông xuân rét đậm kéo dài, đầu vụ mùa bị hạn nặng, sản xuất gặp nhiều khó khăn. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và các cấp ủy đảng, chính quyền; cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đạt được những thắng lợi đáng kể. Năm 1976, tổng diện tích gieo trồng đạt 1371 ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn huyện đạt 10.444 tấn, tăng 1,2% so với năm 1975; diện tích cây đậu tương toàn huyện đạt 650 ha, sản lượng đạt 40 tấn. Năm 1978, huyện Mường Khương tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, coi đây là nhiệm vụ cấp bách

và thiết thực. Để thực hiện nhiệm vụ trên, trước hết Huyện ủy chỉ đạo tập trung làm thủy lợi, cải tạo đất phục vụ sản xuất nông nghiệp, do đó phong trào làm thủy lợi năm 1978 trong huyện phát triển mạnh, trong năm toàn huyện đã huy động được trên 7.000 ngày công, đào đắp 4.000m^3 đất, nạo vét được 81 mương phai cũ, gia cố, tu sửa lại 41 đập ngăn nước, cung cấp nước tưới cho trên 1.000 ha diện tích gieo trồng, phong trào cải tạo đồng ruộng, kiến thiết bờ vùng, bờ thửa ngày càng mở rộng nên tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1978 đã đạt 11.851 tấn, tăng hơn 1407 tấn so với năm 1976[3]. Năm 1979, chiến tranh biên giới nổ ra, Nhân dân phải đi sơ tán, không cày cấy được hết diện tích, không kịp thời vụ, thời tiết lại khô hạn, nhưng được tỉnh hỗ trợ về phân bón và giống nên tổng sản lượng lương thực quy thóc vẫn đạt 6.925 tấn.

Năm 1980, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm, tình hình kinh tế - xã hội của huyện gặp khó khăn, thời tiết rét, hạn kéo dài, hơn nữa Mường Khương phải cắt chuyển 2 xã Bản Cầm và Bản Phiệt về huyện Bảo Thắng, vì vậy để tăng nhanh sản lượng lương thực, khai thác và phát huy tiềm năng của miền núi, huyện lãnh đạo tập trung phát triển cây màu ở cả 3 vùng (vùng cao, vùng thấp và biên giới). Nhờ đó sau 1 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, tổng diện tích gieo trồng đạt 6.929 ha, trong đó đậu tương là 461 ha, khoai lang, sắn, đao giềng là 585 ha..., sản lượng lương thực đạt 8.910 tấn, trong đó mầu quy thóc đạt 5.323 tấn.

Song song với sản xuất trồng trọt là chăn nuôi được Đảng bộ chỉ đạo chặt chẽ, phải làm cho chăn nuôi huyện miền núi thêm phong phú, đưa chăn nuôi trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Do có nhận thức đúng, ngay từ năm 1976 huyện chú ý phát triển chăn nuôi tập thể và hộ gia đình. Năm 1976, tổng đàn trâu toàn huyện 6.200 con, tổng đàn lợn 12.233 con. Năm 1978 tổng đàn trâu 6.256 con, đàn lợn 13.278 con,

3. Báo cáo số 06-BC/HU ngày 10/5/1981 của Huyện ủy về tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 năm (1976-1980).

chăn nuôi lợn gia đình phát triển mạnh. Năm 1979, do chiến tranh nên đàn gia súc bị giảm sút nghiêm trọng, nhất là trâu 6.000 con, lợn 5.000 con, bò 900 con, ảnh hưởng lớn tới sản xuất và cung cấp thực phẩm cho nhà nước. Năm 1980 công tác thú y, phòng dịch được quan tâm nên đàn gia súc tăng hơn năm trước, trâu 4.094 con, ngựa 2.929 con, bò 242 con.

Công tác định canh định cư tiếp tục được thực hiện gắn với phát triển kinh tế và xây dựng vùng kinh tế mới. Trong những năm 1976-1978, huyện Mường Khương đã nhiều lần nhận đồng bào từ miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, trợ cấp cho những hộ khó khăn lên xây dựng kinh tế 3.600 đồng và 13,7 tấn lương thực. Năm 1978, huyện Mường Khương đã đăng cai tổ chức Hội nghị định canh, định cư toàn quốc. Năm 1979 huyện tiến hành chuyển dân ở 38 thôn gồm 636 hộ với 6.438 nhân khẩu ở biên giới về tuyến sau, sắp xếp ổn định đời sống cho Nhân dân ở những nơi sơ tán. Năm 1980, huyện hỗ trợ cho khai hoang ruộng bậc thang, xây giếng nước, làm đường để chuyển 532 hộ vào khu định cư, tổng hỗ trợ là 161.025 đồng và 3.900 kg lương thực. Đồng thời huyện chú trọng củng cố và xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã thủ công để phục vụ cho sản xuất, nâng cao đời sống Nhân dân.

Công tác lâm nghiệp luôn được Đảng bộ quan tâm, việc bảo vệ rừng, trồng rừng mới được tiến hành song song ở cả 2 lĩnh vực hợp tác xã và hộ gia đình. Tháng 8-1978, do tình hình biên giới căng thẳng, huyện Mường Khương đã thành lập 3 lâm trường: Pha Long, Nậm Chảy, Đản Khao và đã bố trí hơn 1.000 hộ lao động từ miền xuôi vào các lâm trường. Trong 2 năm 1979-1980, toàn huyện trồng mới được 576 ha rừng, gieo ươm 3 ha cây con chủ yếu tập trung ở lâm trường Đản Khao, lâm trường Nậm Chảy và Pha Long. Riêng khu vực Cao Sơn trồng được 2.000 cây mận Hậu, đồng thời đã tiến hành khai thác được 2.654 m^3 gỗ tròn, 25.000 cây nứa, thu hái được 35 tấn quả sa mộc để lấy hạt giống trồng và củng cố thành lập mới được 22 Ban Lâm nghiệp xã, 29 tổ, đội phòng cháy rừng.

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có tiến bộ, năm 1976 các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp đều đạt kế hoạch với các loại như lưỡi cày, bừa, dao phát, cuốc...đưa tổng giá trị sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp từ 100.980 ngàn đồng năm 1976 lên 230.000 ngàn đồng năm 1978, tăng 125%. Năm 1980 đã gia công chế biến được gần 100 tấn mỳ, xay xát 44 tấn thóc, may đo trên 4.000 quần áo các loại, sản xuất được 3.500 lưỡi cày nâng tổng giá trị tiểu thủ công nghiệp cả huyện đạt 86 ngàn đồng.

Về xây dựng cơ bản, đã tập trung xây dựng một số công trình, thu dọn vật liệu và sửa chữa các công trình nhà nước. Năm 1977, ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn vì vật liệu không ổn định, tiến độ thi công chậm. Để hoàn thành nhiệm vụ, một số đơn vị đã tự khắc phục khó khăn, tự tìm việc làm cho công nhân để đảm bảo đời sống. Năm 1979, sau chiến sự biên giới, huyện tập trung khôi phục tu sửa được trên 2.466 m^2 nhà ở cho các cơ quan, trường học, bệnh viện,... ở với tổng giá trị thực hiện 58.000 đồng. Năm 1980 tiến hành xây dựng mới được 1.456 m^2 nhà và đã đưa vào sử dụng với tổng giá trị là 83.520 đồng, đạt 110% kế hoạch.

Ngành giao thông vận tải tập trung sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường liên huyện, liên xã, phát triển giao thông nông thôn. Năm 1976, toàn huyện có 3 tuyến đường dài 98km. Năm 1979 chiến sự biên giới nổ ra, hệ thống giao thông vận tải bị tàn phá, ngay sau khi chiến sự kết thúc, huyện Mường Khương đã tiến hành sửa chữa tuyến đường Mường Khương đi Pha Long, thi công tuyến đường từ Cao Sơn đi Bắc Hà với tổng giá trị thực hiện là 104.000 đồng. Năm 1980, hai tuyến đường Lùng Khấu Nhin đi Lồ Suối Thàng và Bản Xen đi Lao Pán Tẩn được sửa chữa lại do nguồn vốn định canh định cư cấp 15.000 đồng; làm mới đường từ Mường Khương đi Na Đẩy dài 2,5 km với số vốn đầu tư 37.000 đồng, đảm bảo ô tô tải đi lại bình thường. Tháng 8-1979, tuyến đường Cao Sơn đi Tả Thàng được khởi công và

khánh thành vào tháng 10-1980 dài 13 km đảm bảo người và ngựa đi lại dễ dàng với tổng giá trị công trình 294.871 đồng.

Hệ thống thông tin, liên lạc đã bảo đảm phục vụ kịp thời cho sự chỉ đạo của huyện. Bưu chính, thư điện báo, báo chí, công văn,... nhận chuyển phát kịp thời, an toàn, ít nhầm lẫn và ít thất lạc. Trong 2 năm 1979-1980, huyện đã phát hành 4.488 tờ báo với tổng giá trị doanh thu được 43.888 đồng, đạt 105% kế hoạch.

Công tác tài chính, ngân hàng và tín dụng có nhiều cố gắng, việc đảm bảo nguồn thu và công tác huy động vốn phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng an ninh... của huyện được triển khai tích cực và đạt hiệu quả. Hai năm 1979-1980, tổng thu ngân sách địa phương đạt 2.188.000 đồng, tổng chi đạt 2.186.000 đồng, thu tiền mặt đạt 3.714.042 đồng, Ngân hàng đã tích cực vận động mọi người gửi tiền tiết kiệm có số dư 840.895 đồng, tín dụng cho vay trên các lĩnh vực đạt 3.220.900 đồng. Riêng nông trường Thanh Bình đạt 873.687 đồng. Đã làm tốt công tác thu đổi tiền giữa năm 1978 đảm bảo nhanh gọn, an toàn.

Công tác giáo dục - đào tạo được quan tâm, phong trào thi đua *Hai tốt* trong ngành giáo dục được duy trì và đẩy mạnh, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường ở từng cấp đều gần đạt kế hoạch. Năm học 1976-1978 có 27 trường học phổ thông ở 24 xã và 3 trường tập trung của huyện với trên 4.000 học sinh.

Công tác chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, kế hoạch hóa gia đình được huyện chú trọng. Năm 1977, các trạm y tế xã được củng cố tăng cường, ngành y tế đảm bảo phun thuốc AT cho 100% các xã và các cơ quan ban, ngành. Việc tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh được triển khai tích cực, năm 1979, khi chiến sự biên giới xảy ra, ngành y tế đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức cấp cứu, phẫu thuật, chuyển tải Nhân dân và thương binh về tuyến sau an toàn, đồng thời lập những tổ y tế lưu động phục vụ những nơi trọng điểm. Sau chiến sự, ở huyện Mường Khương đã xảy ra 2 vụ dịch: vụ dịch sốt rét ở các xã vùng thấp, 1.879 người mắc bệnh được điều trị khỏi, vụ dịch lỵ trực trùng

xảy ra ở vùng cao, tập trung ở 2 xã: Cao Sơn và Thải Giàng Sán, số tử vong lên tới 55 người. Năm 1980, việc khám sức khoẻ, lập lại sổ y bạ cho cán bộ, công nhân viên được triển khai tích cực, ngành Y tế đã điều trị cho 11.000 lượt người, tiêm phòng bệnh cho 2.000 người, cấp phát thuốc và bán ra phục vụ Nhân dân trị giá 121.700 đồng, thu mua dược liệu 48.800 đồng (đạt 160% kế hoạch). Đội ngũ y bác sĩ được bổ sung về số lượng, được nâng cao về chất lượng khám chữa bệnh phục vụ Nhân dân.

Cùng với việc lãnh đạo Nhân dân địa phương phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng bộ huyện Mường Khương còn lãnh đạo ổn định tình hình chính trị, xã hội, giữ vững an ninh, biên giới.

Để có thêm sức mạnh sẵn sàng chiến đấu và tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế, năm 1978 huyện Mường Khương có hàng trăm thanh niên lên đường nhập ngũ, lúc này tình hình biên giới có nhiều biến động, huyện đã đẩy mạnh công tác phòng thủ nội địa, xây dựng pháo đài thép, xây dựng lực lượng dân quân du kích, các xã đều thành lập các đội tự vệ, các cơ quan ban, ngành khu vực huyện tổ chức thành các đội tự vệ, tất cả đều được huấn luyện, trang bị vũ khí để chuẩn bị đối phó với mọi tình huống. Công tác phòng không cũng được chuẩn bị tốt, trong 3 năm 1978-1980 toàn huyện đã tiến hành củng cố và đào đắp được 80.900m giao thông hào, huy động xây dựng phòng tuyến, trồng và rào tre biên giới hàng chục vạn ngày công, đồng thời huyện đã tiếp nhận hàng ngàn lao động các tỉnh miền xuôi lên bố trí vào các nông, lâm trường vùng giáp biên để sản xuất và tổ chức thành đơn vị tự vệ được trang bị vũ khí để bảo vệ biên giới và xây dựng khu vực phòng thủ.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở huyện và các xã đều được tăng cường. Năm 1978, huyện kiện toàn trên 400 tổ an ninh Nhân dân với trên 10 nghìn quần chúng tham gia. Tháng 01-1979, để xây dựng hành lang phòng thủ biên giới, huyện Mường Khương tiến hành chuyển 38 thôn với 3.938 khẩu ở giáp biên giới vào các xã phía trong, điều chuyển 119 hộ

với 651 khẩu thuộc diện đối tượng chính trị về huyện Lục Yên. Để tăng cường chỉ đạo ở cơ sở, huyện đã bố trí lại chức danh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các xã: Bí thư, chủ tịch, trưởng công an xã và xã đội trưởng phù hợp công việc. Trong năm 1978-1979, Huyện ủy Mường Khương còn tập trung lãnh đạo ổn định tình hình tư tưởng Nhân dân và cán bộ, giữ vững tinh thần và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, không nghe theo sự tuyên truyền của lực lượng phản động.

Năm 1979, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc Mường Khương phải trải qua nhiều khó khăn và thử thách. Sáng sớm ngày 17-2-1979 chiến sự biên giới phía Bắc nổ ra, lực lượng địch đã tấn công vào 23/24 xã của huyện Mường Khương. Ngay sau khi chiến tranh xảy ra, Ban Thường vụ Huyện ủy đã phân công ủy viên phụ trách các lực lượng vũ trang, tổ chức đánh giặc; lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng các xã kiên cường bám trụ để chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, đồng thời hướng dẫn các cơ quan, ban, ngành và Nhân dân sơ tán về huyện Bảo Yên, Bảo Hà, Lục Yên... hoặc vào hang đá để tránh địch.

Từ ngày 17/02/1979 đến ngày 15/3/1979, quân và dân huyện Mường Khương đã chiến đấu dũng cảm, kiên cường. Với ý chí, quyết tâm cao giữ vững từng tấc đất của ông cha để lại, quân và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã hiệp đồng tác chiến không lùi bước trước thử thách khó khăn. Sư quả cảm, ngoan cường của quân dân địa phương đã đánh bại mọi hành động xâm lấn, tàn phá của địch, buộc chúng phải rút khỏi địa bàn Mường Khương.

Sau chiến tranh biên giới, Huyện uỷ chủ trương thành lập thêm các đơn vị vừa làm kinh tế vừa thường trực sẵn sàng chiến đấu. Trong 5 năm (1976 - 1980), chỉ tiêu kế hoạch tuyển quân đều đạt 100%, các đơn vị hoàn thành xây dựng các kế hoạch, phương án chiến đấu, chương trình huấn luyện trong các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ và củng cố hầm hào vững chắc, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ có công với cách mạng được Đảng bộ huyện luôn quan tâm. Trong 2 năm 1979 - 1980, huyện đã lập xong hồ sơ và xếp hạng thương tật đối với 33 liệt sĩ và 17 thương binh trong chiến tranh biên giới, động viên thăm hỏi thường xuyên các gia đình chính sách, quyên góp 47 tấn lương thực giúp đỡ 11 xã trong huyện thiếu đói; trợ cấp, cứu tế cho cán bộ, Nhân dân nơi bị thiệt hại do chiến tranh 333.260 đồng.

Bên cạnh công tác tư tưởng chính trị, Huyện uỷ luôn coi trọng công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng, các đảng bộ, chi bộ hàng năm được củng cố, kiện toàn. Năm 1978 toàn huyện có 46 chi, đảng bộ với trên 1.000 đảng viên, trong đó có 24 chi, đảng bộ nông thôn với trên 600 đảng viên. Năm 1980 do phải cắt 2 xã Bản Phiệt, Bản Cầm về Bảo Thắng, nên huyện Mường Khương còn 43 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 18 chi, đảng bộ đạt loại khá. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm, đảm bảo đúng nguyên tắc Đảng. Năm 1979 toàn Đảng bộ kết nạp được 26 đảng viên, phần lớn được thử thách trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Năm 1980 đã mở lớp bồi dưỡng cho 385 đối tượng đảng là quần chúng ưu tú, xét kết nạp được 82 đảng viên. Công tác xây dựng Đảng những năm 1976 - 1980 của huyện thu được nhiều kết quả, tuy nhiên việc cải tiến lề lối làm việc, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng còn nhiều khó khăn, kết nạp đảng viên còn quá ít so với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, đặc biệt là công tác kết nạp đảng viên dân tộc thiểu số.

Cùng với củng cố, xây dựng Đảng, công tác xây dựng chính quyền và các tổ chức đoàn thể được các cấp uỷ quan tâm. Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các kỳ bỏ phiếu bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp với tỷ lệ cử tri bỏ phiếu cao. Qua các cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở từng bước được kiện toàn, củng cố, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, cán bộ đảng viên trẻ có trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý nhà nước được tăng cường. Hoạt động của bộ máy chính quyền có chuyển biến tích cực.

Mặt trận Tổ quốc đã phát huy tốt vai trò là trung tâm đoàn kết, quy tụ và chỉ đạo có hiệu quả hoạt động của các tổ chức thành viên, động viên mọi tầng lớp Nhân dân thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động của Mặt trật Tổ quốc các cấp đã góp phần tích cực vận động Nhân dân hưởng ứng các phong trào ủng hộ vùng thiên tai, ủng hộ những gia đình hoạn nạn, khó khăn

Phong trào phụ nữ được đẩy mạnh, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, phụ nữ tích cực tham gia phong trào "làm thêm cỏ bỏ thêm phân", phong trào chăn nuôi ủng hộ gia đình giúp nhau vốn, giống. Các phong trào "Ba đảm đang", "Nuôi con khoẻ, dạy con ngoan" được phát động rộng rãi, thu hút đông đảo phụ nữ tham gia.

Trong thanh niên, phong trào "Ba sẵn sàng, đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên" trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước tiếp tục được duy trì. Tháng 12/1976 Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đã quyết định đổi tên "Đoàn thanh niên Lao động Hồ Chí Minh" thành "Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh". Lực lượng đoàn thanh niên trong huyện bước vào thực hiện các phong trào "Lao động tình nguyện, xây dựng Tổ quốc"...Thực hiện các phong trào trên, tuổi trẻ huyện Mường Khương đã tổ chức chiến dịch "Điểm sáng văn hoá" diễn ra sôi nổi, thu hút mọi thanh niên tham gia. Tháng 2/1979 chiến tranh biên giới nổ ra, thanh niên Mường Khương đã sát cánh cùng các lực lượng đứng lên chống kẻ thù, quyết tâm bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

2. Đảng bộ huyện Mường Khương lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định để phát triển (1980 - 1985)

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981-1985, nền kinh tế nước ta tiếp tục lâm vào tình trạng trì trệ, kém phát triển, lạm phát tăng nhanh, đời sống Nhân dân tiếp tục giảm sút.

Trong khó khăn thử thách, Đảng tìm hướng đi và cơ chế quản lý kinh tế mới. Tháng 12/1980, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) quyết định mở rộng thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp.

Khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp, tạo điều kiện cho sản xuất "bung ra", ngày 21/01/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh, quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định 26-CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị kinh doanh của Nhà nước. Các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Hội đồng Chính phủ được các địa phương, nông dân, công nhân cả nước phấn khởi đón nhận và thi đua thực hiện.

Quán triệt sâu sắc Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã ra Chỉ thị 06/CT-TU ngày 11/6/1981 về tăng cường công tác lãnh đạo cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ Mường Khương xác định: Tận dụng mọi thời cơ thuận lợi, quán triệt sâu sắc và vận dụng phù hợp chủ trương của Trung ương, của tỉnh vào đặc điểm của địa phương; giải quyết từng bước những khó khăn để đưa huyện Mường Khương vươn lên.

Những khó khăn lớn của huyện được Đảng bộ xác định phải đối phó đó là nền kinh tế nhỏ bé, năng suất lao động bình quân đầu người thấp, thời tiết diễn biến bất thường, âm mưu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, trình độ quản lý kinh tế - xã hội của cán bộ chưa theo kịp yêu cầu

nhiệm vụ, tiềm năng về đất đai của địa phương chưa được khai thác tốt, những tồn tại của cơ chế quản lý hành chính bao cấp chưa được khắc phục.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, *từ ngày 20 đến ngày 22/5/1980, Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Đại hội lần thứ XIV* tại hội trường huyện ủy. Tham dự đại hội có 79 đảng viên thay mặt cho gần một nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV đã đánh giá kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Đại hội XIII nhiệm kỳ 1976 - 1980 và thảo luận báo cáo chính trị dự thảo trình Đại hội XIV.

Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ này là: Tập trung khắc phục hậu quả chiến sự biên giới; ổn định đời sống Nhân dân và xây dựng huyện trở thành pháo đài quân sự vững chắc.

Đại hội Đảng bộ bầu Ban Chấp hành khóa XIV gồm 31 ủy viên chính thức, đồng chí Nguyễn Văn Tung được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Nho, đồng chí Giàng Xóa được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Từ ngày 29-9-1982 đến ngày 03-10-1982, Đảng bộ huyện Mường Khương tiếp tục tiến hành Đại hội lần thứ XV (vòng 1). Đại hội đề ra nhiệm vụ chung của huyện đến năm 1985 là: Ra sức củng cố quốc phòng, xây dựng phòng tuyến, xây dựng lực lượng địa phương và giữ gìn tốt an ninh chính trị, trật tự xã hội. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, từng bước có dự trữ lương thực để dần ổn định đời sống Nhân dân.

Để thực hiện nhiệm vụ chung, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu: Giải quyết vững chắc về lương thực, thực phẩm và coi đây là nhiệm vụ hàng đầu của những năm tới. Phấn đấu đến năm 1985 khai hoang phục hóa được 5.903 ha, tổng diện tích gieo trồng được 7.095 ha, năng suất lúa mùa đạt 27,5 tạ/ha, ngô đạt 13 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc là 10.193 tấn, bình quân lương thực mỗi người đạt 25kg/tháng trở lên. Đàn trâu đạt 5.360 con, đàn ngựa 3.500 con, đàn lợn đạt 6.900 con.

Chú trọng tu bổ, bảo vệ chăm sóc rừng, trồng rừng theo hướng giao cho tập thể, thôn bản, gia đình và các cơ quan, đơn vị; nhà nước hỗ trợ giống và kỹ thuật, chống đốt phá rừng một cách triệt để.

Đối với công nghiệp, thủ công nghiệp: phấn đấu bảo đảm đủ công cụ cho sản xuất, sản xuất lưỡi cày trên 4.000 chiếc, cuốc tông 2.000 chiếc, dao phát trên 2.000 chiếc. Phát triển cơ sở vật liệu ngói máng, cơ sở chế biến những mặt hàng có giá trị cao để cung cấp ở địa phương và trao đổi hàng hóa với các nơi khác.

Về giao thông, tiến hành làm mới đường U Thài - Sín Lùng Chải, mở rộng đường Mường Khương - Cao Sơn, Nấm Lư - Lồ Sử Thàng để người, ngựa đi lại dễ dàng; tu bổ trục đường trong huyện đảm bảo thông suốt từ tỉnh đến Pha Long; hình thành các đội vận chuyển, bán chuyên trách bằng sức ngựa, có chế độ chính sách cụ thể.

Tập trung củng cố nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục - y tế - văn hóa xã hội, có kế hoạch bổ túc văn hóa cho đội ngũ cán bộ hiện có, cán bộ kế cận, dân quân trực chiến; mở rộng diện đào tạo học sinh trường thiếu niên miền núi cho lên 100 em; có kế hoạch khôi phục trường phổ thông lao động, giữ vững hoạt động của trường phổ thông cơ sở; cải tiến cách dạy, cách học, thời gian học cho phù hợp với đặc điểm dân tộc vùng cao và điều kiện sản xuất, chiến đấu. Phấn đấu đến năm 1985 số học sinh phổ thông có là 6.360 em, trong đó cấp I là 5576 em, cấp II là 643 em, cấp III là 141 em. Quan tâm đến đội ngũ giáo viên các cấp. Tăng cường chỉ đạo cơ sở thực hiện phòng bệnh, diệt côn trùng mang mầm mống bệnh; xây dựng các công trình vệ sinh gia đình và công cộng; giải quyết nước ăn cho các khu vực Cao Sơn, Pha Long; thực hiện hiệu quả việc khai thác và trồng cây thuốc ở địa phương; hướng dẫn cho Nhân dân sử dụng thuốc chữa những bệnh thông thường. Xây dựng mỗi xã một trạm xá với tổng số 70 giường bệnh, bệnh viện huyện có 60 giường, mỗi khu vực có một đội y tế lưu động để chống dịch.

Vận động sinh đẻ có kế hoạch, đẻ ít, đẻ thưa, nhất là khu vực nhà nước, giảm mức tăng dân số từ 2,8% xuống 2,6% vào năm 1985. Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới: ăn ở vệ sinh, thực hành tiết kiệm; tổ chức ma chay, cưới xin theo nếp sống mới, chống mê tín dị đoan...

Trong công tác xây dựng Đảng, tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị cho các cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân về nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới; tin tưởng, phấn khởi thực hiện tốt Nghị quyết 32, 36 của Trung ương, Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng. Chú trọng hình thức tuyên truyền loa đài, khẩu hiệu, sách báo, triển lãm, phim ảnh... tăng cường tuyên truyền tận tới các thôn bản xa xôi, vận động Nhân dân các dân tộc đoàn kết thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Nhà nước, vạch mặt âm mưu nham hiểm của kẻ địch.

Tập trung củng cố tổ chức Đảng cơ sở. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Phấn đấu đến năm 1985 có 62% đảng bộ, chi bộ đạt trong sạch vững mạnh. Trong công tác cán bộ, huyện xây dựng kế hoạch mở 3 lớp đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ xã; chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ đã qua rèn luyện và thử thách trên cơ sở sắp xếp theo yêu cầu và tiêu chuẩn biên chế của Nhà nước. Đồng thời đề nghị tỉnh cho tuyển cán bộ địa phương để tăng cường cán bộ cho các ban, ngành của huyện.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XV gồm 29 đồng chí, đồng chí Phạm Giảng được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trần Ngọc Tín, Hoàng Sín Hòa được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy

Năm 1981, trên địa bàn huyện xảy ra mưa đá nhiều, sâu bệnh hoành hành gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, 1.800 ha ngô phải trồng lại, 30 ha lúa đang trổ bông ở vùng thấp mất trắng, 230 ha đậu tương không được thu hoạch. Với

sự cố gắng quyết tâm của Nhân dân các dân tộc trong huyện, diện tích gieo trồng cả huyện vẫn đạt 6.382 ha, trong đó diện tích trồng lúa là 1.658 ha, đạt 103% kế hoạch; trồng ngô được 3.604 ha, trồng cây thực phẩm đạt 371 ha; cây công nghiệp đỗ tương đạt 508 ha, năng suất đạt 4,5 tạ/ha. Do diện tích gieo trồng tăng lên nên tổng sản lượng lương thực quy thóc của huyện năm 1981 đạt 8.015 tấn. Năm 1982, Đảng bộ Mường Khương tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, khuyến khích mở rộng diện tích gieo trồng lên 6.954,6 ha, tăng 8% so với năm 1981. Tổng sản lượng quy thóc đạt 8.712,5 tấn, trong đó thóc 3.731 tấn, ngô đạt 3.688 tấn... Đến cuối năm 1985, do áp dụng tiến bộ khoa học và đưa giống mới như X1, TH2 vào cơ cấu cây trồng, nên đã đưa sản lượng lương thực lên 9.413 tấn, đạt 102% kế hoạch, tăng 286 tấn so với năm 1984. Cây công nghiệp cũng tăng khá, những cây có diện tích tăng nhanh là đậu tương 717 ha, chè 92 ha, mía và dâu tằm sản lượng cũng tăng hơn năm trước. Hợp tác xã và nông dân có thêm thu nhập, đời sống có bước cải thiện.

Về chăn nuôi chủ yếu là chăn nuôi ở gia đình, một số hợp tác xã chăn nuôi trâu bò cày kéo và bước đầu phát triển chăn nuôi bò tập thể ở xã Lùng Vai, Bản Lầu, Nấm Lư, Xí nghiệp lâm nghiệp. Trong chăn nuôi đã tích cực phòng ngừa dịch bệnh cho đàn gia súc, nên năm 1981 tổng đàn trâu toàn huyện đạt 4.621 con, đàn ngựa đạt 3.120 con, đàn lợn đạt 6.220 con, đàn bò có 254 con. Năm 1983 tổng đàn gia súc đạt 16.869 con. Đến năm 1985 đàn gia súc đã phát triển vượt bậc: đàn trâu có 5.981 con, đàn bò có 315 con, đàn ngựa có 3.600 con, đàn lợn có 9.710 con... Trong lĩnh vực lâm nghiệp: năm 1981 huyện tiến hành tổng kết công tác lâm nghiệp, qua tổng kết đã đánh giá mặt mạnh, yếu để rút kinh nghiệm cho những năm sau. Trong năm 1981 đã thành lập được 15 ban lâm nghiệp, 18 tổ phòng cháy chữa cháy rừng với trên 300 người tham gia. Phong trào trồng rừng được Nhân dân hăng hái hưởng ứng. 2 năm 1982-1983, huyện Mường Khương triển khai Nghị quyết số 184 của Hội

đồng bộ trưởng về giao đất, giao rừng xuống hộ gia đình; huyện thành lập Ban chỉ đạo làm thí điểm ở xã Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Lùng Vai, Bản Xen với diện tích giao là 212 ha. Đến cuối năm 1983 đã trồng được 4 vạn cây con xa mộc, 5 ha mận hậu ở Cao Sơn... diện tích rừng cháy giảm, việc giao đất giao rừng được thực hiện ở trên 2/3 số xã, đạt trên 60% kế hoạch giao. Tuy nhiên việc trồng rừng quốc doanh và tập thể đạt còn thấp. Năm 1985, ngành lâm nghiệp đã chỉ đạo tập trung trồng được 9 vạn 5 ngàn cây thông và mỡ, làm được 6 vườn ươm với diện tích 2.000m^2, khoanh nuôi rừng phòng hộ 1.500 ha đạt 75% kế hoạch, giao đất giao rừng cho hộ gia đình được 800ha. Phong trào trồng cây trong cán bộ, công nhân viên và Nhân dân phát triển. Hiện tượng đốt phá rừng giảm rõ rệt. Cả năm khai thác được trên 3.000m^3 gỗ giao cho Nhà nước. Bước đầu đưa rừng vào kinh doanh bằng cách trồng loại cây ăn quả và hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây lương thực và thực phẩm trên 4 vùng kinh tế.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: mặc dù tiếp tục gặp khó khăn về nguyên liệu, điều kiện sản xuất không ổn định, song với quyết tâm khôi phục nên đã giữ vững được sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ổn định, phục vụ cho nông, lâm nghiệp. Năm 1981, giá trị sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp đạt 80.000 đồng, sản phẩm chủ yếu của tiểu thủ công nghiệp là lưỡi cày và dao phát. Năm 1982, thực hiện nghị quyết của Huyện ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương, nhiều hợp tác xã mộc, rèn đúc, lò gạch, sửa chữa nông cụ... đã đi vào sản xuất ổn định. Được sự giúp đỡ của tỉnh, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Mường Khương đã từng bước khắc phục được khó khăn do chiến tranh gây ra. Một số sản phẩm làm ra đạt kế hoạch như: 300.000 viên ngói, 1.000 dao phát v.v... đưa giá trị tổng sản lượng năm 1982 đạt 610.940 đồng, đạt 102% kế hoạch, trong đó quốc doanh đạt 2.320.000 đồng. Năm 1983 Huyện ủy tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 25, 26, 146- CP của Hội đồng bộ trưởng, tạo điều kiện cho các đơn vị khai thác nguyên liệu

tại chỗ, khắc phục tình trạng thiếu nguyên liệu, do vậy trong 6 tháng đầu năm 1983, tổng giá trị đã thực hiện được 600.000 đồng. Năm 1985, sản xuất vật liệu xây dựng giảm sút rõ nhất là vôi, do lũ lụt gây thiệt hại nên tổng giá trị sản lượng chỉ đạt 328.930 đồng (thấp hơn các năm trước).

Về xây dựng cơ bản, mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ và chính quyền huyện vẫn cố gắng đầu tư, ngoài nguồn vốn của tỉnh, huyện và các cơ sở vẫn dành một phần quan trọng vốn tự có để đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất và đời sống. Năm 1981, ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn về thời tiết, vật liệu xây dựng thiếu, nhưng vẫn tập trung sửa chữa làm nhà cho các cơ quan được 2.000m^2 với tổng giá trị đạt 219.694 đồng. đạt 14% kế hoạch. Trong năm 1984 và năm 1985, việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật có nhiều tiến bộ, công tác chỉ đạo và vốn đầu tư được bố trí vào những công trình trọng điểm như nhà ở, trường học, trạm xá; nhiều đơn vị thực hiện tốt phương châm nhà nước và Nhân dân cùng làm đạt được hiệu quả rõ rệt, tổng vốn đầu tư 2 năm đạt 4.751.000 đồng, trong đó tỉnh trợ cấp 2.800 đồng.

Công tác vận tải được nâng cấp, huyện đã tập trung sửa chữa lại các phương tiện vận tải, đảm bảo việc đi lại của Nhân dân trong huyện. Trong 5 năm, Mường Khương vận chuyển bằng người và ngựa được trên 35 ngàn tấn hàng hóa, vận chuyển bằng xe cơ giới đạt 25.000 tấn/km. Điển hình các xã có đóng góp nhiều công vận chuyển là: Mường Khương, Tung Chung Phố, Lùng Khấu Nhin.

Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ kịp thời các mặt công tác. Năm 1981, doanh thu trên lĩnh vực này đạt 50.000 đồng; chất lượng máy đàm thoại, thông tin được nâng lên. Đến năm 1985, nhờ được sự hỗ trợ của tỉnh, huyện Mường Khương đã cơ bản hoàn thành xong các tuyến đường dây hữu tuyến: Bản Lầu - Lùng Khấu Nhin dài 30km; Lùng Khấu Nhin - Pha Long dài 16km, Sín Lùng Chải - Cao Sơn dài 12km. Các tuyến nội huyện cũng được sửa chữa nâng cấp; hệ thống truyền thanh phát triển đến tận cơ sở nông, lâm trường, hợp

tác xã... số loa truyền thanh tăng 60%, bảo đảm tiếp âm đài Trung ương, địa phương theo quy định trên 2.000 giờ/năm.

Công tác thu chi ngân sách trên địa bàn của huyện năm 1981 đạt 439.529 đồng, trong đó thuế công thương nghiệp 127.000 đồng, đạt 127% kế hoạch; tổng chi 2.304.450 đồng, trong đó chi xây dựng pháo đài 296.000 đồng. Năm 1982, tổng thu ngân sách đạt 6.991.813 đồng, vượt 34,8% kế hoạch. Đến Năm 1985, tổng thu ngân sách đạt 3.671.365 đồng, trong đó tỉnh trợ cấp 2.665.000 đồng, tổng chi là 2.576.299 đồng.

Công tác định canh, định cư, xây dựng khu kinh tế mới: từ năm 1981 đến năm 1985 đã khai hoang được 93 ha ruộng bậc thang, riêng xã Nậm Lư khai hoang được gần 20 ha, hỗ trợ vốn giúp 3 xã vùng thấp đào 36 giếng nước, chăm sóc và trồng mới 86 ha chè và quy hoạch xong vùng khai hoang định canh, định cư cho 6 xã: Thanh Bình, Nậm Chảy, Pha Long, Tả Ngải Chồ, Tả Gia Khâu và Tung Chung Phố. Đã hỗ trợ vốn xã Lùng Vai, Tung Chung Phố xây dựng trường học và tiến hành di chuyển 97 hộ giáp biên vào nội địa. Riêng năm 1985, tổng số vốn đầu tư là 193.500 đồng, trong đó có 2.000 m giấy dầu và 25 tấn gạo hỗ trợ cho khai hoang và làm đường.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội 5 năm 1981-1985 tiếp tục được huyện Mường Khương chú trọng. Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân và tiếp tục thực hiện cuộc vận động nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, đấu tranh chống mê tín dị đoan, chống văn hóa phẩm đồi trụy, thường xuyên nhắc nhở Nhân dân các dân tộc học tập quy ước "5 xây, 8 chống", in ấn phát hành 2.000 bản tin, có 2 đội chiếu bóng phục vụ 250 buổi cho 40.000 lượt người xem, 1 đội lưu động chuyên đi đến phục vụ nơi xa xôi hẻo lánh, các điểm tựa, đồn biên phòng được 182 buổi. Phong trào văn nghệ quần chúng đã gắn vào những ngày lễ tết, biểu diễn phục vụ Nhân dân, qua đó chọn lọc những tiết mục xuất sắc đi tham gia hội diễn trên tỉnh được thưởng 3 huy chương bạc.

Các chế độ chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ và các đối tượng có công được quan tâm đặc biệt. Trong dịp 27/7 hàng năm, các cơ quan đoàn thể đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, thường xuyên tu sửa các nghĩa trang liệt sĩ, tạo điều kiện những đối tượng có công, hưu trí, mất sức, không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp đúng thời hạn. Năm 1981, hưởng ứng "Năm quốc tế những người tàn tật" huyện Mường Khương tiến hành điều tra 10 xã, phát hiện 116 trường hợp tật nguyền, đã cứu tế 14 tấn lương thực cho 523 hộ thiếu đói lúc giáp hạt, khó khăn.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng. Huyện ủy chỉ đạo sâu sát công tác củng cố hệ thống chính trị. Năm 1981 và năm 1985, Huyện ủy lãnh đạo Nhân dân trong huyện hoàn thành cuộc bầu cử hội đồng Nhân dân huyện và xã khóa X, XI với số cử tri đi bầu cử đạt 98 - 99%. Đã hoàn thành việc sáp nhập một số xã theo quyết định của chính phủ.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể được quan tâm chỉ đạo. Đoàn thanh niên duy trì tốt phong trào "3 xung kích", đi đầu trong sản xuất và chiến đấu. Thanh niên đã tích cực tham gia các phong trào: Khai hoang ruộng bậc thang ở Dìn Chin, Nấm Lư, La Pan Tẩn; thâm canh đưa giống lúa mới vào sản xuất ở 3 xã khu vực Bản Lầu, làm đường U Thài - Thanh Bình. Qua các phong trào, trong 5 năm đã có 457 đoàn viên ưu tú được giới thiệu với Đảng và đã có 187 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng. Hội phụ nữ đẩy mạnh phong trào xây dựng người phụ nữ mới, phụ nữ gương mẫu trong phong trào thâm canh, chăn nuôi, trồng cây lấy sợi... thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, giúp bộ đội cây con, giống, may vá quần áo... Những việc làm tình nghĩa đã khích lệ động viên lực lượng vũ trang. Qua các phong trào thi đua trong 5 năm, Hội Phụ nữ huyện Mường khương được Trung ương Hội tặng Cờ thi đua, các cấp Hội được tặng thưởng 08 bằng khen của UBND tỉnh và của các ban, ngành Trung ương, có 03 phụ nữ được tặng huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Phần thứ sáu

ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 2000)

1. Những chủ trương, nhiệm vụ

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa từ 1976 đến 1986, đất nước ta đã tìm tòi, thử nghiệm bước đi và đạt được những thành tựu to lớn, làm tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, từ đầu những năm 80, kinh tế - xã hội nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, thế giới cũng có nhiều biến động phức tạp tác động đến mọi mặt của đất nước. Trong hoàn cảnh đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Với tư duy đổi mới, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, Đại hội đề ra đường lối đổi mới đất nước. Nội dung đường lơi đổi mới của Đảng thể hiện đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, thực hiện bố trí lại cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện 3 chương trình mục tiêu: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn quan trọng để phát triển kinh tế trong thời kỳ mới.; Đổi mới cơ chế quản lý theo phương hướng xóa bỏ tập trung, quan liêu bao cấp xây dựng cơ chế mới phù hợp là kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chú trọng tính kế hoạch; sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa, tiền tệ. Các đơn vị sản xuất có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính, sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế. Đồng thời đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước cho phù hợp với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ chế quản lý mới. Làm rõ chức năng quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế….

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đại hội Đảng các cấp, từ ngày 10 đến ngày 13-10-1986, tại thị xã Yên Bái, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV khai mạc. Đại hội xác định phương hướng chủ yếu 5 năm (1986-1990) của tỉnh là "*Tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nông, lâm nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Khai thác khả năng công nghiệp, thủ công nghiệp, mở mang giao thông vận tải, làm chủ phân phối lưu thông và thị trường, hoàn thiện quan hệ sản xuất, thực hiện công bằng xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trên tinh thần tự lực, tự cường để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kinh tế, quốc phòng và tạo thêm những tiền đề vật chất cho những chặng đường tiếp theo trên cơ sở lấy năng xuất chất lượng, hiệu quả làm thước đo".*

Để tiếp tục lãnh đạo đưa đường lối đổi mới của Đảng vào cuộc sống, phát triển mạnh mẽ hơn nữa kinh tế, xã hội địa phương, *từ ngày 29 đến ngày 30-12-1988, Đảng bộ Mường Khương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVII*. Dự đại hội có 71 đại biểu chính thức, 2 đại biểu dự khuyết. Đại hội kiểm điểm về việc thực Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI, đề ra phương hướng chung đến năm 1990 là: *Tiếp tục thực hiện các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra, bổ sung giải pháp thực hiện 3 chương trình kinh tế một cách hợp lý theo hướng đi vào sản xuất hàng hóa, xây dựng Mường Khương có kinh tế phát triển và bảo vệ vững chắc biên giới lãnh thổ Tổ quốc.*

Đại hội bổ sung điều chỉnh một số mục tiêu lớn đến năm 1990 của huyện, cụ thể như sau:

Về chương trình lương thực thực phẩm, mục tiêu cần giải quyết vững chắc về nhu cầu lương thực ở khu vực nông thôn, đồng thời bảo đảm một phần lương thực đối với cán bộ công nhân trong huyện. Phấn đấu đến năm 1990 tổng sản lượng quy

thóc đạt 11.800 tấn. Tiếp tục củng cố xây dựng phong trào hợp tác hóa, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới theo tinh thần nghị quyết 02 của Tỉnh ủy, nghị quyết 10 Bộ Chính trị và nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XVI. Trong chăn nuôi xác định 4 loại vật nuôi chính (lợn, bò, trâu, ngựa), rau đậu các loại, phấn đấu đến năm 1990 trồng được 764 ha, lạc là 100 ha...

Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, ngoài HTX chuyên doanh và nông nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng sản xuất đủ nông cụ với chất lượng tốt có nhiều đồ dùng chế biến lâm sản. Đặc biệt sản xuất các loại ngói xi măng, ngói máy để phục vụ Nhân dân. Phấn đấu tổng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1989 là 3.500.000 đồng, năm 1990 là 4.000.000 đồng.

Chương trình sản xuất hàng xuất khẩu được chia làm 2 bước, những năm đầu chủ yếu là khai thác nguyên liệu có sẵn trong địa phương như: Trúc, song, mây, nghệ, chít (kể cả vầu và nứa), liên kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh để làm hàng xuất khẩu. Về lâu dài tiếp tục tập trung trồng chè, thảo quả, quế, cây ăn quả, thăm dò trồng cây gấu tầu, đương quy, xuyên khung v.v...

Biện pháp thực hiện quy hoạch vùng là xác định khả năng của vùng thảo quả, vùng chè bổ sung phương thức đầu tư cho các hộ gia đình sản xuất theo vùng đã được quy hoạch. Phấn đấu năm 1990 có 120 ha chè tập thể và gia đình, 20 ha cây ăn quả, cây quế 10 ha. Vận động toàn dân tham gia làm hàng xuất khẩu.

Xây dựng cơ bản kết hợp các nguồn vốn của trên và của địa phương xây dựng một số công trình trọng điểm như: Bệnh viện huyện 50 - 70 giường, hoàn chỉnh trường phổ thông trung học, trường phổ thông dân tộc nội trú, xây dựng mới và hoàn chỉnh 6 công trình cấp nước phục vụ tưới và nhu cầu sinh hoạt của dân và các cơ quan. Khảo sát thiết kế làm luận chứng tiến tới xây dựng trạm thủy điện Pạc Trà từ 500 đến 600 KW, bảo dưỡng nâng cấp các tuyến đường hiện có, hoàn chỉnh tuyến đường sông Xanh, mở đường người ngựa Lồ Sử Thàng đi Pha Long, làm tiếp tuyến đường km 15 đi Nậm Chẩy.

Công tác lưu thông phân phối: Lương thực hàng năm giao nộp cho nhà nước 700 tấn năm về lương thực, đậu tương năm 1989 bán cho nhà nước 100 tấn, năm 1990 là 120 tấn, thịt lợn 70 tấn/năm. Đẩy mạnh thu ngân sách địa phương, khai thác triệt để các nguồn thu trong đó có thu thuế sát sinh, khoán cấp về thu chi ngân sách ở một số xã có điều kiện, ưu tiên chi đầu tư, đảm bảo về tiền và hàng đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của Nhân dân và lực lượng vũ trang, mở lại cụm dịch vụ khu vực Pha Long.

Hoạt động văn hóa xã hội tiếp tục thực hiện nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về phát triển giáo dục ở vùng cao, phấn đấu xóa mù chữ cho độ tuổi từ 16 - 40. Củng cố mạng lưới y tế xã, phân viện khu vực, khai thác các nguồn dược liệu, kết hợp đông tây y trong chữa trị bệnh. Đẩy mạnh công tác phòng bệnh, lấy phòng bệnh đi trước một bước. Hạ tỷ lệ tăng dân số từ 3,2% năm 1988 xuống 2,8% năm 1990. Tập trung chỉ đạo đầu tư đồng bộ đối với 1 - 2 xã vùng cao, từng bước tạo dựng được mô hình định canh định cư, bố trí bổ sung thêm cụm dân cư ở khu vực Tả San, xây dựng làng bản mới, từng xã, từng cụm khu vực dân cư có quan hệ sinh hoạt tương đối gần nhau. Xây dựng những quy ước về không thả giông gia súc, quy ước về cưới xin, ma chay, quy ước về trật tự trị an về chống vượt biên trái phép.

Đối với công tác quốc phòng và an ninh, thực hiện chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc của Đảng, nhà nước ta, nhưng phải hết sức cảnh giác, xác định rõ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện phương án tác chiến phòng thủ cơ bản của huyện; phương án tác chiến của các đồn - xã chiến đấu, cụm chiến đấu. Thường xuyên củng cố lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Khối cơ quan xung quanh huyện tổ chức hợp thành đại đội tự vệ, cấp ủy huyện sẽ cử 01 đồng chí sang phụ trách chính trị; Ban Chỉ huy Quân sự cử 01 đồng chí sang làm phó quân sự. Tiếp tục hoàn chỉnh các công trình quốc phòng để trụ bám đánh địch, lấy xã Bản Lầu làm điểm xây dựng làng xã chiến

đấu, rút kinh nghiệm chung. Tập trung làm tốt công tác tuyển quân, xây dựng nâng cao sức chiến đấu của các đồn biên phòng, lực lượng bộ đội địa phương theo tinh thần nghị quyết 03 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công an, đồn biên phòng cần chủ động nắm địch, nắm dân, nắm đối tượng (nắm người, nắm hộ). Hạn chế thấp nhất tình trạng vượt biên trái phép. Chủ động đập tan mọi âm mưu gây rối, gây bạo loạn của kẻ địch. Từng bước củng cố bộ chỉ huy quân sự huyện và xây dựng huyện Mường Khương thành khu vực phòng thủ phía trước của tỉnh.

Về công tác xây dựng Đảng, để xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trước hết là đổi mới phương pháp tư duy, đổi mới về phong cách lãnh đạo một vấn đề quan trọng là phải đổi mới về phương thức lãnh đạo kinh tế. Quyết tâm tập trung củng cố xóa các chi bộ yếu kém. Phấn đấu đến năm 1990 Đảng bộ Mường Khương đạt huyện vững mạnh. Nâng cao chất lượng đảng viên, phát triển nhiều đảng viên mới trong sinh hoạt hội họp phải khơi dậy, khai thác sự tham gia đóng góp của mỗi thành viên, thể hiện được sự tập trung trí tuệ, chống xuôi chiều, gượng ép. Xây dựng được chương trình làm việc của toàn khóa cấp ủy, quy chế về mối quan hệ giữa các cấp ủy với Hội đồng Nhân dân, giữa cấp ủy với Ủy ban Nhân dân, giữa cấp ủy với Ban Thường vụ, giữa Ban Thường vụ với Thường trực cấp ủy.

Công tác cán bộ bổ sung từng bước hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ từ xã đến huyện. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Tập trung củng cố kiện toàn các đoàn thể, trong nhiệm kỳ cấp ủy phải ra được các nghị quyết chuyên đề về Đảng lãnh đạo đối với các đoàn thể. Hàng quý, đồng chí chủ chốt các đoàn thể phải đến báo cáo hoạt động của đoàn thể mình và xin chủ trương chỉ đạo của thường trực cấp ủy, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động, trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm lấy dân làm gốc. Thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa trong Đảng bộ và quần chúng. Tiếp

tục củng cố kiện toàn bộ máy Nhà nước để nâng cao hiệu lực của chính quyền, nhất là chức năng quản lý, điều hành xã hội. Nhà nước thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên tất cả các mặt.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành khóa XVII gồm 21 ủy viên chính thức, 06 ủy viên dự khuyết, đồng chí Trần Ngọc Tín được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phạm Ngọc Sửu, đồng chí Hoàng Chúng được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI và XVII

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương phát huy truyền thống cách mạng ra sức thi đua thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về kinh tế , thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về xây dựng và củng cố tổ chức, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp, nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và đặc điểm của miền núi, khơi dậy tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề của các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất theo hướng kinh doanh tổng hợp trong các hợp tác xã nhằm thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn của Đảng của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung lãnh đạo thực hiện 3 chương trình kinh tể trọng tâm.

Trên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, Đảng bộ xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nên đã tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là chương trình lương thực, thực phẩm theo hướng mở rộng diện tích, luân canh tăng vụ, tích cực thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Nhờ đó, diện tích gieo trồng cây vụ đông, vụ mùa sớm tăng nhanh, phương pháp luân canh: lúa xuân - lúa mùa sớm - cây vụ đông được áp dụng rộng rãi, đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Một số giống

lúa, ngô ... có năng suất cao được đưa vào sản xuất ở các vùng chuyên canh cho năng suất ổn định.

Xuất phát từ tình hình thực tế và ý kiến đề xuất của các xã, năm 1987 Huyện ủy chỉ đạo chính quyền tổ chức khảo sát thực trạng tình hình sản xuất nông nghiệp ở một số xã vùng cao và một số xã vùng thấp. Qua khảo sát, huyện đã nắm được những bất cập trong thực tiễn và có kết luận: Cơ chế khoán sản phẩm theo Chỉ thị số 100/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) đã phát huy tác dụng, tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp, làm thay đổi bước đầu cơ chế quản lý trong hợp tác xã. Song, việc thực hiện Chỉ thị số 100/CT-TW cũng đã bộc lộ những hạn chế, đó là hợp tác xã vẫn bị ràng buộc trong tổng thể cơ chế tập trung quan liêu, một số quyền lợi của xã viên chưa được đáp ứng phù hợp với thành quả lao động. Đầu năm 1988, Quốc hội ban hành luật đất đai và đã được Đảng bộ Mường Khương nhanh chóng tuyên truyền, phổ biến trong Nhân dân. Thực hiện cơ chế khoán mới, tình hình sản xuất nông nghiệp ở huyện Mường Khương có nhiều khởi sắc, nông dân phát huy ý thức làm chủ trên diện tích nhận khoán. Nhưng một vấn đề mới nảy sinh ở Mương Khương cũng như cả nước là xuất hiện tình trạng tranh chấp ruộng đất xảy ra. Trước tình hình đó, ngày 31/8/1988 Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 47/CT-TW về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Huyện ủy Mường Khương tập trung chỉ đạo, giải quyết tình trạng tranh chấp ruộng đất và tổ chức thí điểm thực hiện Luật đất đai. Đồng thời, chỉ đạo các tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý nhiều trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích... Thực hiện Luật đất đai, trách nhiệm quản lý của các cấp chính quyền, ý thức chấp hành kỷ cương pháp luật của các tổ chức, cá nhân về đất đai từng bước đi vào nền nếp; hạn chế tranh chấp ruộng đất giữa nông trường, lâm trường với hợp tác xã và nông dân, giữa các làng bản với nhau; nhiều vụ phức tạp về đất đai, gây mất đoàn

kết nông thôn và ảnh hưởng đến sản xuất, trật tự trị an được kịp thời giải quyết. Việc áp dụng cơ chế quản lý mới đã tạo điều kiện để thành phần kinh tế hộ gia đình phát huy ưu thế, các hộ nông dân chủ động trong sản xuất, tận dụng đất đai, tích cực thâm canh, nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng. Thu nhập của xã viên ngày càng tăng. Ở vùng thấp và cùng cao xuất hiện nhiều hộ nông dân có thu nhập cao bằng kinh tế VAC (Vườn - ao - chuồng). Nhiều hộ gia đình mạnh dạn nhận đất đồi rừng để lập vườn rừng, trại rừng sản xuất kinh doanh. Một số gia đình đầu tư mua sắm máy xát gạo, nghiền thức ăn gia súc...

Ngành lâm nghiệp đã điều chỉnh quy mô của lâm trường cho phù hợp với khả năng sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, huyện có chính sách khuyến khích người lao động trực tiếp đầu tư vào trồng cây, làm vườn, thực hiện nông - lâm nghiệp kết hợp. Từ năm 1986 - 1990 các lâm trường đã trồng mới được 3.000 ha rừng tập trung, dẫn đầu phong trào trồng cây, phủ xanh đồi trọc là xã Bản Cầm, Bản Phiệt. Công tác bảo vệ rừng được chú ý, cùng với việc vận động giáo dục Nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ rừng, Đảng bộ lãnh đạo các cấp thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn việc phá rừng và vận chuyển gỗ trái phép, lực lượng kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chức năng phát hiện nhiều vụ vi phạm. Năm 1990 xử lý 14 vụ, tịch thu 13,2m^3 gỗ thành khí, thu nộp ngân sách được 5.650.000đ, vượt 12% kế hoạch giao.

Công tác định canh định cư đã tập trung vào nhiệm vụ ổn định sản xuất của đồng bào vùng cao. Năm 1986, huyện đã đầu tư hỗ trợ khai hoang được 49,7 ha nương ruộng bậc thang hoàn chỉnh, vượt 19,7 ha so kế hoạch, hỗ trợ tiền vốn, lương thực cho các xã làm bể nước, trồng chè, làm thủy lợi, di chuyển 48 hộ dân thôn giáp biên vào nội địa. Đến năm 1990 với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm đã xây dựng 2 bể nước ăn vùng cao, xây dựng trạm xá và trường học khu vực Cao Sơn với tổng số vốn là 40.560.000 đồng, tiếp tục đầu tư 11.100.000

đồng để trồng 20 ha thảo quả và 6 ha mận tam hoa, hỗ trợ 20 tấn lúa phục vụ sản xuất ở khu vực Na Lốc. Hoàn thành khảo sát thiết kế công trình thủy lợi ở Na Lốc, đang tiến hành khôi phục đập Cân phục vụ cho sản xuất.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngay từ đầu nhiệm kỳ XVI, Huyện ủy xây dựng kế hoạch chuyên đề và chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện đổi mới chính sách sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Với chủ trương phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp để phục vụ nông nghiệp và đời sống Nhân dân, các xã các ngành có nhiều cố gắng tổ chức sản xuất và cung ứng nông cụ, lưỡi cày, cuốc, liềm ... các điểm sửa chữa nhỏ, cung ứng một số mặt hàng phục vụ đời sống như: gạch, ngói, gốm sứ dân dụng, hàng dệt ... Các xí nghiệp mộc xẻ, cơ khí, chú trọng đầu tư đổi mới thiết bị, phương tiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế của địa phương.

Đối với khu vực ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển nhằm sản xuất thêm các mặt hàng tiêu dùng phục vụ cuộc sống. Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-TW ngày 15-7-1988 của Bộ Chính trị (khóa VI) về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện chỉ đạo và hướng dẫn các ngành, các cấp tổ chức thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Công tác xuất nhập khẩu và đối ngoại có chuyển biến tích cực: Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đã xác định phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và coi đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại là "nhiệm vụ quan trọng chiến lược" và là một trong ba chương trình kinh tế lớn. Huyện ủy đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp thực hiện với các cơ quan xuất nhập khẩu, kiện toàn tổ chức bộ máy, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thương mại, quản lý thị trường... Tăng cường nắm thông tin, tìm hiểu thị trường, mở rộng các thành phần tham

gia hoạt động xuất khẩu. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo cho tương xứng với vị trí, nhiệm vụ trong tình hình mới. Huyện có những giải pháp đồng bộ, hợp lý trong tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu, xây dựng chính sách khuyến khích sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu như: Chú trọng quản lý hoạt động thu mua hàng xuất khẩu, tăng cường hình thức ký hợp đồng về hỗ trợ vốn, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm để người lao động yên tâm đầu tư sản xuất; Có biện pháp tích cực và phương thức thanh toán hợp lý đối với những mặt hàng chủ lực như: Gạo Séng cù, tương ớt, đỗ tương, lạc, chuối xanh và một số thực phẩm khác; Quan tâm chỉ đạo ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao chất lượng hàng hóa nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Do có chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời, chương trình phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ.

Trong công tác phân phối lưu thông thu mua nắm nguồn hàng địa phương, các ngành chức năng đã phát huy tốt hàng mua vào bán ra, thị trường có tổ chức, tiếp tục được mở rộng từ huyện đến cơ sở. Năm 1986 tổng mức huy động lương thực được 475.675 kg, thu mua nông sản thực phẩm đạt 14.271.000 đồng, thực hiện bán ra đạt 21.000.000 đồng, phong trào hợp tác xã mua bán phục vụ Nhân dân có ở 16/16 xã.

Về văn hóa - xã hội, thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về giáo dục, Huyện ủy, Uỷ ban Nhân dân huyện chỉ đạo ngành giáo dục từng bước sắp xếp lại hệ thống trường lớp cho phù hợp với nhu cầu phát triển giáo dục và tình hình kinh tế - xã hội ở từng địa phương. Nhờ vậy, chất lượng dạy và học của các trường được nâng lên một bước. Số học sinh học khá ngày càng tăng. Việc chống mù chữ đạt kết quả. Năm 1986 có 4 ngành học đạt 100% kế hoạch. Trường phổ thông lao động, thiếu niên vùng cao tiếp tục được củng cố và duy trì. Phong trào bổ túc văn hóa có nhiều cố gắng đã mở được một số lớp ở các xã vùng cao biên giới ở Nậm Chẩy, Mường Khương, Nấm

Lư, Dìn Chin, Pha Long, Cao Sơn, La Pán Tẩn, Tả Thàng và lớp bán ký túc xá. Năm 1987, ngành học phổ thông cơ sở có 18 trường, 137 lớp với 2.970 học sinh, trường phổ thông trung học có 1 trường 2 lớp với 127 học sinh, bổ túc văn hóa tập trung có 90 học viên gồm cán bộ chủ chốt, kế cận ở các xã về học, xóa mù chữ cho 120 học viên. Mẫu giáo có 12 lớp với 160 cháu. Năm 1989, huyện bước đầu đã khắc phục được cơ sở vật chất, ổn định tổ chức cho đội ngũ giáo viên, học sinh, tiến hành chuyển trường phổ thông trung học từ Bản Xen lên huyện lỵ Mường Khương (cũ). Năm 1990, ngành giáo dục chủ động tham mưu đề xuất ý kiến, xây dựng kế hoạch, rà soát bố trí lực lượng hợp lý, phân vùng giáo dục. Toàn huyện có 142 lớp với 3.021 học sinh phổ thông, xóa nạn mù chữ cho 528 học viên. Nhiều nơi quan tâm xây dựng trường lớp, mua sắm bàn ghế, đã thanh toán được tình trạng học 3 ca. Tuy vậy, tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn, nhất là ở nông thôn, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Một số chế độ đối với giáo viên phổ thông, mẫu giáo, mầm non, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên công tác ở miền núi chưa được các cơ sở thực hiện nghiêm túc.

Ngành y tế có nhiều cố gắng trong việc tổ chức bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng đạt kết quả, 6 bệnh dịch ở trẻ em giảm rõ rệt, nhu cầu cấp thuốc thông thường được đảm bảo, bệnh viện huyện khắc phục khó khăn về kinh phí, vật tư, thiết bị, đầu tư thêm thiết bị y tế, đổi mới trang thiết bị phục vụ việc khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường cán bộ xuống cơ sở kiểm tra thường xuyên; các trạm xá các xã cũng được quan tâm tăng cường cơ sở vật chất. Năm 1986 hoạt động y tế tập trung nâng cao chất lượng phục vụ y tế và điều trị bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân và ngăn chặn các dịch bệnh xảy ra, đặc biệt phong chống bệnh sốt rét cho 16/16 xã trong huyện. Từ năm 1988 - 1990 ngành đã tích cực tiêm phòng bệnh nhiệt thán, ho gà, sởi, bại liệt, bướu cổ... được 8.734 mũi, khám bệnh cho 11.714 người, điều trị cho

12.942 người, trong đó cấp thuốc điều trị cho bệnh sốt rét là 1.500 người, pha chế dịch truyền nước cất được 108,5 lít. Hoạt động của Hội Chữ thập đỏ đã góp phần vào phong trào phòng bệnh, phòng dịch và cứu trợ đồng bào gặp khó khăn.

Hoạt động văn hóa - thông tin, thể thao có chuyển biến nhất định, ngành văn hóa đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đóng góp quan trọng vào việc thông tin tuyên truyền đường lối đổi mới, duy trì sự ổn định về chính trị trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới; củng cố miền tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Ngành văn hóa, thể thao tiếp tục duy trì phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng. Hoạt động văn hóa ở các xã có tiến bộ, tích cực đấu tranh ngăn chặn việc truyền bá văn hóa phẩm có nội dung độc hại, tổ chức các hoạt động thiết thực phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm. Một số môn thể thao truyền thống tiếp tục được duy trì và phát triển.

Công tác quốc phòng và an ninh được tăng cường, Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã chủ động và tích cực phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Năm 1986, Ban Chỉ huy Quân sự huyện tiến hành rút gọn các đơn vị bộ đội địa phương thành các khu dự bị động viên, tiếp tục củng cố về tổ chức biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Phối hợp với bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo xây dựng điểm công tác quốc phòng, an ninh ở 3 xã: Mường Khương, Tả Ngài Chồ, Tung Chung Phố. Mỗi xã được tăng cường thêm một tổ công tác xây dựng cơ sở giúp cho cấp ủy, chính quyền các xã xây dựng chi bộ, chính quyền vững mạnh. Lực lượng dân quân, tự vệ tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng; lực lượng dân quân chiếm trên 11% dân số toàn huyện, lực lượng tự vệ chiếm 10% tổng số cán bộ, công nhân viên (trong đó lực lượng thường trực chiến đấu chiếm trên 45% tổng số lực lượng dân quân tự vệ). Cùng với việc củng cố, chấn chỉnh về tổ chức, biên chế, công tác huấn luyện chiến đấu của lực lượng vũ trang địa

phương được đẩy mạnh. Thông qua các cuộc diễn tập FA5 - 86 đã có 1.733 dân quân tự vệ tham gia, báo động kiểm tra quân số, đơn vị dự bị động viên các xã đảm bảo thời gian nhanh nhất, có 78,5% đơn vị có xã đạt đơn vị khá, giỏi về huấn luyện quân sự và hoàn thành nhiệm vụ chính quyền địa phương. Thực hiện Chỉ thị ngày 23/6/1987 tỉnh Hoàng Liên Sơn, để kiểm sát chặt chẽ tình hình khu vực biên giới, Ban chỉ huy các lực lượng vũ trang huyện đã lập kế hoạch kiểm tra chặt chẽ qua lại biên giới, buôn bán đưa hàng vào nội địa huyện.

Về xây dựnghệ thống chính trị, thực hiện Nghị quyết số 34 của Chính phủ, Thông báo số 46/TB-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Nghị quyết của Tỉnh ủy về sắp xếp lại bộ máy, tổ chức bộ máy trong cơ quan Đảng, chính quyền theo hướng giảm biên chế, rút gọn đầu mối, trong 5 năm (1986-1990), toàn huyện đã tinh giảm một số đơn vị trực thuộc Huyện ủy và Ủy ban, chuyển nhiều cán bộ, nhân viên hành chính sang sản xuất, kinh doanh và giải quyết nghỉ việc theo chế độ. Qua sắp xếp bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức được xác định rõ hơn, giảm bớt được cấp trung gian.

3. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII

Bước sang thập niên cuối của thế kỷ XX, tình hình chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là sự khủng hoảng và tan vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô, gây tổn thất nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đang đứng trước thử thách gay gắt, nhất là phải ra sức đấu tranh giữ vững quan điểm, lập trường chính trị và đấu tranh chống lại mọi âm mưu phá hoại toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch.

Ngày 15-3-1991, Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVIII (vòng 1). Đại hội có 74 đại biểu thay mặt cho trên 600 đảng viên trong huyện về dự. Đại hội Đảng bộ huyện vòng 1 đã có 27 ý kiến thảo luận vào dự thảo

các văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ V gồm 8 đồng chí, trong đó 7 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 11 đến 15-8-1991, tại xã Mường Khương đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVIII (vòng 2). Dự Đại hội có 77/79 đại biểu triệu tập. Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII, đề ra mục tiêu chung là: "Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện đời sống vật chất văn hoá của Nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tốt chủ quyền quốc gia". Xây dựng huyện thành huyện lâm - nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giàu mạnh. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh. Để đạt được mục tiêu chung trên, Đại hội đề ra nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn 1991 - 1995 là:

- Tích cực sản xuất hàng hóa để ổn định và nâng cao đời sống Nhân dân. Tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế; tạo bước tiến bộ trong thâm canh; định hình diện tích cây ăn quả, cây đặc sản, gắn sản xuất với chế biến, lưu thông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật.

- Đặt trọng tâm vào sản xuất lương thực, thực phẩm. Tăng cường thâm canh cây lúa nước, ngô, đậu tương, giảm dần diện tích lúa nương. Phấn đấu đến 1995 đạt tổng sản lượng lương thực qui thóc 13.312 tấn; bình quân lương thực/người đạt 390kg, trong đó thóc đạt 308kg/người. Khai hoang 120ha, phục hoang đất ven biên, đưa 25 - 30% diện tích lúa được cấy bằng giống mới; thâm canh 1000 ha ngô... khai thác lợi thế tự nhiên để phát triển chăn nuôi gia súc. Đến 1995 đàn trâu đạt 6.950 con, đàn ngựa 3.840 con, đàn bò 400 con, đàn lợn 13.900 con, phát triển đàn dê, nuôi cá ở những vùng có điều kiện.

- Phát triển mạnh các loại cây công nghiệp, cây dược liệu, cây ăn quả trở thành hàng hóa. Trong 5 năm phấn đấu trồng 600 ha cây ăn quả. Đến 1995 sản lượng đậu tương đạt 580 tấn;

khoanh nuôi 5000 ha rừng, trồng mới 2000 ha rừng tập trung và phân tán, nâng tỷ lệ tán che lên 25 - 35%.

- Đẩy mạnh xây dựng thủy điện nhỏ, sản xuất vật liệu xây dựng; đầu tư phát triển giao thông liên xã tuyến Mường Khương - Nậm Chảy, Pha Long - Tả Gia Khâu; xây dựng các tuyến điện thoại hữu tuyến...

- Tạo nguồn thu cho ngân sách, phấn đấu đến 1995 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 30% nhu cầu chi. Ngân hàng làm tốt chức năng tiền tệ thanh toán, giảm bội chi tiền mặt; tận dụng khả năng lưu thông hàng hóa quá cảnh, mở rộng hình thức đại lý thương nghiệp đến các HTX, thôn bản, khuyến khích tư nhân đầu tư vốn mở các dịch vụ thương nghiệp.

- Tập trung xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ trong thế trận chiến tranh Nhân dân của cả nước. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Thực hiện hậu cần tại chỗ, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo hướng dân bầu, dân cử, dân nuôi, có cơ chế quản lý chặt chẽ, chế độ kiểm tra huấn luyện nghiêm túc, nâng cao sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Bổ sung phương án phòng thủ, chủ động trong mọi tình huống, thể hiện rõ chủ trương bình thường hóa quan hệ hai bên biên giới, tỏ rõ thiện chí cùng nhau quản lý, bảo vệ biên giới, thực hiện quan hệ kinh tế cùng có lợi. Xây dựng làng, xã vững mạnh gắn với phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng ngừa các hoạt động tội phạm qua biên giới. Xây dựng lực lượng công an Nhân dân, bộ đội biên phòng trong sạch vững mạnh.

- Cố gắng cải thiện điều kiện sống ở nông thôn theo hướng xây dựng nông thôn mới, khắc phục tình trạng thiếu nước sinh hoạt và sản xuất. Phát triển các hoạt động y tế bằng khả năng của địa phương kết hợp với sự hỗ trợ của nhà nước, đẩy mạnh hoạt động y tế dự phòng; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Đẩy lùi bệnh sốt rét, kiết lỵ, dịch tả, hạn chế dịch bướu

cổ, ngăn ngừa sự xâm nhập của bệnh AIDS. Hạ tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 2,8% vào năm 1995. Phấn đấu các xã có trường học, thôn bản có lớp học. Vận động trên 50% trẻ em trong độ tuổi đi học; duy trì trường nội trú và trường phổ thông lao động; đến 1995 cơ bản xóa mù chữ cho người trong độ tuổi qui định. Củng cố, trang bị thêm các cụm đài truyền thanh, khôi phục lại rạp chiếu bóng, hiệu sách, thư viện huyện. Tăng cường xây dựng các đội văn nghệ quần chúng vừa mang nội dung XHCN vừa mang bản sắc văn hoá dân tộc.

- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy, xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nói đi đôi với làm. Công tác tư tưởng tập trung nâng cao lòng tin của Nhân dân các dân tộc vào sự nghiệp đổi mới, vào Đảng và XHCN. Kiện toàn các ban xây dựng Đảng tinh gọn; đổi mới về tổ chức và hoạt động của các chi, đảng bộ cho phù hợp với sự thay đổi của các tổ chức kinh tế xã hội. Các cấp ủy phải xây dựng được chương trình công tác toàn khóa. Hoàn chỉnh qui hoạch cán bộ từ huyện đến xã, tăng cường đào tạo cán bộ. Tập trung củng cố các cơ sở Đảng yếu kém, phấn đấu các thôn bản đều có đảng viên. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, phấn đấu Đảng bộ huyện đạt trong sạch vững mạnh.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm "lấy dân làm gốc", đẩy mạnh tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến dân, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tổ chức tốt các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa, xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng nông thôn mới. Các đoàn thể quần chúng phải đổi mới nội dung, hình thức hoạt động cho phù hợp với quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội. Thu hút, tập trung mọi tầng lớp Nhân dân hăng hái thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, chương trình Dân số - kế hoạch hóa gia đình, thực hiện công khai dân chủ, đối thoại, lắng nghe ý kiến của dân.

- Tập trung củng cố tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp. Thực hiện nghiêm túc cơ chế Đảng lãnh đạo,

Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Nâng cao khả năng cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp. Phấn đấu các xã, các cơ quan xí nghiệp trong những năm tới đạt chính quyền khá giỏi, xóa bỏ cơ sở yếu kém.

4. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX

Trong 2 ngày 5 và 6/2/1996, tại Hội trường Uỷ ban Nhân dân huyện đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIX. Dự Đại hội gồm các đại biểu ưu tú thay mặt cho hơn 600 đảng viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh; đồng chí Giàng Seo Dín, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh; đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã đánh giá, kiểm điểm sâu sắc quá trình tổ chức thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Đại hội xác định cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 1996 - 2000 là nông, lâm nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ gắn với định canh định cư xây dựng nông thôn mới. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1996 - 2000 như sau:

- Phấn đấu tăng sản lượng lương thực bình quân 4%/năm, đến năm 2000 tổng sản lượng lương thực đạt 18.000 tấn; bình quân lương thực/người đạt 320kg. Nâng hệ số sử dụng đất ruộng nước ở vùng thấp đạt 2 lần, vùng cao 1,6 lần; đất nương vùng thấp 1,7 lần, vùng cao 1,4 lần. Phát triển hoạt động khuyến nông, khuyến lâm đến các xã và thôn bản. Cung ứng đủ vật tư nông nghiệp cho nông dân. Phấn đấu tăng tổng đàn gia súc, trong đó đàn trâu 3%/năm, đàn ngựa 2%/năm, đàn bò, dê, lợn 6% - 10%/năm. Diện tích đậu tương 2 vụ đạt 1000 ha, sản lượng đạt 700 - 800 tấn. Mỗi năm trồng từ 100 - 200 ha cây ăn quả. Qui hoạch vùng mía ở 3 xã vùng hạ huyện; khôi

phục phát triển vùng rau ở khu vực huyện lỵ Mường Khương, Tùng Lâu. Đến năm 2000 cơ bản hoàn thành việc giao đất giao rừng cho hộ nông dân, mỗi năm trồng mới 500 ha rừng, nâng tỷ lệ tán che lên 25% vào năm 2000.

- Xây dựng quy hoạch các trung tâm xã, cụm xã, điểm đầu mối giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng; vùng cao ngói hóa được 30 - 40%, vùng thấp 70 - 80%; qui hoạch xây dựng lưới điện quốc gia từ trung tâm huyện tới một số điểm thị tứ, phát triển thủy điện nhỏ ở các thôn bản vùng sâu vùng xa, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước ăn ở một số thôn bản. Mở mới và nâng cấp các tuyến giao thông từ huyện xuống xã, từ xã đến thôn.

- Tập trung khai thác triệt để các nguồn thu, tăng thu ngân sách; đảm bảo sự thông thoáng của cửa khẩu gắn với an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, tạo điều kiện để nông dân nghèo được vay vốn sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư phát triển các hoạt động văn hoá thông tin trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống văn hoá các dân tộc. Kết hợp tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến với đấu tranh phê phán hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước ta, di cư tự do... Phấn đấu các xã đều có đội văn nghệ - thông tin tuyên truyền. Xây dựng 4 trạm phát thanh ở 4 khu vực cụm xã; lắp đặt thêm một số trạm phát lại truyền hình nhỏ gắn với các điểm dân cư, đảm bảo phủ sóng phát thanh, truyền hình đến cơ bản các địa bàn dân cư trong huyện.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, đảm bảo đủ thuốc chữa bệnh thông thường, triển khai bảo hiểm y tế rộng rãi, đào tạo cán bộ y tế, tăng cường chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia. Phấn đấu hạ tỷ lệ gia tăng dân số là 0,055%/năm.

- Phát triển các cấp học, ngành học, tăng cường đào tạo giáo viên là người tại chỗ, đẩy mạnh xây dựng các trường nội

trú, bán trú, phấn đấu nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học từ 53% lên 75 - 80% vào năm 2000. Phấn đấu các xã đều có trường cấp II, hoàn chỉnh cấp I, thôn bản có từ 30 hộ trở lên có lớp học.

- Tích cực thực hiện định canh định cư xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng sâu. Phấn đấu đến 2000 tỷ lệ hộ nghèo còn 5%.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tiếp tục xóa bỏ bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Sắp xếp lại hệ thống các phòng, ban, đơn vị tinh gọn, phù hợp. Tăng cường chức năng điều hành quản lý nhà nước, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; tích cực đào tạo lại công chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Phát huy vai trò của kinh tế hộ gia đình, nghiên cứu chuyển đổi cách quản lý trong các hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, dân chủ, cùng có lợi. Các nông, lâm trường đóng trên địa bàn phấn đấu trở thành các trung tâm dịch vụ, nơi phổ biến, chuyển giao khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hoá xã hội đối với dân cư các vùng lân cận.

- Giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới lãnh thổ quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Gắn phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh. Bổ sung phương án A2, tổ chức diễn tập hoàn thiện phương án. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo luật pháp. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên địa bàn giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng; kiện toàn Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện theo quyết định 100 của Ban Bí thư Trung ương; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Tăng cường tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Tập trung củng cố cơ sở đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết 07 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy, đặc biệt các xã Pha Long, Cao Sơn, Nậm Chảy. Xóa bỏ các thôn bản trắng không có đảng viên. Nâng cao chất lượng cán bộ công chức, phấn đấu cán bộ làm việc ở các cơ quan Khối Dân Đảng đều có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng.

- Từng bước tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ, tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ công chức để nâng cao hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước. Coi trọng vai trò của trưởng thôn, củng cố bộ máy chính quyền cơ sở vững mạnh.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể chính trị xã hội theo tinh thần Nghị quyết 8B (khóa VI) về công tác dân vận, Nghị quyết 7 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách của các đoàn thể, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ đoàn thể cấp cơ sở.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương đã bầu Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XIX nhiệm kỳ (1996 - 2000) gồm 31 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đình Vững được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội cũng đã bầu đoàn đại biểu thay mặt cho Đảng bộ huyện đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI.

Các chi bộ, đảng bộ cơ sở đã hoàn thành việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp, nhất là triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX. Cụ thể hóa hóa nghị quyết đại hội đảng các cấp và căn cứ vào chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Huyện ủy đã chủ động đổi mới quy trình ra nghị quyết đúng với chủ chương của Đảng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Huyện ủy đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động và chỉ thị, kế hoạch, đề án để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng và củng cố hệ

thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Các nghị quyết, các chỉ thị, kế hoạch, đề án của Huyện khi tổ chức triển khai thực hiện được Nhân dân các dân tộc đồng tình ủng hộ, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống đã làm chuyển biến căn bản tình hình mọi mặt của huyện.

Trên lĩnh vực nông, lâm nghiệp, trong 5 năm 1996 - 2000, trên địa bàn Mường Khương thời tiết diễn biến phức tạp. Năm 1996, đầu năm rét đậm kéo dài làm chết mạ xuân phải kéo giãn thời vụ, giữa năm mưa lớn làm sạt lở ruộng nương, làm hỏng diện tích cây trồng và hệ thống mương máng, lũ cuốn trôi 12,6 ha lúa xuân, 10,5 ha lúa mùa, 59 ha ngô. Năm 1997, hạn hán xảy ra khi vào vụ xuân hè làm chết 697 ha ngô, mạ mùa bị già sinh trưởng kém làm giảm khoảng 1500 tấn lương thực. Đầu năm 1998, mưa đá xảy ra ở một số xã vùng cao, cuối năm lại xảy ra hạn hán, dịch chuột phá mùa màng. Năm 2000, rét đậm, sương muối làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông lâm nghiệp.

Các xã trong huyện tích cực khai thác lợi thế về đất đai, ruộng để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Năm 1996 đàn trâu của huyện có 9.008 con, đàn bò 1.260 con, đàn lợn 13.953 con, đàn ngựa 2.889 con. Năm 1997, đàn gia súc cơ bản được giữ ổn định, riêng đàn bò tăng cao so với năm 1996, đàn dê sụt giảm do thiếu nơi chăn thả. Năm 1998, tổng đàn gia súc đều tăng trong đó trâu tăng 5,5%, bò tăng 88,7% đàn bò đạt trên 2000 con, đàn lợn cũng tăng lên trên 15.000 con, xu hướng nạc hóa tăng mạnh đáp ứng nhu cầu của thị trường. Năm 1999 số lượng tổng đàn có tăng so với năm trước, nhưng rét đậm đã làm chết 83 con trâu, bò. Năm 2000 rét đậm, sương muối làm chết 615 con trâu, bò. Song tổng đàn gia súc vẫn đảm bảo kế hoạch và tăng so với năm trước. Tính chung trong 5 năm 1996 - 2000, tốc độ tăng đàn gia súc đạt mục tiêu đề ra, riêng đàn bò đã tăng bình quân 19%/năm, năm 2000 đạt 2.230 con.

Bên cạnh việc lãnh đạo mở các tuyến đường giao thông, huyện ủy còn quan tâm đến lãnh đạo nâng cấp hạ tầng điện.

Năm 1997, trong dịp kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng Mường Khương, huyện đã cắt băng khánh thành và đưa vào sử dụng đường điện 35KV Lào Cai - Mường Khương, mở đầu giai đoạn đưa điện lưới quốc gia về nông thôn ở Mường Khương. Năm 1998, huyện xây dựng xong đường dây 35KV từ Mường Khương đi Pha Long, Mường Khương đi cửa khẩu, đã có gần 1000 hộ được dùng điện lưới quốc gia, 1307 hộ dùng thủy điện nhỏ. Năm 1999 xây dựng lưới điện xã Mường Khương, đường điện lưới Mường Khương - Tung Chung Phố. Đến năm 2000 đã có 6 xã với 1500 hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn phát triển chậm vì gặp nhiều khó khăn, sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp chủ yếu vẫn là các hoạt động sản xuất nông cụ cầm tay, gạch ngói, xay sát ở qui mô gia đình.

Đến năm 2000, huyện đã qui hoạch xong trung tâm huyện lỵ và 4 thị tứ, diện mạo huyện lỵ, thị tứ đã mang dáng dấp đô thị. Trụ sở làm việc của cơ quan Đảng, chính quyền các xã đều được nâng cấp; trường học chính, trạm xá được xây dựng mức cấp IV, cấp III. Năm 1999, thực hiện chương trình 135 của Chính phủ, toàn huyện đã được đầu tư gần 30 tỷ đồng cho thực hiện các chương trình dự án, nên hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã đã có bước phát triển khá.

Hoạt động tài chính, ngân hàng đáp ứng được yêu cầu. Do khó khăn về nguồn thu nên nguồn chi chủ yếu vẫn do nhà nước cấp. Tuy nhiên, huyện cũng đã cố gắng tạo nguồn thu, thu đúng, thu đủ, đến năm 1999 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đã đạt 3 tỷ 615 triệu đồng, trong đó thu qua cửa khẩu đạt 1.920 triệu đồng. Năm 2000 đạt 4.133 triệu đồng, so với nhu cầu chi thì huyện cân đối được khoảng 10%. Hoạt động ngân hàng có nhiều cố gắng, số vốn nông dân và các hộ kinh doanh vay, tăng hàng năm. Năm 1997, dư nợ tín dụng của ngân hàng huyện là 5.587 triệu đồng, năm 1999 nâng lên 9.262 triệu đồng, năm 2000 đạt 15 tỷ đồng, 5.600 hộ dân được vay vốn. Lưu thông hàng hóa luôn được quan tâm phát triển, đến

năm 2000 đã có 10/16 xã có chợ hoặc địa điểm chợ; các chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã được nâng cấp, thúc đẩy quá trình giao lưu văn hoá, trao đổi sản phẩm hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội .

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới, nhất là từ khi có chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Năm học 1996-1997, toàn huyện đã có 25 trường học, 291 lớp, 173 phòng học với 7333 học sinh; trong năm huyện đã xây dựng mới 11 phòng học, tu sửa 16 phòng, đóng mới 552 bộ bàn ghế cho học sinh, trong đó Nhân dân đóng góp 1020 ngày công và 17 triệu đồng. Năm học 1997-1998, xây dựng mới được 42 phòng học, trong đó dân tự làm 31 phòng; đóng mới 349 bộ bàn ghế học sinh, trong đó dân tự đóng 184 bộ; số học sinh đi học đã tăng 1650 em so với năm học 1996 - 1997. Các địa phương phối hợp với đồn biên phòng tổ chức các lớp học xóa mù chữ cho 1500 học viên, đạt 150% kế hoạch.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được tăng cường. Các xã đều có trạm xá, mỗi trạm có từ 3 - 4 cán bộ y tế, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh được trang bị ngày càng đầy đủ và hiện đại hơn. Các chương trình y tế quốc gia đều được triển khai có hiệu quả. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình chuyển biến mạnh mẽ. Năm 1997, tỷ lệ tăng dân số của huyện đã hạ xuống mức 2,8%. Năm 1998, toàn huyện đã có thêm 2.776 cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai, năm 1999 có 3000 cặp vợ chồng đăng ký thực hiện. Vì vậy, tỷ lệ tăng dân số đã hạ xuống mức 2,5%; năm 2000 là 2,2%. Tuy nhiên, một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đầy đủ đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, cộng tác viên dân số chưa sâu sát đến tận các thôn bản, gia đình nên tỷ lệ cặp vợ chồng sinh con thứ 3 vẫn còn chiếm 23% trong tổng số cặp vợ chồng trong tuổi sinh đẻ.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền được đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đã chuyển tải cơ bản chủ trương đường lối của Đảng,

chính sách pháp luật của nhà nước đến với Nhân dân. Năm 1996 huyện đã lắp đặt và đưa vào sử dụng 6 trạm phát lại truyền hình, 2 trạm phát sóng FM, phục vụ Nhân dân 14/16 xã. Năm 1998, Ủy ban Nhân dân huyện đã điều chỉnh, bổ sung qui định cụ thể thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Hầu hết các gia đình dân cư đều ký cam kết thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Toàn huyện đã tổ chức tiếp nhận và phân phối 2.000 chiếc radiô, tivi, kết quả đã có 65% hộ dân được nghe đài, 20% hộ dân được xem truyền hình. Năm 1999, huyện lắp đặt thêm 1 trạm phát lại truyền hình tại xã La Pan Tẩn, nâng cấp đài truyền thanh - truyền hình huyện và nâng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình. Trong 5 năm 1996 - 2000, huyện đã có 8.000 hộ được công nhận gia đình văn hoá, toàn huyện có 8 trạm phát lại truyền hình, 16/16 xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình. Phong trào rèn luyện thể dục thể thao phát triển sâu rộng từ các cơ quan đến thôn bản.

Công tác quốc phòng được quan tâm trước hết là nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, gắn phát triển kinh tế với xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc. Trong 3 năm 1996 - 1998, huyện mở được 10 lớp tập huấn giáo dục quốc phòng cho cán bộ chủ chốt cấp xã, trưởng các ban ngành đoàn thể cấp huyện, dân quân tự vệ. Học sinh trường trung học phổ thông, trường đào tạo bồi dưỡng hàng năm đều được tập huấn kiến thức giáo dục quốc phòng. Năm 1998, huyện cử 25 đoàn công tác trực tiếp xuống các thôn bản để tuyên truyền công tác quốc phòng an ninh. Các xã và cơ quan đều tổ chức xây dựng kế hoạch A, A2 về tổ chức diễn tập hàng năm. Toàn huyện được phân thành các cụm phát triển kinh tế gắn với quốc phòng. Trong 5 năm, lực lượng dân quân tự vệ, công an phối hợp với Biên phòng thường xuyên phối hợp tổ chức tuần tra biên giới, phát hiện và giải quyết 327 vụ việc, bắt 250 đối tượng, thu giữ trả lại cho dân 253 con trâu,

bò, ngựa; truy bắt 36 vụ tội phạm, 18 vụ khai thác khoáng sản, lâm sản trái phép[4]. Lực lượng dân quân ở các xã được xây dựng theo phương châm dân bàn, dân cử, dân chăm lo, do đó hoạt động đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực. Lực lượng dự bị động viên được rà soát lại hàng năm. Công tác động viên thanh niên khám tuyển, nhập ngũ của huyện đều hoàn thành chỉ tiêu giao.

Tổ chức cơ sở Đảng tiếp tục được củng cố, được đánh giá phân loại kịp thời. Năm 1996, huyện có 34 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó 19 đơn vị đạt trong sạch, vững mạnh. Năm 1998, chi bộ Công an chuyển lên thành đảng bộ, thành lập thêm một cơ sở Đảng, nâng số tổ chức cơ sở Đảng trong huyện lên 35, trong đó 19 tổ chức cơ sở đạt trong sạch vững mạnh. Năm 2000, Huyện ủy đã giải thể 1 đảng bộ, thành lập mới 2 chi bộ, chia tách 2 chi bộ, nâng tổng số tổ chức cơ sở đảng lên 38 đơn vị. Trong những năm 1996 - 2000, Đảng bộ huyện đã tập trung củng cố các cơ sở: Tả Thàng, Nậm Chảy, La Pan Tẩn, Tung Chung Phố, Tả Ngải Chồ, Lùng Vai, Nông trường Thanh Bình. Số cấp ủy cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm đạt bình quân 81,7%, hoàn thành nhiệm vụ 16,9%, không hoàn thành nhiệm vụ 1,4%

4 . Báo cáo tổng kết 5 năm công tác quốc phòng ở địa phương

Phần thứ bảy

ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (2000 - 2010)

Năm 2001, thế giới bước sang thế kỷ mới - thế kỷ XXI. Dân tộc ta đứng trước những thời cơ và thách thức đan xen. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và sinh học tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thúc đẩy nền kinh tế tri thức, càng làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi đời sống xã hội...toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, lôi cuốn tất cả các quốc gia, vừa thúc đẩy hợp tác vừa tăng sức ép cạnh tranh để bảo vệ lợi ích của mình.

Thực hiện Chỉ thị 54 - CT/TW ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của tỉnh về tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, trong quý III năm 2000, Huyện ủy Mường Khương đã tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng tiến hành đại hội chi, đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2000 - 2005 và tham gia ý kiến vào văn kiện dự thảo trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. *Trong 2 ngày 27 và 28-11-2000, tại Hội trường Ủy ban Nhân dân huyện đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX.* Tới dự Đại có 98/100 đại biểu được triệu tập đại diện cho hơn 800 đảng viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đã đến dự và chỉ đạo đại hội. Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XII Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; thảo luận Báo cáo chính trị dự thảo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX trình Đại hội;

Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII.

Bám sát định hướng của Trung ương, của tỉnh qua các văn kiện dự thảo được nghiên cứu góp ý và điều kện cụ thể của huyện, Đại hội đề ra 04 mục tiêu, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 2001 - 2005

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX nhiệm kỳ 2000 - 2005 gồm 31 đồng chí, Ban Thường vụ 9 đồng chí. Đồng chí Sùng Chúng được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy; đồng chí Tạ Đình Bảng, Nùng Chản Phìn giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu thay mặt cho Đảng bộ huyện đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII gồm 11 đồng chí.

Đại hội Đảng bộ tỉnh quán triệt tư tưởng chỉ đạo là: giữ vững ổn định chính trị, tập trung lãnh đạo phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn và cải thiện đời sống Nhân dân, tập trung đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giải quyết hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo và phát triển nông - lâm nghiệp nông thôn, nhất là vùng cao, vùng sâu theo hướng sản xuất hàng hóa; khai thác chế biến khoáng sản, đẩy mạnh xuất nhập khẩu...

1. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX (2001 - 2005)

Để thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo trên, Đảng bộ đã chỉ đạo chính quyền và các cơ quan xây dựng kế hoạch, đề án, phương án cụ thể để triển khai thực hiện; phân công các đồng chí trong Ban chấp hành, Ban thường vụ phụ trách thực hiện ở các xã, các lĩnh vực, gắn trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ chung. Trong quá trình tổ chức thực hiện, định kỳ tiến hành sơ, tổng kết, đánh giá cụ thể để rút kinh nghiệm chỉ đạo cho thời gian tiếp theo.

Việc tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện các chương trình giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản

lý điều hành, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân nên đã tạo ta sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ trong các chương trình. Kết quả, qua 5 năm thực hiện 6 chương trình trọng tâm đã làm chuyển biến vượt bậc mọi lĩnh vực của huyện, hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra.

Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều tiến bộ, sản lượng hàng hóa (ngô, đậu tương, chè, gạo đặc sản) tăng nhanh. Công tác xóa đói giảm nghèo tiếp tục được đẩy mạnh. Đã tập chung chỉ đạo thực hiện các trương trình ngô, đậu tương, chè hàng hóa, lúa gạo đặc sản...đạt kết quả. Cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp đã có những chuyện biến tích cực đúng với mục tiêu, phương hướng đã đề ra. Nhận thức của Nhân dân về sản xuất hàng hóa có chuyển biến rõ nét, đời sống Nhân dân và bộ mặt nông thôn không ngừng được cải thiện. Trong lĩnh vực trồng trọt, đã chú trọng việc sử dụng giống mới, với 80% diện tích lúa trồng bằng kĩ thuật; 75% diện tích ngô lai và ngô quần cải; riêng vụ xuân ở vùng thấp đã sử dụng 100% giống lúa, ngô kỹ thuật, công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn Nhân dân tiếp tục thâm canh tăng vụ được tăng cường. Tốc độ tăng sản lượng lương thực bình quân đạt 8,44%/năm. Đưa tổng sản lượng lương thực có hạt lên 21.600 tấn vào năm 2005 (tăng 3.100 tấn so với mục tiêu đại hội đề ra) tăng gần 7000 tấn so với năm 2000. Đưa mức thu nhập lương thực bình quân đầu người từ 320kg lên 376kg/người/năm. Số hội nghèo giảm nhanh từ 44,6% xuống còn là 16,31% vào năm 2004 (theo tiêu chí cũ), vượt mục tiêu đại hội đề ra.

Chương trình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày tiếp tục được triển khai, đưa diện tích cây ăn quả từ 509 ha (năm 2000) lên 780 ha (năm 2004), vùng cao đã hình thành các vùng cây ăn quả ôn đới bản địa như mận hậu (Cao Sơn), lê (Pha Long, Dìn Chin) và một số cây ăn quả ôn đới khác như hồng Hàn Quốc, đào Pháp... Riêng vùng dứa Bản Lầu diện tích

đã có 240 ha, trong đó diện tích cho thu hoach 170ha với sản lượng 3.800 tấn, trị giá 4,0 tỉ đồng.

Diện tích cây đậu tương đã tăng từ 1.000 ha lên 1.211 ha, trong đó có 600 ha trồng đậu tương cao sản (giống DT84, DT96), sản lượng hàng năm đạt 847,2 tấn. Cây chè đã được xác định là cây có lợi thế, mang lại hiệu quả khá, diện tích tăng nhanh từ 102 ha năm 2000 lên 700 ha năm 2005 (trong đó có 443 ha chè tập trung). Sản lượng chè búp khô năm 2005 đạt 170 tấn, trị giá khoảng 2.720 triệu đồng.

Đàn gia súc, gia cầm phát triển, đạt mục tiêu đề ra. Năm 2005, đàn trâu có 11.970 con (tăng 4,85% năm 2000), đàn bò có 2.694 con (tăng 3,5% năm 2000), đàn ngựa có 3.294 con, đàn dê có 300 con, đàn lợn có 27.995 con (tăng 4,5% năm 2000), đàn gia cầm 147.516 con (tăng 15% năm 2000). Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 25 ha. Các giống lợn lai F1, bò lai Sin, Bò Zeebu, giống gia cầm mới được nông dân đưa vào sản xuất. Nhằm mục tiêu cải tạo tầm vóc giống bò địa phương, huyện Mường Khương đã thực hiện dự án cải tạo đàn bò bằng phương pháp phối giống trực tiếp, trong 3 năm 2003 - 2005 đã đưa vào 19 con bò đực giống Zêbu, tạo được 50 con lai F1.

Công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng được đẩy mạnh, đã hoàn thành kế hoạch trồng mới theo kế hoạch. Trong 5 năm, huyện đã trồng thêm được 777,7 ha rừng. Công tác bảo vệ, khoanh nuôi rừng tái sinh được quan tâm đúng mức, không có những vụ việc phá rừng, cháy rừng lớn xảy ra trên địa bàn. Tổng diện tích rừng đến năm 2005 có 18.157 ha, đưa diện tích rừng được che phủ từ 24,5% năm 2000 lên 35% năm 2005, đạt mục tiêu Đại hội đề ra.

Công tác quy hoạch được quan tâm, đã quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ xây dựng cở sở hạ tầng, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn góp phần quan trọng trong việc ổn định dân cư và làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn, trung tâm các xã, cụm xã. Trong năm 2004, huyện đã xây dựng đề án quy hoạch sản xuất gắn với

sắp xếp bố trí lại dân cư. Trong 4 năm 2001-2004 đã chủ động bố trí sắp xếp ổn định được 369 hộ, trong đó sắp xếp dân cư biên giới 249 hộ, sắp xếp nội địa 120 hộ.

Với sự cố gắng nỗ lực của Nhân dân cộng với chính sách hỗ trợ của tỉnh về tấm lợp, phong trào ngói hóa nông thôn được triển khai rộng khắp, đã đưa tỉ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố từ 60% (năm 2000) lên 80% (năm 2005), đạt mục tiêu Đại hội đề ra.

Giao thông nông thôn tiếp tục phát triển, 16/16 xã có đường ô tô đến trung tâm, đi lại thuận lợi cả 4 mùa, trong đó có 11 xã có đường nhựa qua trung tâm xã. Trong 5 năm đã mở mới 63 tuyến đường giao thông nông thôn với chiều dài 147,4 km. Để mở các tuyến đường trên, Nhân dân đã đóng góp 57.889 ngày công, đào đắp 678.890 mét khối đất đá trị giá đóng góp trên 6,2 tỷ đồng, vượt mục tiêu đề ra. Đến năm 2005 có 195/219 thôn bản (chiếm 84,47%) có đường rộng từ 2,5m trở lên nối với trung tâm xã phục vụ cho việc đi lại, giao lưu, phát triển kinh tế ở địa phương.

Hoạt động dịch vụ, thương mại có bước phát triển khá. Thu ngân sách tăng cao. Hoạt động dịch vụ, thương mại ngoài việc phục vụ đủ, kịp thời nhu cầu thiết yếu của người dân còn góp phần quan trọng trong việc phát triển sản xuất, nâng cao đời sống Nhân dân, tăng thu ngân sách. Năm 2005, tổng mức bán lẻ, lưu chuyển hàng hóa và doanh thu đạt 25 tỉ đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2000. Trong 5 năm, 10 chợ nông thôn được đầu tư mở rộng. Đến năm 2005 đã có gần 600 hộ dân tham gia việc hoạt động dịch vụ, thương mại.

Việc thu ngân sách Nhà nước các năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Năm 2000 tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 2.561 triệu đồng (trong đó thu nội địa 936 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.626 triệu đồng), đến năm 2004 thu đã đạt 22.037 triệu đồng (trong đó thu nội địa là 5.418 triệu, thu từ xuất nhập khẩu đạt 16.619 triệu) đạt 326,8% so với mục tiêu Đại hội đề ra. Ngân hàng đã thực hiện tốt chính sách, mở rộng đối tượng cho vay, đáp ứng

nhu cầu vay vốn phục vụ đời sống, sản xuất cho Nhân dân. Năm 2005, tổng doanh số cho vay đã đạt 80 tỉ đồng với trên 8.000 lượt hộ dân được vay vốn.

Hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục có bước phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân. Công tác giáo dục đã có những bước tiến và đạt được những kết quả khá quan trọng, 16/16 xã duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ. Tháng 5/2005 huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Kết thúc năm 2005 đã có 4 xã hoàn thành phổ cập giáo dục THCS. Quy mô trường lớp phát triển mạnh, đồng bộ, 16/16 xã đều có đủ bậc học từ mầm non đến THCS. Năm 2004 đã mở thêm 1 trường THPT ở khu vực vùng thấp. Số học sinh các cấp tăng nhanh (năm học 2005 - 2006 có 15.000 học sinh, tăng 4.000 học sinh so với năm học 2000 - 2001). Tỷ lệ huy động trẻ em từ 6 đến 14 tuổi đến lớp năm 2005 đạt 97%. Công tác xã hội hóa giáo dục, hoạt động khuyến học có tiến bộ rõ nét. Các loại hình học tập như nội trú, bán trú dân nuôi, bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì. Chất lượng và hiệu quả giáo dục đang được nâng lên, hàng năm đã có học sinh giỏi cấp tỉnh và đã có học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia. Đội ngũ giáo viên tiếp tục được bổ sung, tăng cường về cả số lượng, chất lượng. Tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn ở các cấp học tăng nhanh (mầm non đạt 44%; tiểu học 96,8/5; THCS 96,3%; THPT 91%), đến năm 2005 đã có 2 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân đã có những chuyển biến tích cực. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, 3 phòng khám đa khoa khu vực đều có bác sĩ, 100% trạm y tế có cán bộ trung học, trên 80% số thôn bản có cán bộ y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh và thực hiện các chương trình y tế tại cộng đồng. Trong 5 năm đã triển khai thực hiện tương đối tốt 8/10 chương trình y tế quốc gia theo quy định. Không để dịch bệnh lớn và tử vong người xảy ra trên địa bàn. Hàng năm trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 95% trở lên. Công

tác khám chữa bệnh tiếp tục được quan tâm. Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng giảm trung bình 4%/năm, năm 2005 còn trên 30%. Công tác truyền thông, tuyên truyền vận động thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên năm 2005 là 2,08% (giảm 0,46% so với năm 2000).

Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin tuyên truyền đã hướng mạnh về cơ sở. Ngoài việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đã tích cực vận động Nhân dân giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện nề nếp sống văn hóa, tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào các dân tộc trong huyện. Đến năm 2005 đã có 90 đội văn nghệ quần chúng ở các xã, cơ quan đơn vị trong huyện hoạt động thường xuyên. Phong trào thể dục thể thao đã trở thành phong trào rộng khắp, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếp tục được mở rộng, năm 2005 có 75% số hộ được nghe đài, 65% số hộ được xem truyền hình (vượt mục tiêu đại hội đề ra). Phong trào vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*" đã được Nhân dân hưởng ứng tích cực, đến năm 2005 có 97 làng, bản, cơ quan được công nhận là làng, bản, cơ quan văn hóa, 5.200 hộ gia đình (chiếm 58,47%) đạt chuẩn gia đình văn hóa, vượt mục tiêu đại hội đề ra.

Công tác an ninh quốc phòng, đối ngoại được quan tâm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong 5 năm ổn định, chủ quyền biên giới Quốc gia được giữ vững đã góp phần quan trọng tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Công tác chính trị tư tưởng của Huyện ủy tập trung đổi mới việc triển khai, quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng bằng các chương trình hành động sát với thực tế địa phương. Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã vận dụng sáng tạo, sát thực tế nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc và của tỉnh bằng

việc ban hành và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 4 nghị quyết chuyên đề và 2 chương trình chuyên đề với 6 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa.

2. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI (2006 - 2010)

Qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006), với sự nỗ lực phấn đấu, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh; đời sống Nhân dân được cải thiện; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; quốc phòng và an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.., tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 10 năm 2005 tại Hội trường Ủy ban Nhân dân huyện Mường Khương, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI đã diễn ra, 148/150 đại biểu được triệu tập đã tới dự Đại hội. Đại hội đã phát huy tinh thần đoàn kết dân chủ, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cho 5 năm 2005 - 2010, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX gắn với việc thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và kiện toàn Ban Chấp hành khóa mới.

Tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2005-2010 là: tiếp tục giữ vững ổn định về chính trị, trật tự trị an, an toàn xã hội. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đặc biệt là khai thác tiềm năng, thế mạnh), tập trung đầu tư cho lĩnh vực nông thôn, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; ổn định vững chắc

lương thực, phát triển mạnh chăn nuôi; tăng nhanh số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm hàng hóa; đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh.

Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu chung là: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức trung bình so với các huyện trong tỉnh, phấn đấu kết thúc vào năm 2010 là huyện thoát ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. Tập trung đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu trong nội ngành nông nghiệp theo hướng tăng mạnh tỷ trọng ngành chăn nuôi, ổn định vững chắc lương thực, tạo nhiều sản phẩm lương thực, thực phẩm hàng hóa, có chất lượng; mở rộng mạng lưới dịch vụ, thương mại, du lịch; tranh thủ tối đa ngoại lực kết hợp khai thác nội lực, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống cho Nhân dân. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực; tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, đời sống... Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh quốc phòng. Xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, tăng cường hợp tác, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Tiếp tục củng cố và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị theo hướng trong sạch vững mạnh, tập trung nâng cao chất lượng công tác của đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, làm tốt công tác vận động quần chúng.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, trên cơ sở nghiên cứu vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy Lào Cai, Đảng bộ huyện Mường Khương đã cụ thể hoá xây dựng 5 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 18 đề án, dự án để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời phân

công các đồng chí Thường trực, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện phụ trách, các cơ quan chủ trì và phối hợp xây dựng thực hiện đề án, dự án.

Chương trình 1: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với xóa đói giảm nghèo, từng bước xây dựng nông thôn mới (08 dự án).

Chương trình 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với phát triển Dịch vụ - Thương mại - Du lịch (03 đề án).

Chương trình 3: Phát triển Văn hóa - Xã hội (03 đề án).

Chương trình 4: Quốc phòng - An ninh (02 đề án).

Chương trình 5: Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị (02 đề án).

Ngày 17-6-2006, Huyện ủy Mường Khương tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 3, thông qua Nghị quyết số 03-NQ/HU về ban hành chương trình công tác trọng tâm toàn khóa nhiệm kỳ 2005-2010.

Qua 5 năm (2005-2010) nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI; cơ bản các mục tiêu đề ra đã hoàn thành, trong đó có 14 mục tiêu vượt kế hoạch: Kinh tế tăng trưởng khá, mức tăng trưởng bình quân gần 11% năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng. Năm 2010 cơ cấu kinh tế huyện: Nông lâm nghiệp 58%; Thương mại dịch vụ 32,5%; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 9,5%, (Đạt mục tiêu đề ra)

Với đặc thù là một huyện thuần nông, trên 90% dân số sống ở nông thôn, thu nhập chủ yếu của Nhân dân từ nông, lâm nghiệp. Vì vậy, trong 5 chương trình công tác trọng tâm với 18 đề án, dự án của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, Đảng bộ đã coi chương trình *tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, từng bước xây dựng nông thôn mới* là chương trình trọng tâm số 1 với 8 đề án, dự án và tập trung ưu tiên đầu tư cho chương

trình này. Quan điểm và mục tiêu của Đảng bộ đối với chương trình này là: Tiếp tục quan tâm đầu tư cho lĩnh vực nông lâm nghiệp, phát huy tối đa những lợi thế của địa phương, tranh thủ các nguồn lực đầu tư để đẩy mạnh phát triển hàng hóa, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm như: ngô hàng hóa, vùng chè tập trung, vùng lúa đặc sản Séng cù, vùng nguyên liệu thuốc lá, vùng nguyên liệu ớt... Tăng cường công tác khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng mới. Tăng hệ số sử dụng đất, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác.

Phát huy lợi thế đặc thù về điều kiện tự nhiên, khí hậu, các nguồn lực hỗ trợ đặc biệt là nguồn lực theo Nghị quyết 30 a của Chính phủ để hình thành và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa mang tính chất đặc sản của địa phương. Qua 5 năm thực hiện, cơ cấu ngành trồng trọt của huyện đã có sự đột phá mạnh mẽ, đúng hướng; đặc biệt là việc lựa chọn chỉ đạo, triển khai thực hiện các vùng sản xuất hàng hóa. Do vậy, vùng chè Shan năm 2005 diện tích chỉ có 45 ha, năm 2009 đã tăng lên 819 ha và năm 2010 đạt 1.019 ha, đạt 140% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Bên cạnh đó, Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh thâm canh, cải tiến công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, vì vậy sản phẩm chè sản xuất ra được tiêu thụ ổn định chủ yếu là xuất khẩu, góp phần nâng cao thu nhập cho người trồng chè.

Đến năm 2010, vùng dứa trái vụ đạt 730 ha, sản phẩm dứa được thị trường trong nước ưa chuộng và tiêu thụ ổn định, giá trị thu nhập hàng năm đạt từ 25-30 tỷ đồng. Vùng chuối xuất khẩu đạt 260 ha, giá trị thu nhập 30-35 tỷ đồng/năm. Vùng ngô lai hàng hóa năng suất cao tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh với cơ cấu trên 95% giống kỹ thuật. Ngoài việc giữ vững và ổn định lương thực, hàng năm huyện Mường Khương còn cung cấp cho thị trường một lượng ngô hàng hóa từ 17.000-19.000 tấn giá đạt khoảng 80 tỷ đồng/năm. Vùng lúa đặc sản Séng cù được quan tâm phục tráng, chọn lọc giống và mở rộng diện tích thêm 700 ha, sản phẩm gạo Séng cù được cấp và bảo

hộ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia đã trở thành đặc sản nổi tiếng trên thị trường. Vùng ớt 300 ha đã cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến tương ớt; sản phẩm tương ớt cũng đã được cấp và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia, được thị trường trong nước ưa chuộng và tiêu thụ ổn định.

Ngoài các sản phẩm chính trên, đến năm 2010, trên địa bàn Mường khương đã hình thành thêm các vùng sản xuất hàng hóa khác, như vùng nguyên liệu thuốc là 500 ha, vùng cây ăn quả ôn đới và nhiệt đới (chanh trái vụ, quýt, mận hậu, lê xanh). Công tác khuyến nông đã tập trung hướng dẫn cho Nhân dân kỹ thuật canh tác theo hướng thâm canh tăng vụ. Tính chung trong 5 năm, tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt đạt bình quân 14%/năm, tổng sản lượng lương thực đến năm 2010 đạt 27.000 tấn. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác năm 2010 đạt 35,51 triệu đồng/ha, đạt 221,9% so với mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ huyện khóa XXI đề ra.

Công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng thường xuyên được quan tâm. Nhận thức của Nhân dân về trồng rừng và kinh tế lâm nghiệp được nâng lên một bước, trong 5 năm đã trồng mới được 2.566,3 ha rừng các loại, đạt 329% so với mục tiêu Nghị quyết đề ra (trong đó trồng rừng sản xuất đạt 2.122,6 ha, trồng rừng phòng hộ 443,7ha). Phong trào trồng rừng đã được Nhân dân tham gia tích cực; đặc biệt là sau khi có chính sách trồng rừng sản xuất, Nhân dân đã chủ động chuyển đổi diện tích nương đồi kém hiệu quả sang trồng rừng. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2010 đạt 40% diện tích, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản có bước phát triển quan trọng, đàn gia súc gia cầm phát triển ổn định, mức tăng trưởng bình quân đạt trên 6%/năm. Ngoài việc cung cấp sức kéo, phân bón cho ngành trồng trọt, chăn nuôi gia súc còn góp phần cung cấp một lượng thực phẩm hàng hóa cho thị trường. Công tác bình tuyển, chọn lọc, phục tráng giống lợn đen Mường Khương đã cung cấp nguồn giống thuần chủng làm cơ sở cho tạo giống,

nhân giống, lai giống phục vụ cho thị trường trong và ngoài huyện. Nhân dân đã chủ động chuyển đổi diện tích đất ruộng kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng từ 25 ha năm 2005 lên 68 ha năm 2010. Việc nuôi trồng thủy sản đã chú trọng đến áp dụng giống mới và thâm canh.

Trong đầu tư xây dựng cơ bản, hàng năm huyện đã tập trung nguồn vốn đầu tư nâng cấp trung tâm các xã, cụm xã. Bộ mặt trung tâm xã, cụm xã thay đổi rõ rệt, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Đến năm 2010 đã có 16/16 xã gồm 104 thôn bản với 7650/11.118 hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia (chiếm 68,8% số hộ của huyện). 16/16 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó có 14/16 xã có đường nhựa đi qua, 198/226 thôn bản có đường ô tô và xe máy đi lại thuận lợi (đạt 87,6%), 16/16 xã có mạng điện thoại di động và cố định, tỷ lệ bình quân 45 máy/100 dân (tăng 22 lần so với năm 2005), có 11/16 trạm y tế và phòng khám khu vực được xây dựng khang trang, 59/59 đơn vị trường học được xây dựng kiên cố, 80% hộ dân được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh. Trong 5 năm, toàn huyện có 1.132 hộ sản xuất kinh doanh giỏi, 3.126 hộ sản xuất kinh doanh khá, chiếm trên 40% số hộ dân trong huyện. Đã thực hiện quy hoạch sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư cho 368 hộ và thành lập được 2 thôn bản mới.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bước đầu đã khai thác được những tiềm năng thế mạnh của địa phương, tạo ra các cơ sở chế biến nông lâm sản như: chế biến tương ớt, sơ chế thuốc lá nguyên liệu, chế biến chè; sản xuất vật liệu xây dựng... Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng năm 2009 đạt 91,6 tỷ đồng, tăng gấp 2,23 lần so với năm 2005.

Công tác quy hoạch sản xuất được quan tâm, việc quản lý sử dụng các nguồn vốn đầu tư bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả,

đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010-2015, quy hoạch bổ sung trung tâm huyện lỵ Mường Khương theo hướng nâng cấp thành thị trấn, tiếp tục quy hoạch và điều chỉnh các trung tâm cụm xã, trung tâm các xã. Trong 5 năm, đã huy động đầu tư xây dựng 410 công trình, tập trung ưu tiên đầu tư cho hạ tầng nông thôn. Tổng mức đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng là 442,864 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đạt 88,572 tỷ đồng, trong đó 66 công trình giao thông, 88 công trình thủy lợi, 59 công trình nước sinh hoạt, 112 công trình trường học, 11 trạm y tế, 11 công trình cấp điện, 13 trụ sở UBND xã, 3 trụ sở các cơ quan huyện; mở mới 3 chợ, 5 công trình văn hóa và 33 công trình khác.

Hoạt động thương mại, dịch vụ đã có sự chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Mức luân chuyển hàng hóa và bán lẻ năm 2009 đạt 121 tỷ đồng, năm 2010 đạt 151,2 tỷ đồng (tăng gấp 8 lần so với năm 2005).

Hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Mường Khương trong các năm khá sôi động. Các sản phẩm chủ yếu qua cửa khẩu Mường Khương là than cốc, phân bón, hóa chất, hàng nông sản. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đạt 15-16 triệu USD/năm. Hệ thống hạ tầng các điểm chợ được quy hoạch và đầu tư xây dựng, toàn huyện đã có 13 chợ, 3 cửa hàng xăng dầu và 73 cơ sở thương mại - dịch vụ, 2 nhà nghỉ tư nhân. Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh, chất lượng dịch vụ được cải thiện.

Hoạt động du lịch bước đầu đã khởi sắc. Tỉnh đã có các quyết định cho phép thử nghiệm hoạt động du lịch tại một số điểm, tua, tuyến trên địa bàn huyện. Năm 2009 có trên 8.000 lượt khách đến thăm quan, doanh thu từ du lịch của huyện đạt trên 2 tỷ đồng/năm.

Thu ngân sách hàng năm của huyện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch giao. Năm 2009 thu ngân sách trên địa bàn đạt 17.348 triệu đồng, trong đó thu thuế XNK 5.048 triệu đồng,

tính bình quân thu ngân sách trên địa bàn đạt 16.015 triệu đồng /năm, đạt 122,43% so với nhiệm kỳ trước.

Hệ thống tín dụng ngân hàng đã thực hiện tốt việc huy động vốn và cho vay phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống dân sinh. Doanh số cho vay 5 năm đạt 496 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng chính sách xã hội cho vay 196 tỷ đồng, gấp 7 lần so với năm 2005. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cho vay 300 tỷ đồng, tăng 100 tỷ đồng so với nhiệm kỳ trước.

Về giáo dục và đào tạo: Sự nghiệp giáo dục của cấp huyện tiếp tục phát triển, hệ thống trường lớp phát triển nhanh ở các cấp bậc học. Năm 2010, toàn huyện có 59 đơn vị trường học với gần 15.000 học sinh, tỷ lệ huy động trẻ em 6-14 tuổi đến trường đạt 98%. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ chuyển lớp hàng năm đạt trên 98%; thi tốt nghiệp đạt trên 80%, kỷ cương trường lớp được giữ vững, không có tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng tăng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm tăng cả về số lượng và chất lượng; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trên 93%.

Phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì, giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng. Cơ sở vật chất, lớp học được đầu tư, xây dựng theo hướng kiên cố hóa, đảm bảo các điều kiện phục vụ cho công tác dạy và học. Nhiều trường đã có nhà công vụ giáo viên và nhà ở cho học sinh bán trú. Đến năm 2010, toàn huyện có 23 trường với trên 1.400 học sinh ở nội trú dân nuôi, 9 trường đạt chuẩn quốc gia (vượt mục tiêu của Đại hội). Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Công tác khuyến học, khuyến tài được các cấp, các ngành, các gia đình, dòng họ chăm lo. Hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển có đủ các hình thức đào tạo, góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho địa phương.

Trên lĩnh vực y tế: Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư,

đặc biệt là trạm y tế các xã được xây dựng theo hướng chuẩn hóa. Đến năm 2010, đã có 9 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (vượt mục tiêu Đại hội đề ra). Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, bình quân có 5 cán bộ/1 trạm y tế; 04 bác sỹ/1 vạn dân; 204/226 thôn có cán bộ y tế thôn bản hoạt động. Chất lượng công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân được nâng lên, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách được ưu tiên khám chữa bệnh. Tinh thần phục vụ Nhân dân trong ngành y tế có nhiều chuyển biến, y đức được đề cao. Huyện đã chủ động kiểm soát và phòng chống dịch bệnh. Trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm được tiêm chủng đầy đủ đạt 97% trở lên (vượt mục tiêu Đại hội đề ra). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2010 còn 27%. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,7% năm 2006 xuống còn 1,5% năm 2010 (đạt mục tiêu Đại hội đề ra). Vệ sinh an toàn thực phẩm cơ bản được kiểm soát, không để xảy ra ngộ độc lớn trên địa bàn.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thông tin - tuyên truyền được đẩy mạnh, cơ bản phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Huyện ủy đãc chỉ đạo đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như của cấp ủy, chính quyền địa phương tới người dân. Bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai, thực hiện sâu rộng trong Nhân dân. Năm 2010, số thôn bản được công nhận văn hóa đạt 39,82%; số cơ quan, đơn vị trường học, trạm y tế được công nhận văn hóa đạt 92%, số hộ gia đình được công nhân gia đình văn hóa đạt 95 (vượt mục tiêu Đại hội đề ra). Hàng năm có 95% số hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam; 85% số hộ được xem truyền hình vượt mục tiêu Đại hội đề ra).

Các thôn bản đều xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước. Việc cưới, việc tang và lễ hội cơ bản được thực hiện theo nếp sống văn hóa.

Công tác đào tạo nghề cho nông thôn được chú trọng, trong 5 năm đã đào tạo, bồi dưỡng được 6.209 lượt người, đưa tỷ lệ lao động được đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt trên 22%. Công tác xuất khẩu lao động bước đầu đã được triển khai thực hiện, đến năm 2010 đã có 48 trường hợp đi lao động ở các nước.

Công tác chăm sóc người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách, xã hội được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện, việc thăm hỏi động viên, tặng quà, chế độ cho người có công được thực hiện đầy đủ. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội được chú trọng, góp phần giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Với đặc thù là một huyện vùng cao nhiều dân tộc, đường biên giới dài, chủ yếu là đất liền luôn được huyện xác định là khu trọng điểm về quốc phòng, an ninh. Do đó, Huyện chỉ đạo thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân tinh thần cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, thực hiện tốt 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đồng thời chú trọng làm tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Ngay từ đầu khóa Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết số 04 và xây dựng 02 đề án để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Thực hiện các đề án, nghị quyết trên, lực lượng vũ trang duy trì nghiêm túc chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các phương án kế hoạch sát với tình hình thực tế địa phương. Trong 5 năm, chất lượng huấn luyện lực lượng vũ trang được nâng lên, các địa phương đã kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với công tác quốc phòng an ninh và đối ngoại; tổ chức các cuộc diễn tập, luyện tập theo đúng quy định, đạt kết quả cao; công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100% kế hoạch; lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, sắp xếp đúng quy định; tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đã tăng từ 14,48% lên 21,8%; đảng viên trong công an xã, bảo vệ cơ quan tăng từ 25,5% lên 25,9%.

Huyện ủy đã chỉ đạo tăng cường đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân. Trong 5 năm, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định; đường biên, mốc giới được giữ vững, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển.

Việc kết nạp đảng viên mới được quan tâm, chú trọng phát triển đảng viên ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; nơi có ít đảng viên, đối tượng là nữ, dân tộc ít người, trực tiếp sản xuất. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp trên 500 đảng viên, đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến năm 2010 là 1.600 đảng viên (bình quân mỗi năm kết nạp 100 đảng viên). Số thôn bản chưa có đảng viên được thu hẹp qua các năm, từ 13 thôn (năm 2006) đến năm 2010 chỉ còn 2 thôn chưa có đảng viên (do tách thôn mới). Việc đánh giá, bổ nhiệm lại, bố trí cán bộ đảng viên được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai, tranh thủ được ý kiến đóng góp của Nhân dân. Nhìn chung cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên có bản lĩnh chính trị, phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, nhiệt tình, sâu sát với công việc, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao năng lực, uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ cho cơ sở, trong nhiệm kỳ đã tăng cường 4 đồng chí cán bộ huyện làm Bí thư, Phó bí thư Đảng bộ các xã, 2 đồng chí cán bộ biên phòng tăng cường làm Phó bí thư đảng ủy xã biên giới; đã cử 329 đồng chí đi học bổ túc văn hóa, 123 đồng chí đi học chuyên môn nghiệp vụ (đại học 73, trung cấp 50); 120 đồng chí đi học lý luận chính trị từ sơ cấp đến cao cấp (trong đó gồm cả đào tạo ở huyện, tỉnh và Trung ương). Việc đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ công chức luôn được coi trọng, nhất là quy trình đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện nghiêm túc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo

hướng tập trung một đầu mối để khắc phục tình trạng không theo quy hoạch và không gắn với nhu cầu công tác. Trong 5 năm, đã bố trí được 296 cán bộ chuyên trách và công chức xã (trong đó có 161 cán bộ chuyên trách, 135 công chức), toàn bộ các xã được bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn quy định, 4 chức danh chuyên môn hầu hết được đào tạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Hàng năm số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85% (trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 17%); hoàn thành nhiệm vụ 10% và vi phạm tư cách 0,5%.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm, thường xuyên thực hiện nguyên tắc rà soát, nắm tình hình; cập nhật lưu trữ hồ sơ nhằm phòng ngừa các biểu hiện cài cắm, móc nối, lợi dụng cơ hội... Coi trọng các khâu xét duyệt tuyển sinh, tuyển dụng, tuyển quân, kết nạp đảng, bố trí nhân sự ...đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng Quy định số 57 ngày 3/5/2007 của Bộ chính trị và các văn bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Công tác, kiểm ta giám sát kỷ luật Đảng tăng cường, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã sớm ban hành quy chế làm việc, xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm, đồng thời kịp thời bổ sung, điều chỉnh chương trình, kế hoạch phù hợp với những quy định và hướng dẫn mới. Huyện ủy chỉ đạo sâu sát kịp thời việc kiện toàn tổ chức bộ máy Ủy ban kiểm tra các cấp. Uỷ ban kiểm tra cấp ủy tăng cường vai trò tham mưu cho các cấp ủy thực hiện chức năng theo quy định, định kỳ nghe UBKT báo cáo tình hình để định hướng hoặc trực tiếp chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm như phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiện chống lãng phí, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện các dự án, đề án, chi tiêu ngân sách xây dựng cơ bản v.v... qua đó có tác dụng phát huy được tính chiến đấu và khắc phục được những thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức Đảng và đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát của các ban Đảng và Văn phòng cấp ủy cũng được thực hiện nghiêm túc theo đúng chức năng, nhiệm vụ; từng ban có trách nhiệm giúp cấp ủy kiểm tra việc thực hiện cương

Lĩnh chính trị, Điều Lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thuộc phạm vi do ban phụ trách, đồng thời tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo những nội dung được cấp ủy giao. Qua kiểm tra, giám sát, khi phát hiện có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm cần xử lý đã kịp thời báo cáo với cấy ủy và thông báo với Ủy ban kiểm tra của cấp ủy biết để xem xét và giải quyết các vụ việc.

Trong 5 năm, Huyện ủy đã tổ chức 2 cuộc kiểm tra toàn diện tại 2 Đảng bộ, kiểm tra chuyên đề 16 cuộc tại 43 chi, đảng bộ; giám sát chuyên đề ba cuộc tại 9 chi, đảng bộ, tổ chức giám sát thường xuyên theo quy định, giải quyết dứt điểm ba đơn thư tố cáo liên quan đến đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tập trung vào việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Trong 5 năm Ủy ban kiểm tra đã tổ chức kiểm tra 9 tổ chức và 11 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, giải quyết 4 đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên, đồng thời tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ theo điều 32 Điều lệ Đảng.

Việc xử lý, thi hành kỷ luật đảm bảo nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm, có tính giáo dục cao. Các đảng viên bị thi hành kỷ luật đều nhận rõ khuyết điểm và có hướng sửa chữa tốt, không có trường hợp nào khiếu nại về hình thức kỷ luật. Trong nhiệm kỳ đã thi hành kỷ luật 55 đảng viên với các hình thức: khiển trách 18, cảnh cáo 19, cách chức 4, khai trừ 14. Nội dung vi phạm chủ yếu là vi phạm về chính sách Dân số Kế hoạch hóa gia đình, đạo đức lối sống, quản lý kinh tế, những vấn đề đảng viên không được làm.

Công tác dân vận tiếp tục được xác định là một trong các nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy các cấp về công tác dân vận không ngừng được nâng cao đem lại hiêu quả thiết thực trong hoạt động của hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội từ huyện tới cơ sở. Với phương châm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tiềm năng, nội lực trong Nhân

dân, động viên các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả 5 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 18 đề án, dự án của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đồng thời thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 07 về đổi mới nội dung phương thức công tác vận động quần chúng và đề án đổi mới tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng của Tỉnh ủy Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010. Hệ thống dân vận ngày càng phát huy hiệu quả với phâm châm hướng về cơ sở, từng địa bàn dân cư. Ban chỉ đạo khối dân vận ở 16 xã hoạt động hiệu quả, nắm chắc tâm tư nguyện vọng của quần chúng Nhân dân để phối hợp tuyên truyền, vận động, thuyết phục Nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh, hạn chế thấp nhất tình trạng tuyên truyền đạo giáo trái pháp luật, di dịch cư tự do, mê tín dị đoán.

Công tác dân vận của các cấp chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang đã có nhiều đổi mới nội về dung phương thức hoạt động. Đã chủ động cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy - HĐND - UBND để chỉ đạo, điều hành, quản lý với phương châm hướng về cơ sở, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia các cuộc vận động lớn như: phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư tiên tiến, làng văn hóa; xây dựng quỹ vì người nghèo, phối hợp thực hiện tốt Nghị quyết 30a và quyết định 167 về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, giúp các hộ thoát nghèo nhanh và bền vững. Năm 2008, Huyện ủy đã chỉ đạo thực hiện 4 mô hình điểm về *Công tác dân vận khéo* tại 4 xã; sau đó đã có 11 cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng mô hình "Dân vận khéo",.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Việc xây dựng quy chế và phối hợp thực hiện quy chế giữa HĐND-UBND-UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội được triển khai ngay từ đầu nhiệm kỳ đã tạo ra sức mạnh toàn diện

trong công tác; đã mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng Nhân dân tạo sự đồng thuận xã hội và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy mạnh mẽ ý thức tự lực, tự cường của Nhân dân trong việc xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; giữ vững trật tự trị an, an toàn xã hội; chống di dịch cư tự do, tuyên truyền đạo trái pháp luật; tham gia quản lý biên giới, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Với sự đổi mới trong hoạt động của MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã góp phần huy động mọi lực lượng tham gia thực hiện tốt 5 chương trình công tác trọng tâm với 18 đề án, dự án của huyện, tạo phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng trên địa bàn huyện. Với phương thức hoạt động theo phương châm gần dân, sát cơ sở đã thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện các chính sách liên quan đến vấn đề đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; đặc biệt là tham gia hưởng ứng tích cực cuộc vận động Học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Phần thứ tám

ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2015)

Trong 2 ngày, từ 26 đến 28/7/2010 tại hội trường Uỷ ban Nhân dân huyện Mường Khương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015. Dự Đại hội có …. đại biểu thay mặt cho 1.600 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội quán triệt tư tưởng chỉ đạo là: Tiếp tục giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, phát huy tiềm năng thế mạnh, lợi thế đặc thù, tranh thủ thời cơ, thuận lợi để đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, từng bước giải quyết tốt các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy nhanh tốc độ xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho Nhân dân, tạo nền tảng để phát triển nhanh và bền vững, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết việc làm. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững.

Ngay sau khi nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện được ban hành, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Trên cơ sở nghị quyết đại hội Đảng cấp trên và căn cứ cụ thể vào điều kiện địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII đã cụ thể hóa xây dựng thành 5 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 19 đề án, nghị quyết chuyên đề để tập trung chỉ đạo thực hiện, sau đó Đảng bộ tổ chức quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và chương trình hành động

thực hiện nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong Nhân dân trên địa bàn huyện.

Nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong nhiệm kỳ được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xác định là: Đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền biên giới. Tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực nông lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Đầu năm 2011, Huyện ủy Mường Khương hoàn chỉnh đề án Xây dựng Nông thôn mới của huyện giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; tổ chức phát động phong trào Chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện. Với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, qua 5 năm triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo các đề án, nghị quyết chuyên đề, kết quả đạt được là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức 11%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, ước đến hết năm 2015: Nông, lâm nghiệp 47,3%; thương mại - du lịch - dịch vụ 33,9%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 18,8% *(đạt mục tiêu đại hội)*. Nông nghiệp - nông thôn có sự chuyển biến mạnh mẽ. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng nhanh qua các năm. Diện mạo nông thôn có sự thay đổi đáng kể, đời sống Nhân dân các dân tộc được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm trên 6% *(tỷ lệ hộ nghèo đến đầu năm 2015 là 31,39%)*. Kết thúc năm 2015, trong tổng số 19 mục tiêu nghị quyết đại hội đề ra có 17/19 mục tiêu đạt và vượt, có 02 mục tiêu đạt trên 80% *(trồng rừng mới và đào tạo nghề, tạo việc làm cho người lao động)*.

Về phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Là huyện có trên 90% dân số sống ở nông thôn, thu nhập của người dân chủ yếu từ nông nghiệp. Trong 5 chương trình công tác trọng tâm, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xác định,

Chương trình *"Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp và ổn định dân cư"* là chương trình trọng tâm, với 8 đề án tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân với mục tiêu: Hoàn thành quy hoạch, ổn định về quy mô các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên cho lĩnh vực chế biến, nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản, mở rộng mạng lưới thương mại, du lịch, dịch vụ. Tiếp tục quy hoạch sản xuất gắn với sắp xếp và ổn định dân cư, xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Sản xuất lương thực tiếp tục được chú trọng nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Cơ cấu giống cây lương thực năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất ở diện rộng. Công tác quy hoạch, phát triển mở rộng vùng sản xuất chuyên canh được quan tâm, đã quy hoạch vùng quýt với 400 ha, vùng dứa trên 750 ha, vùng chuối 400 ha, vùng chè 3.100 ha. Duy trì và mở rộng vùng chè theo quy hoạch, bước đầu có sự liên kết hiệu quả của nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân trong việc trồng, chế biến tiêu thụ sản phẩm chè cho nông dân, sản phẩm chè được tiêu thụ ổn định, từ đó Nhân dân có nhận thức tốt về giá trị kinh tế của cây chè. Ngoài mở rộng diện tích chè Shan, huyện đã mở rộng dự án trồng chè chất lượng cao, sản xuất theo công nghệ ô long tại các xã khu vực Cao Sơn. Tổng diện tích chè toàn huyện đến hết năm 2015 là 2.287 ha trong đó có 90 ha chè chất lượng cao *(tăng 7,2% so với mục tiêu đại hội)*. Sản lượng chè búp tươi tăng dần hàng năm (năm 2014 đạt 6.600 tấn, giá trị đạt trên 40 tỷ đồng).

Vùng sản xuất chuyên canh dứa, chuối hàng hóa tiếp tục ổn định về diện tích, sản lượng, đầu ra cho sản phẩm. Năm 2014, giá trị sản lượng dứa đạt 80 tỷ đồng, chuối đạt 70 tỷ đồng. Vùng ngô lai hàng hóa phát triển ổn định, hàng năm đã cung cấp ra thị trường trên 20.000 tấn ngô hàng hóa, trị giá trên 100 tỷ đồng. Vùng lúa đặc sản Séng cù ổn định với diện tích 700 ha, sản lượng 2.800 tấn/năm, giá trị bình quân đạt

trên 20 tỷ đồng/năm; vùng nguyên liệu ớt 300 ha, sản lượng 750 tấn, giá trị sản lượng đạt trên 18 tỷ đồng/năm; vùng quýt diện tích hiện có 212 ha *(hiện có 30 ha cho thu hoạch, giá trị sản lượng đạt 5 tỷ đồng/năm)*, sản phẩm quýt được thị trường ưa chuộng.

Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, đã tập trung chỉ đạo trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng hàng năm đảm bảo kế hoạch chỉ tiêu giao. Việc xác định đưa cây Trẩu vào trồng rừng là phù hợp, để góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc, chống sa mạc hóa ở các xã vùng cao. Trong giai đoạn 2011 - 2015 đã trồng mới được 3.499 ha rừng các loại, đạt 80% so với mục tiêu nghị quyết. Tỷ lệ che phủ rừng hàng năm tăng từ 1% - 1,5%, nâng độ che phủ đạt 45,13% trong năm 2015.

Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản có bước phát triển đáng kể, đã hình thành các mô hình chăn nuôi thủy sản đem lại giá trị kinh tế cao, ổn định ở các xã vùng thấp. Các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi được quan tâm với các chương trình dự án WB2, 30a, 135... Sản xuất chăn nuôi tại chỗ cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của thị trường, ngoài việc đầu tư phát triển đàn lợn lai F1, đàn lợn đen bản địa Mường Khương tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường. Hiện nay đàn lợn đen chiếm 60% cơ cấu đàn lợn toàn huyện. Bước đầu đã hình thành chuỗi giá trị sản xuất lợn đen Mường Khương. Tăng trưởng đàn gia súc hàng năm đạt 5% *(đạt mục tiêu đại hội)*. Các xã vùng thấp đã chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao *(diện tích nuôi thủy sản toàn huyện hiện có 86 ha, tăng 18 ha so với năm 2010).*

Thực hiện chương trình Xây dựng Nông thôn mới

Phong trào Xây dựng nông thôn mới được toàn dân hưởng ứng tích cực. Đảng bộ huyện đã triển khai thực hiện hiệu quả 5 nội dung trong đề án và 3 nội dung thi đua trong phong trào Xây dựng nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng nông thôn được quan

tâm đầu tư xây dựng. Diện mạo trung tâm cụm xã và các xã thay đổi rõ rệt. Đến nay 16/16 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm; 100% thôn, bản có đường giao thông đến thôn *(hiện có 108 km đường bê tông và 317 km đường cấp phối),* trong đó số thôn bản có đường bê tông hoặc cấp phối ô tô đi lại được đạt 53%; 16/16 xã, thị trấn và 209/231 thôn, bản có điện lưới quốc gia, số hộ được sử dụng điện đạt 82,3% *(tăng 13,5% số hộ so với năm 2010).* Số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95% *(tăng 15% so với năm 2010)*; 100% xã có mạng điện thoại và Internet; các xã có trạm y tế được xây dựng theo hướng chuẩn hóa; 65 trường học các cấp đã có phòng học được xây dựng kiên cố. Mạng lưới dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ngày được mở rộng, các tổ dịch vụ được củng cố hoạt động và thành lập mới để phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới và sản xuất của Nhân dân.

Đến tháng 6/2015 toàn huyện đã hoàn thành 126/304 lượt tiêu chí. Bình quân đạt 3 lượt tiêu chí/xã/năm. Phấn đấu đến hết năm 2015 có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo sự chuyển biến tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động, bộ mặt nông thôn thay đổi rõ nét. Đã có 3 xã đạt tiêu chí thu nhập theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai

Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường luôn được quan tâm chỉ đạo. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện hiệu quả, công tác quản lý quy hoạch từng bước đi vào nề nếp. Việc quản lý khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định. Công tác quản lý tài nguyên, quản lý rừng đầu nguồn và trồng rừng sinh thủy được quan tâm, đã từng bước khắc phục nguy cơ sa mạc hóa, đặc biệt tại các xã Tả Gia Khâu, Dìn Chin,

Tả Thàng. Nhận thức của Nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên. Chất thải sinh hoạt, chất thải bệnh viện và các trạm y tế được xử lý đúng quy định.

Công tác phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai luôn được coi trọng, hằng năm cấp ủy huyện chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thực tế. Từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2014, trên địa bàn huyện đã xảy ra 26 đợt thiên tai, đặc biệt trận mưa đá lịch sử ngày 27/3/2013 làm ảnh hưởng trên 7000 ngôi nhà của Nhân dân và các công trình công cộng, thiệt hại trên 3000 ha cây trồng các loại, giá trị thiệt hại trên 250 tỷ đồng. Do chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó và sự tích cực tham gia của người dân trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, do vậy không có thiệt hại về người. Đã tổ chức khắc phục hỗ trợ và di chuyển 95 hộ dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, sửa chữa các công trình hạ tầng bị hư hỏng, hỗ trợ trực tiếp cho Nhân dân khắc phục nhà cửa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để kịp thời ổn định sản xuất và đời sống.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản

Đã xây dựng quy hoạch chi tiết trung tâm huyện và khu vực nông thôn, trong đó có quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư XDCB được chỉ đạo thường xuyên và đã có những chuyển biến nhất định.

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 12%/năm, giá trị sản xuất đạt 80 tỷ đồng/năm. Năm 2012 đưa nhà máy luyện kim loại màu công suất 10.000 tấn/năm và nhà máy thủy điện Tà Lạt công suất 3MW ở xã Bản Lầu đi vào hoạt động. Về tiểu thủ công nghiệp đã hình thành các hợp tác xã, các nhóm hộ gia đình chế biến nông, lâm sản,

thực phẩm, sản xuất nông cụ... Các chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp đã được triển khai hiệu quả tạo điều kiện hỗ trợ cho sản xuất phát triển. Đến nay trên địa bàn huyện có 597 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến sản phẩm nông, lâm sản, lương thực với giá trị sản xuất hàng năm đạt trên 68 tỷ đồng. Các chính sách hỗ trợ sản xuất tiểu thủ công nghiệp được quan tâm và góp phần tăng giá trị thu nhập cho người dân như: khai thác đá, sản xuất chè, chế biến tương ớt...

Tài chính, tín dụng

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao, bình quân tăng 15%/năm, đặc biệt là thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Tổng thu ngân sách 5 năm 2011-2015 là 117 tỷ đồng, tăng 2 lần so với nhiệm kỳ trước *(vượt 160% so với mục tiêu đại hội)*. Chi ngân sách được đảm bảo, tập trung chi cho phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội... và thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Hoạt động của các chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn đã bám sát chủ trương, chính sách tiền tệ của Nhà nước và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đảm bảo huy động vốn tín dụng, thực hiện các chính sách cho vay vốn để doanh nghiệp và Nhân dân vay phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, kinh doanh và tiêu dùng, chương trình giảm nghèo của huyện. Tổng số vốn huy động tại địa phương trong 5 năm đạt 279 tỷ đồng, dư nợ cho vay đến thời điểm tháng 6/2015 là 445 tỷ đồng (với 6.293 hộ và doanh nghiệp vay), gấp 1,8 lần so với năm 2010. Tăng trưởng tín dụng đạt 18,6%/năm, tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức an toàn.

Thương mại - du lịch - dịch vụ

Thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn có bước phát triển khá, thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng. Các chợ trên địa bàn được đầu tư nâng cấp (11 chợ), hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động chợ Trung tâm huyện với quy mô

5,0 ha; dịch vụ thương mại nông thôn đã được chú trọng phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa vùng sâu, vùng xa. Việc cung ứng mặt hàng thiết yếu luôn được đảm bảo không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá và thực hiện tốt công tác điều tiết, bình ổn thị trường. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2014 đạt 256 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân 14,4%/năm; tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế chiếm 33,89%. Kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Mường Khương 5 năm đạt 46,6 triệu USD.

Hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng lợi thế phát triển kinh tế - xã hội của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tham gia các hội chợ thương mại, nhằm thu hút các cá nhân, tổ chức đầu tư vào địa bàn

Dịch vụ vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng bến xe khách trung tâm huyện và đưa vào khai thác tuyến xe khách từ xã Pha Long đi Lào Cai, phục vụ vận chuyển nông sản, hàng hóa, vật liệu xây dựng phục vụ Nhân dân. Các dịch vụ sửa chữa dân dụng, nhà hàng, khách sạn tiếp tục phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu đời sống, sinh hoạt ngày càng cao của Nhân dân.

Hoạt động du lịch có hướng phát triển tốt, trên cơ sở 3 tuyến và 3 điểm du lịch đã được tỉnh công nhận, việc khai thác các tuyến, điểm đã từng bước thu hút khách du lịch đến với huyện, bình quân đạt trên 9 nghìn lượt người/năm, doanh thu từ du lịch đạt gần 5 tỷ đồng/năm.

Văn hoá, xã hội

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển, mạng lưới, quy mô trường, lớp ổn định, cơ bản đã đáp ứng nhu cầu học tập của con em Nhân dân. Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố duy trì và nâng cao chất lượng ở 16/16 xã, thị

trấn, hoàn thành PCGD mầm non 5 tuổi năm 2013 *(vượt mục tiêu đại hội trước 2 năm)*; giáo dục dân tộc có bước phát triển vượt bậc góp phần quan trọng cho việc đào tạo nguồn nhân lực của huyện; đội ngũ giáo viên tăng về số lượng và đảm bảo được chất lượng, từng bước đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện sự nghiệp giáo dục. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt và vượt chỉ tiêu giao. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục được đầu tư, nâng cấp. Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia đến thời điểm năm 2015 đạt 21 trường *(vượt 4 trường so với mục tiêu đại hội)*. Trung tâm Dạy nghề và giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã được duy trì và thực hiện mở các lớp dạy nghề và hướng nghiệp cho học sinh, thanh niên. Các trường THPT tiếp tục được đầu tư, trang bị về cơ sở vật chất và duy trì hoạt động ngày càng có hiệu quả. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo.

Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, tăng cường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư, trạm y tế các xã đang được xây dựng theo mẫu định hình. Đến nay có 5 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, bình quân có 6 cán bộ/trạm y tế; 5,4 bác sỹ/1 vạn dân *(tăng 1,4 bác sỹ/1 vạn dân so với năm 2010)*; 95% số thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động.

Chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân tiếp tục được nâng lên, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách được quan tâm cấp thẻ khám chữa bệnh, tinh thần phục vụ Nhân dân của đội ngũ y, bác sĩ có nhiều chuyển biến tích cực. Chủ động kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả, không để dịch bệnh lớn xảy ra, không có ca tử vong do dịch. Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 97% *(đạt mục tiêu đại hội và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao)*. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến nay còn 20,3% *(vượt mục tiêu đại hội)*. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được

đẩy mạnh. Vệ sinh an toàn thực phẩm cơ bản được kiểm soát. Chương trình mục tiêu quốc gia an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sạch vệ sinh môi trường được thực hiện tốt, kết quả đến nay có 95% người dân sử dụng nước hợp vệ sinh.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, kịp thời đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đến với Nhân dân. Bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy, phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai thực hiện sâu rộng trong Nhân dân. Số thôn bản được công nhận văn hóa đạt trên 50% *(vượt mục tiêu đại hội)*; 97% cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế đạt văn hóa *(vượt mục tiêu đại hội)*; hàng năm có 72% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 116/231 thôn bản có nhà văn hóa *(đạt mục tiêu đại hội)*; số hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam đạt 98%; số hộ xem được truyền hình đạt 90% *(vượt mục tiêu đại hội)*; 100% các thôn, bản, tổ dân phố xây dựng Quy ước, Hương ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội thực hiện theo nếp sống văn hóa và phong tục tập quán tốt đẹp trong đồng bào. Phong trào *"Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"* được phát động sâu rộng trong cán bộ và Nhân dân. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 20%; các xã, thị trấn cơ bản có địa điểm để tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng.

Xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, an sinh xã hội:

Huyện đã tập trung huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế vùng nông thôn; triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình dự án giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 6,4%/năm, vượt mục tiêu đại hội đề ra (5-6%/năm), đến hết năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo còn 31,39%. Mức sống dân cư trên địa bàn được nâng lên đáng kể qua từng năm, thu hẹp khoảng cách đời sống dân cư giữa khu vực thị trấn và nông thôn, giữa các vùng trong huyện.

An sinh xã hội được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện, đảm bảo giải quyết kịp thời, đúng quy định các chính sách của Đảng và Nhà nước cho các đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi, người có công, đối tượng xã hội; việc thăm hỏi, động viên, tặng quà trong các dịp lễ, tết cho các gia đình chính sách, các đối tượng xã hội được thực hiện kịp thời.

Quốc phòng, an ninh, đối ngoại; công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng

Công tác quân sự - quốc phòng:

Nhiệm vụ quân sự - quốc phòng luôn được các cấp, các ngành quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện một cách toàn diện. Trọng tâm là xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân, xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Các phương án, kế hoạch tác chiến phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên được điều chỉnh bổ sung hoàn chỉnh. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, phát triển đạt tỷ lệ 1,87% so với dân số toàn huyện, trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 22,5% tăng 0,9 so với nhiệm kỳ trước. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ, sắp xếp biên chế vào các đơn vị theo đúng quy định. Đội ngũ cán bộ quân sự các xã, thị trấn thường xuyên được củng cố, kiện toàn theo hướng trẻ hóa và đạt chuẩn. Công tác huấn luyện, diễn tập, luyện tập, tuyển quân hàng năm đều đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, chất lượng được nâng lên. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa công an, quân sự, biên phòng theo Nghị định 77/NĐ-CP của Chính phủ. Các lực lượng thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc nắm, quản lý tình hình địa bàn, chủ động xử lý, giải quyết các vụ việc ngay từ cơ sở bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chính sách hậu phương quân đội luôn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai

thực hiện. Chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội :

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, biên giới quốc gia được giữ vững. Công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội được chỉ đạo chặt chẽ từ huyện đến cơ sở. Huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân tham gia vào các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, mua bán người. Chỉ đạo lực lượng công an, biên phòng thường xuyên nắm chắc tình hình, nhất là ở những địa bàn, khu vực trọng điểm. Đảm bảo an ninh biên giới, an ninh nông thôn; mở nhiều đợt tấn công, trấn áp các loại tội phạm, triệt phá nhiều tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự. Các vụ việc liên quan an ninh nông thôn được giải quyết kịp thời, không để xảy ra phức tạp, điểm nóng. Các sự kiện chính trị, văn hóa trên địa bàn diễn ra an toàn tuyệt đối. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đạt mục tiêu ba giảm *(số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương).*

Hoạt động đối ngoại:

Công tác đối ngoại có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động ngoại giao Nhân dân, đối ngoại biên phòng và công an được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả. Duy trì tốt quan hệ hữu nghị hợp tác với các huyện Hà Khẩu, Mã Quan (Trung Quốc), đặc biệt đã chỉ đạo tổ chức tốt kết nghĩa giữa các cụm dân cư hai bên biên giới (Việt Nam - Trung Quốc). Thường xuyên chỉ đạo các lực lượng chức năng phối hợp quản lý tốt các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh qua biên giới. Trong năm năm qua huyện tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác, phối hợp với các cơ quan, ban ngành của tỉnh, Ngân hàng phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, với các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Bảo Thắng

trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng:

Hoạt động của các cơ quan tư pháp có nhiều tiến bộ, đã bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công tác thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử và tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định, bảo đảm việc xét xử nghiêm minh. Công tác cải cách tư pháp được quan tâm chỉ đạo, bộ máy các cơ quan tư pháp cấp huyện tiếp tục được củng cố kiện toàn, chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ có nhiều chuyển biến. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Việc bắt tạm giữ, tạm giam được thực hiện đúng quy định. Công tác tuyên truyền pháp luật được chú trọng. Hoạt động tiếp công dân đã đi vào nề nếp, chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo được nâng lên, không để tồn đọng, kéo dài.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên luôn được các cấp ủy đảng chú trọng quan tâm. Huyện ủy đã tổ chức quán triệt, học tập đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của đảng đến đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kịp thời nắm bắt những diễn biến về tư tưởng, tâm trạng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời định hướng dư luận xã hội theo đúng quan điểm của Đảng góp phần nâng cao nhận thức chính trị trong Đảng bộ, tạo sự chuyển biến tích cực, sự đồng thuận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

Đảng bộ huyện luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng. Ngay từ đầu nhiệm kỳ đã chỉ đạo các tổ chức đảng xây dựng quy chế hoạt động, chương trình công tác toàn khoá của cấp ủy. Quan tâm củng cố thành lập các tổ chức cơ sở đảng để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính

trị ở địa phương. Trong năm năm đã chia tách thành lập mới 4 tổ chức đảng trực thuộc, nâng tổng số chi, đảng bộ trực thuộc huyện lên 44 tổ chức cơ sở đảng. Chỉ định bổ sung cấp uỷ viên cơ sở 43 đồng chí. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo, Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch về phát triển đảng viên và thành lập chi bộ độc lập tại các thôn bản. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 792 đảng viên *(bình quân kết nạp được 160 đảng viên/năm bằng 132%), nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến cuối năm 2015 lên 2.370 đồng chí,* chất lượng đảng viên mới kết nạp được nâng lên, đảng viên trẻ (dưới 30 tuổi) chiếm hơn 64%, trình độ THPT đạt 75,2%; trình độ chuyên môn từ trung cấp đến Đại học trên 60%; tỷ lệ đảng viên nữ là 39%; thành lập 151 chi bộ thôn bản, tổ dân phố độc lập, đến hết tháng 6/2015 toàn huyện có 100% thôn bản, tổ dân phố có chi bộ hoạt động độc lập *(vượt mục tiêu đại hội).*

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh đổi mới nội dung, hình thức nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chú trọng sinh hoạt theo chuyên đề, chủ đề sát với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách các đảng bộ cơ sở; phân công lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi, dự sinh hoạt chi bộ hàng tháng, qua đó kịp thời nắm bắt, hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cơ sở. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, hàng năm số tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt từ 83% trở lên (riêng năm 2014 đạt 50% theo quy định của Tỉnh ủy), không có chi bộ yếu kém. Việc đánh giá cấp ủy các cấp hàng năm thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Hằng năm phân loại cấp uỷ cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ 97,65%; hoàn thành nhiệm vụ 2,35%. Cấp uỷ huyện 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 80% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đánh giá chất lượng đảng viên được đổi mới, kết quả hàng năm có trên 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ được thực hiện nghiêm túc đúng quy trình, đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai. Việc điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ được thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Trong nhiệm kỳ đã điều động, luân chuyển 10 đồng chí cán bộ thuộc các ngành, ban của huyện về làm bí thư, phó bí thư, chủ tịch UBND xã, thị trấn; tăng cường 05 đồng chí cán bộ Biên phòng làm phó bí thư đảng uỷ các xã biên giới. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng, quan tâm đến đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ có phẩm chất và năng lực. Chỉ đạo làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, qua đó đã từng bước chuẩn hoá cán bộ từ huyện đến cơ sở; đào tạo đã gắn với quy hoạch cán bộ. Trong nhiệm kỳ đã cử 615 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã, thị trấn đi học các lớp đại học, trên đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên môn; cử 168 cán bộ lãnh đạo các phòng ban, các ban xây dựng đảng và đoàn thể, cán bộ viên chức ngành giáo dục đi học các lớp cao cấp và trung cấp lý luận chính trị. Cử 55 cán bộ cấp xã đi học văn hóa. Tổ chức tốt việc bồi dưỡng lý luận, chính trị, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, trong nhiệm kỳ đã tổ chức được 176 lớp bồi dưỡng lý luận, chính trị, tập huấn nghiệp vụ, thông tin chính trị, thời sự trong nước và quốc tế cho 10.067 lượt học viên, trong đó có 4.860 lượt cán bộ công chức, cán bộ chuyên trách và không chuyên trách cấp xã tham gia.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng, thực hiện đúng quy định, góp phần vào giữ gìn đoàn kết trong nội bộ đảng, cũng như chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn chính trị phục vụ cho việc quy hoạch, đào tạo, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ và công tác phát triển đảng viên mới, công tác chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng các cấp.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng:

Công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Ngay sau đại hội, các cấp ủy, tổ chức

đảng đã chủ động xây dựng quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra. Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm và để tăng cường sự phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát; Huyện ủy đã ban hành quy chế phối hợp giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo trong Đảng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý. Xây dựng đề án số 18 về *"Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát"*, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát. Định kỳ nghe UBKT báo cáo kết quả và cho ý kiến chỉ đạo, giải quyết những kiến nghị của UBKT, của tổ chức đảng cấp dưới, thường xuyên quan tâm kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu giúp việc cho cấp uỷ được thực hiện một cách nghiêm túc, với chức năng nhiệm vụ của mình từng cơ quan đã có trách nhiệm giúp cấp uỷ kiểm tra việc thực hiện cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của đảng thuộc phạm vi do cơ quan mình phụ trách.

Trong nhiệm kỳ, cấp uỷ huyện đã tổ chức kiểm tra toàn diện tại 3 Đảng ủy, kiểm tra chuyên đề 44 tổ chức đảng và 11 đảng viên chủ chốt; giám sát chuyên đề 14 tổ chức đảng với 06 đảng viên (diện cấp ủy quản lý). Cấp ủy cơ sở đã kiểm tra được 84 chi bộ trực thuộc đảng ủy và kiểm tra 105 đảng viên; giám sát chuyên đề 18 tổ chức đảng và 50 đảng viên. UBKT các cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đảng viên không để xảy ra đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người; đồng thời tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo Điều 32 Điều lệ Đảng. Qua kiểm tra, giám sát cấp ủy và UBKT các cấp xét đề nghị kỷ luật nghiêm minh đối với 45 đảng viên vi phạm theo đúng quy trình, qui định *(giảm 7 đảng viên so với nhiệm kỳ trước).*

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong đảng bộ đã góp phần vào việc giáo dục cán bộ, đảng viên; nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, ý thức tự

giác chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nghị quyết của các cấp ủy. Kịp thời khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; ngăn ngừa tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đảng viên và xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh.

Hoạt động của Chính quyền:

Hội đồng Nhân dân cấp xã đã có chuyển biến về nội dung và phương thức hoạt động, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Từng bước nâng cao chất lượng các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, đặc biệt đã quan tâm tới việc thảo luận, chất vấn tại kỳ họp. Công tác thẩm tra các nội dung trước khi trình HĐND tại các kỳ họp và giám sát việc triển khai các nghị quyết của HĐND các xã, thị trấn được chú trọng. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã trong việc chuẩn bị, tổ chức các kỳ họp tiếp xúc cử tri, tổ chức triển khai các nghị quyết của HĐND, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy chế phối hợp. Thực hiện tốt vai trò giám sát trên các lĩnh vực, qua đó đã góp phần nâng chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị hàng năm kịp thời giải quyết các công việc phát sinh từ cơ sở.

Phần thứ chín

ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ,THỰC HIỆN XOÁ ĐÓI - GIẢM NGHÈO (2015 - 2020)

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh uỷ, từ ngày 22 đến 24/7/2015 tại hội trường Uỷ ban Nhân dân huyện Mường Khương***, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.*** Dự Đại hội Đại hội có .....đại biểu thay mặt cho 2.370 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí .....tới dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 *gồm 37 uỷ viên, trong đó 12 đồng chí được bầu là uỷ viên Ban Thường vụ. Thường trực gồm 3 đồng chí: Đồng chí Hà Thị Nga giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Nguyễn Chí Sử là Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Hoàng Trung Giang - Uỷ viên Ban Thường vụ - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện.*

Đại hội quán triệt tư tưởng chỉ đạo trong nhiệm kỳ là:Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện, kết hợp khai thác nội lực với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; chú trọng chất lượng tăng trưởng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giảm nghèo bền vững; tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo vệ và cải thiện tốt môi trường sinh thái; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Duy trì hoạt động đối ngoại, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến trong 5 năm 2015 - 2020: Nâng cao năng lực lãnh đạo của toàn Đảng bộ,

phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, trong đó lấy chăn nuôi là khâu đột phá. Phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ là quan trọng. Xây dựng văn hóa con người Mường Khương là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực để phát triển. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế và các hoạt động văn hoá, xã hội. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện giảm nghèo bền vững; giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai hiệu quả; trú trọng công tác quản lý xã hội....

Bước vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong nhiệm kỳ, huyện Mường Khương có nhiều thuận lợi, nhưng cũng có những khó khăn nhất định: *Thuận lợi co bản là:* Đảng, Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho miền núi, biên giới, vùng dân tộc thiểu số. Huyện tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; sự ủng hộ, hợp tác của nhiều tổ chức, các huyện trong và ngoài tỉnh. Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương luôn đoàn kết, thống nhất. Bên cạnh đó, huyện Mường Khương có một số lợi thế đặc thù về đất đai, tiểu vùng khí hậu thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp, xuất nhập khẩu và du lịch. Những thành tựu của giai đoạn trước đã tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII.

Tuy nhiên, Mường khương cũng phải đối mặt với những khó khăn là: Năm 2020, đại dịch Covid -19 bắt đầu bùng nổ và diễn biến phức tạp, tác động và ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân và tình hình sản xuất, kinh doanh, thu ngân sách của huyện. Do đặc thù khó khăn một huyện vùng cao, biên giới, đa dân tộc, có địa hình chia cắt, biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên

đàn gia súc và cây trồng thường xuyên xảy ra, giá sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của huyện không ổn định, phụ thuộc vào thị trường phía bên kia biên giới và chính sách biên mậu...ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống của Nhân dân. Bên cạnh đó, huyện có bước xuất phát điểm thấp; kết cấu hạ tầng của huyện chưa đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; trình độ, nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; một số tập tục lạc hậu còn tồn tại chưa được khắc phục.

Với tinh thần đoàn kết vươn lên khắc phục khó khăn, trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã lãnh đạo Nhân dân trong huyện ra sức lao động, sản xuất và thu được kết quả rất đáng trân trọng trên các lĩnh vực.

Sản xuất nông nghiệp đã phát huy được tiềm năng lợi thế, tranh thủ tối đa các nguồn lực, phát triển theo hướng bền vững, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung, lâm nghiệp được quan tâm, diện mạo nông thôn chuyển biến mạnh mẽ: Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp tăng bình quân 8,4%/năm. Các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn được duy trì và mở rộng theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng. Năm 2020, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 33.766 tấn, tăng 2.488 tấn so với năm 2015 *(vượt 1.266 tấn so với mục tiêu Đại hội).* Giá trị sản phẩm trên một đơn vị canh tác năm 2020 đạt 56 triệu đồng *(vượt 01 triệu đồng so với mục tiêu đại hội*). Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 33 triệu đồng/người *(đạt mục tiêu Đại hội).*

Chăn nuôi tiếp tục được duy trì, tốc độ tăng trưởng tổng đàn bình quân đạt 5%/năm, bằng 100% MTĐH. Lâm nghiệp được quan tâm chỉ đạo, công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và sự vào cuộc của Nhân dân, chương trình Xây dựng nông thôn mới được

triển khai hiệu quả, diện mạo nông thôn tiếp tục thay đổi. Đã hoàn thành 230/304 lượt tiêu chí, bình quân đạt 14,37 lượt tiêu chí/xã; 05/16 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 100% mục tiêu Đại hội. Phong trào Chung tay xây dựng nông thôn mới tiếp tục thu được kết quả tốt; ngày càng có nhiều gương tập thể, cá nhân điển hình hiến đất, ủng hộ chương trình.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu đã khai thác được các tiềm năng lợi thế: Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2020 ước đạt 334 tỷ đồng/năm, bằng 222,7% MTĐH. Bước đầu khai thác được tiềm năng công nghiệp trên địa bàn. Tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì, phát triển gồm 16 ngành nghề với 406 cơ sở sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, cơ bản đáp ứng nhu cầu thị trường .

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư: Tổng nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng đạt 2.553 tỷ đồng. Hoàn thành quy hoạch chung và chi tiết thị trấn Mường Khương, trung tâm 15 xã và 03 điểm dân cư; từng bước bố trí nguồn lực thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Đến nay 157/157 thôn, tổ dân phố đã được sử dụng điện lưới quốc gia. Đầu tư mở mới, cứng hóa 122 tuyến đường với tổng chiều dài là 352,8 km; xây dựng mới 391 phòng học; hoàn thành 16/16 trạm y tế và 08 nhà văn hoá đa năng xã.

Hoạt động thương mại, dịch vụ có chuyển biến tích cực: Thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Công tác quản lý thị trường, chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, thông tin tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, lợi thế được đẩy mạnh.

Dịch vụ vận tải đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân. Đã hình thành dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, hệ thống chợ và các điểm kinh doanh bán lẻ. Dịch vụ bảo hiểm được quan tâm, BHXH tăng bình quân 3%/năm, BHYT tăng 0,2%/năm. Dịch vụ viễn thông tăng cả về số lượng

và chất lượng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Công tác quảng bá du lịch được quan tâm, thường xuyên cung cấp thông tin, hình ảnh để giới thiệu, quảng bá tiềm năng phát triển du lịch của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thu ngân sách nhà nước hằng năm đều đạt và vượt so với kế hoạch của tỉnh giao: Kết quả thu ngân sách nhà nước bình quân hằng năm đều tăng và đạt so với MTĐH. Ngân sách đáp ứng được các nhu cầu chi thường xuyên của huyện. Thực hiện quản lý, sử dụng quỹ đất, tài sản công và tổ chức đấu giá đất theo đúng quy định. Giao cơ chế tự chủ cho 54 cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp.

Hoạt động tín dụng tiếp tục phát triển, huy động có hiệu quả vốn nhàn rỗi, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực phát triển kinh tế còn một số hạn chế, khuyết điểm là: Giá trị trên đơn vị diện tích canh tác còn thấp; kinh tế nông nghiệp tăng trưởng khá nhưng còn thiếu bền vững, cơ cấu nội ngành chuyển dịch chậm; quy mô chăn nuôi nhỏ. Liên kết trong sản xuất chưa chặt chẽ, chưa có sản phẩm được chế biến sâu; việc áp dụng công nghệ cao và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế. Diện tích trồng rừng mới và tỷ lệ che phủ rừng chưa đạt MTĐH. Tiến độ xây dựng nông thôn mới còn chậm, nhiều tiêu chí đã đạt nhưng còn ở mức tối thiểu và chưa bền vững, nhất là tiêu chí môi trường.

Việc đầu tư cụm tiểu thủ công nghiệp, hệ thống chợ...theo quy hoạch còn hạn chế. Dịch vụ thương mại quy mô nhỏ; xuất nhập khẩu không ổn định. Chưa khai thác được tiềm năng du lịch. Thu ngân sách nhà nước còn thấp, chưa ổn định, chủ yếu từ nguồn đấu giá đất. Quản lý, sử dụng công trình sau đầu tư ở một số xã chưa hiệu quả. Hạ tầng giao thông, thương mại, văn hóa, thể thao, du lịch còn thiếu và yếu. Tập quán sản xuất còn lạc hậu, tư duy sản xuất hàng hoá chậm thay đổi. Sự phối hợp

giữa các ngành chưa kịp thời; một số cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức đến tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Quy hoạch các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tại một số vùng chưa rõ ràng. Trách nhiệm của các lực lượng quản lý, bảo vệ rừng còn chưa cao. Suất đầu tư xây dựng cao, nguồn lực và cơ chế đầu tư kết cấu hạ tầng còn thiếu. Hoạt động xúc tiến thương mại hiệu quả chưa cao. Chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, du lịch.

Phát triển văn hoá - xã hội - ứng dụng khoa học công nghệ:

Giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư, chất lượng dạy và học được nâng lên, nguồn nhân lực có chuyển biến tích cực: Quy mô, mạng lưới trường lớp phát triển phù hợp. Cơ sở vật chất, trường, lớp, nhà công vụ, nhà bán trú của học sinh được quan tâm. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa. Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ được duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và giáo dục cộng đồng được duy trì, đáp ứng được nhu cầu người học. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT được đẩy mạnh. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài có nhiều chuyển biến tích cực, tạo sự đồng thuận của Nhân dân. Công tác đào tạo nghề cho đối tượng chính sách, người nghèo, người dân tộc thiểu số được chú trọng.

Ứng dụng khoa học - công nghệ được quan tâm: Đã triển khai nhiều đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai khá đồng bộ, hiệu quả.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực Giáo dục, khoa học còn một số hạn chế, đó là: Chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các vùng, thiếu giáo viên chuyên biệt. Thiết bị dạy học còn khó khăn. Tỷ lệ học viên ra trường có việc làm theo ngành nghề đào tạo tại địa phương thấp. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công

nghệ vào sản xuất còn chưa xây dựng được chương trình, đề án riêng... *Nguyên nhân của hạn chế là do:* Thiếu nguồn lực đầu tư cho ngành giáo dục; chưa có chính sách thu hút giáo viên chuyên biệt về huyện. Việc định hướng nghề nghiệp chưa sát với nhu cầu thực tế. Quản lý nhà nước, nhất là cơ chế tài chính và nguồn lực cho khoa học, công nghệ còn nhiều bất cập.

Bản sắc văn hóa của các dân tộc được gìn giữ và phát huy, các thiết chế văn hóa từ huyện tới cơ sở được quan tâm: Công tác quản lý và tổ chức các lễ hội, bảo tồn, gìn giữ và phát huy các di sản văn hóa dân tộc được quan tâm thực hiện, đã có 07 di sản văn hoá được công nhận cấp quốc gia. Năm 2020 ước hoàn thành 157/157 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố và 13 nhà văn hóa xã, thị trấn.

Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" đạt được kết quả tích cực. Số hộ gia đình văn hóa tăng 10 - 12%/năm; số thôn, tổ dân phố văn hóa tăng 20 - 25%/năm; số cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế được công nhận văn hóa hằng năm đạt 95 - 98%. 100% thôn, tổ dân phố xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước, hương ước về nếp sống văn hóa và các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang.

Phong trào văn nghệ, thể thao được đẩy mạnh, hạ tầng thông tin, truyền thông được quan tâm đầu tư: Phong trào văn nghệ quần chúng được Nhân dân hưởng ứng tham gia, đời sống tinh thần của người dân được cải thiện. Hoạt động thể dục, thể thao phát triển rộng khắp. Hạ tầng thông tin, truyền thông được đầu tư, nâng cấp, qua đó kịp thời đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân.

Tuy nhiên, một số tập tục lạc hậu trong Nhân dân chậm được cải tạo, ý thức vệ sinh môi trường chưa cao. Thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu. Việc bình xét các danh hiệu văn hóa ở một số nơi còn hình thức. Nguyên nhân là do các chính sách đầu tư phát triển văn hóa, thể thao chưa đồng bộ. Xã hội hóa

trong lĩnh vực văn hóa, thể thao chưa mạnh; việc bình xét các danh hiệu văn hoá hằng năm ở một số đơn vị chưa chặt chẽ, chưa chú ý tới chất lượng.

Công tác giảm nghèo được quan tâm, giải quyết việc làm cho người lao động có chuyển biến tích cực: Đã huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thực hiện giảm nghèo nhanh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng.

Các chính sách xã hội được đảm bảo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách dân tộc, người nghèo, người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Phòng, chống tệ nạn xã hội được thực hiện có hiệu quả. Tự do tôn giáo, tín ngưỡng được tôn trọng, hoạt động đúng quy định của pháp luật.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân được nâng lên: Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, tăng cường. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, 16/16 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Chủ động kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,9%. Tuy nhiên, công tác giảm nghèo cho thấy chưa bền vững, tỷ lệ nghèo, cận nghèo còn cao. Chất lượng khám chữa bệnh và tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân còn thấp; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo thể cân nặng/tuổi còn cao... *Nguyên nhân là do* Nguồn lực đầu tư có hạn, cơ chế quản lý xã hội thiếu đồng bộ. Chưa quan tâm đúng mức đến xã hội hóa y tế. Chính sách thu hút bác sĩ chưa hiệu quả.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường: Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng quy định. Quỹ đất công được rà soát, bổ sung và quản lý chặt chẽ; thực hiện đấu giá, cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Tiềm năng đất đai được khai thác, sử dụng đúng mục đích. Hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính cho 16/16 xã, thị trấn. Tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả. Chất thải sinh hoạt, y tế và sản xuất được thu gom, xử lý kịp thời.

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm chú trọng: Đã duy trì nghiêm túc trực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; cập nhật, cảnh báo và khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời theo phương châm *"4 tại chỗ"*; rà soát, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm [26]. Tăng diện tích, tán che phủ rừng, từng bước khắc phục nguy cơ sa mạc hoá, đặc biệt tại xã Dìn Chin và Tả Gia Khâu. Tuy nhiên, việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xây dựng nhà ở, kinh doanh, khai thác cát trái phép, lấn chiếm đất đai, cải tạo, sử dụng đất không đúng mục đích còn xảy ra. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm. Xã hội hóa bảo vệ môi trường còn hạn chế... Nguyên nhân là do công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm chưa quyết liệt. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương và Nhân dân chưa quan tâm tới công tác bảo vệ môi trường. Đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Quốc phòng, an ninh được giữ vững và chủ động trong mọi tình huống: Xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh Nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân ngày càng được củng cố vững mạnh. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân được đẩy mạnh. Xây dựng các phương án tác chiến, phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu. Số lượng và tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt và vượt MTĐH. Công tác huấn luyện, diễn tập, luyện tập, tuyển

quân hằng năm được tổ chức đạt kết quả cao. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa công an, quân sự, biên phòng trong việc nắm, quản lý tình hình địa bàn, quản lý đường biên, mốc giới, góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*" được thực hiện tốt. Vai trò nòng cốt của lực lượng công an trong bảo đảm an ninh trật tự được phát huy; xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị; tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh kinh tế, văn hóa tư tưởng, thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; tỷ lệ điều tra, phá án đạt cao. Đảm bảo tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra trên địa bàn. Công tác quản lý xuất, nhập cảnh, người nước ngoài, vũ khí, vật liệu nổ được thực hiện đúng quy định. Triển khai đồng bộ và kịp thời các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn.

Hoạt động đối ngoại được thực hiện đúng nguyên tắc và đạt được nhiều kết quả tích cực: Cấp uỷ, chính quyền đã thực hiện tốt đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại Nhân dân; duy trì tốt quan hệ đối ngoại thông qua hội đàm, giao lưu luân phiên cấp huyện, cấp xã với hai huyện Hà Khẩu, Mã Quan, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đã ký kết thoả thuận thiết lập quan hệ hữu nghị với huyện Mã Quan, phối hợp chặt chẽ với huyện Hà Khẩu trong quản lý biên giới. Các đồn Biên phòng, Công an huyện phối hợp tốt với các lực lượng phía bạn trong việc quản lý biên giới, phòng chống tội phạm và kiểm soát dịch bệnh...Tổ chức, thực hiện và duy trì thường xuyên các hoạt động kết nghĩa các cụm dân cư biên giới góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh và quản lý chặt chẽ tuyến biên giới. Tích cực thu hút các tổ chức phi chính phủ đầu tư tài trợ vào

các khu vực khó khăn của huyện. Hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các huyện trong và ngoài tỉnh... Tuy nhiên, trên lĩnh vức quốc phòng, an ninh còn một số hạn chế, đó là: Việc nắm bắt tình hình và xử lý, giải quyết một số vụ việc còn chưa kịp thời; số vụ việc còn cao. Tình trạng xuất nhập cảnh trái phép còn xảy ra. Nguồn lực cho đối ngoại còn hạn chế, nội dung hợp tác về kinh tế chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế của hai bên. Công tác quản lý một số công trình quốc phòng và đất quốc phòng còn chưa tốt... Nguyên nhân là do công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số địa bàn chưa thường xuyên và sâu rộng. Các lực lượng chức năng có lúc, có nơi còn chưa quyết liệt. Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận Nhân dân chưa cao. Thiếu cán bộ phục vụ cho công tác đối ngoại. Thiếu cơ chế hợp tác về phát triển kinh tế biên giới. Việc giải quyết chồng lấn đất quốc phòng và đất sản xuất chưa dứt điểm.

Sức mạnh đoàn kết dân tộc được củng cố, mở rộng và tăng cường, dân chủ được phát huy, quyền làm chủ của Nhân dân được đảm bảo

Vai trò của MTTQ và các đoàn thể được nâng lên. Công tác xây dựng tổ chức của MTTQ và các đoàn thể được quan tâm. Phương thức hoạt động phù hợp với từng đối tượng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên. Việc phối hợp giữa MTTQ và các đoàn thể với chính quyền cùng cấp ngày càng chặt chẽ. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đối thoại được tăng cường.

Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai rộng khắp và hiệu quả, góp phần đảm bảo quyền lợi, nâng cao nhận thức của Nhân dân trong việc tham gia quản lý và phát triển kinh tế - xã hội. MTTQ và các đoàn thể đã triển khai nhiều cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước có ý nghĩa thiết thực, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân hưởng

ứng, tham gia với tinh thần hăng hái, sáng tạo. Hoạt động từ thiện, nhân đạo được đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân tích cực tham gia...Tuy nhiên nội dung này còn một số hạn chế, đó là: Việc nắm bắt, phản ánh tư tưởng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời. Tổ chức và hoạt động của thanh tra Nhân dân, giám sát đầu tư cộng đồng ở một số địa phương hiệu quả chưa cao. Công tác giám sát, phản biện chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra...Nguyên nhân là do: Hoạt động của một số tổ chức đoàn thể có lúc, có nơi chưa tích cực, chủ động. Trình độ năng lực của một số cán bộ còn hạn chế. Công tác phối hợp MTTQ và các đoàn thể với chính quyền các cấp có nội dung chưa chặt chẽ.

Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, hoạt động tư pháp

Chính quyền từ huyện tới cơ sở ngày càng vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: HĐND các cấp cơ bản thực hiện tốt chức năng là cơ quan quyền lực Nhà nước tại địa phương; chất lượng hoạt động được nâng lên. Thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa Thường trực HĐND với UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện; tích cực, chủ động trong công việc, bám sát chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm; tổ chức tốt các kỳ họp HĐND và tiếp xúc cử tri; tiếp nhận trên 2.000 kiến nghị cử tri chuyển các cơ quan xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Hoạt động giám sát, khảo sát, thảo luận, chất vấn tại các kỳ họp được tăng cường.

Hiệu lực, hiệu quả điều hành của UBND các cấp được nâng lên; tổ chức triển khai kịp thời nghị quyết, chương trình, đề án của Huyện ủy và HĐND các cấp. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được tinh gọn, hoạt động hiệu quả; sau sáp nhập đã giảm được 07 cơ quan, đơn vị và tinh giản 197 biên chế.

Cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ, ứng dụng tốt công nghệ thông tin góp phần nâng cao, hiệu lực, hiệu quả

hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Việc rà soát, niêm yết, giải quyết các thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy định. Hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, quản lý và điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp được đẩy mạnh. Thực hiện họp trực tuyến, sử dụng phần mềm quản lý văn bản, đánh giá công chức, viên chức, phòng họp không giấy tờ, chữ ký số và bảo mật thông tin, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch và hiệu quả. Cổng thông tin điện tử của Huyện ủy, UBND huyện và một số ngành hoạt động tích cực, góp phần phục vụ khai thác thông tin, tuyên truyền và quảng bá hình ảnh của địa phương.

Hoạt động của các cơ quan tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh; chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo từng bước được nâng lên

Công tác cải cách tư pháp được quan tâm thực hiện, bộ máy các cơ quan tư pháp cấp huyện tiếp tục được củng cố, kiện toàn, chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ có nhiều chuyển biến. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Công tác tuyên truyền pháp luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí thực hành tiết kiệm được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động thanh tra, kiểm tra về phòng, chống tham nhũng được triển khai có hiệu quả.

Hoạt động tiếp công dân dần đi vào nền nếp, chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo được nâng lên. Cơ bản các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân được xem xét, giải quyết đúng quy định; chú trọng giải quyết kiến nghị của người dân từ cơ sở và các vụ việc tồn đọng kéo dài

Công tác xây dựng Đảng

Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới, đạt hiệu quả thiết thực: Bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của

Đảng bộ và của mỗi cán bộ, đảng viên; năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào tình hình thực tiễn được nâng lên. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được quan tâm. Phương thức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng được đổi mới. Đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp được cập nhật kiến thức hằng năm.

Công tác tuyên truyền, cổ động bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động báo cáo viên, tuyên vận đi vào nền nếp. Công tác nắm bắt dư luận xã hội và đấu tranh trên mặt trận tư tưởng được quan tâm. Công tác biên soạn lịch sử địa phương và giáo dục truyền thống cách mạng được tăng cường; đã biên soạn và xuất bản cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương giai đoạn 1950 - 2010; 08/16 đảng bộ xã, thị trấn biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương .

Công tác xây dựng tổ chức Đảng có chuyển biến tích cực, tổ chức bộ máy từng bước được tinh gọn: Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện. Thực hiện sắp xếp lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện, đến nay còn 157 thôn, tổ dân phố. Thực hiện sáp nhập và chuyển đổi 10 đơn vị thành 06 đơn vị. Thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy đồng thời là Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện. Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng cả số lượng và chất lượng. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã phát triển thêm 984 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến cuối năm 2020 lên 3.225 đồng chí; tỷ lệ đảng viên nữ so với nhiệm kỳ trước tăng 8,5%. Các chi bộ dưới cơ sở đều có trên 5 đảng viên, hoàn thành chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra.

Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng nhiệm vụ được giao; năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên: Từng bước xây

dựng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chức danh, tiêu chuẩn quy định và vị trí việc làm. Tinh giản biên chế đạt 10,7% so với tổng biên chế được giao. Việc điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện nghiêm túc, khách quan, gắn với quy hoạch cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được quan tâm. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã tập trung xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng; chú trọng nâng cao chất lượng, tính bền vững của các chi bộ độc lập ở thôn, tổ dân phố; xây dựng chi bộ thôn có ban chi ủy; phát triển đảng viên ở thôn, tổ dân phố. Đánh giá, phân xếp loại đảng viên hằng năm theo quy định. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, có sự phối hợp chặt chẽ với thanh tra, giám sát của Nhà nước: Chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc, xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm và ban hành quy chế phối hợp giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo trong Đảng. Thực hiện củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát của các đơn vị để tránh chồng chéo trong thực hiện. Chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất liên quan đến kiểm tra, giám sát. Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng đã kịp thời khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, ngăn ngừa tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đảng viên, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Công tác dân vận tiếp tục có bước đổi mới: Hoạt động tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân được tăng cường; nhận thức và trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền các cấp về công tác dân vận được nâng lên. Hệ thống dân vận các cấp được nâng cao về

năng lực, đổi mới về nội dung và phương thức vận động quần chúng. Mô hình "*Dân vận khéo*" được quan tâm đẩy mạnh, phát huy vai trò người uy tín, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ trong cộng đồng dân cư. Công tác "*Tuyên vận*" tiếp tục triển khai có hiệu quả ở cơ sở. Các hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân gắn với tuyên truyền pháp luật được tổ chức tốt và có hiệu quả. Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai sâu rộng, đi vào nền nếp. Thực hiện công khai, dân chủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, của cán bộ công chức, viên chức, người lao động. Công tác dân vận chính quyền được đẩy mạnh. Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển cho Nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trách nhiệm với dân.

Phần thứ mười

ĐẢNG BỘ MƯƠNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG BỨT PHÁ TRÊN CÁC LĨNH VỰC (2020 - 2025)

Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát trên toàn cầu không chỉ gây ra khủng hoảng y tế nghiêm trọng mà còn làm gián đoạn chuỗi cung ứng, thương mại và dòng vốn đầu tư quốc tế, đẩy nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Bên cạnh đó, tình hình quốc tế còn bị chi phối bởi cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, gia tăng xung đột địa chính trị... Do tác động từ tình hình thế giới tạo ra những khó khăn mới cho sự phát triển của đất nước ta.

Qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã chuyển mình mạnh mẽ trên các lĩnh vực; nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng được khẳng định tính đúng đắn của đường lối chính trị của Đảng. Trong 10 năm thực hiện chương trình Xây dựng nông thôn mới đã đem lại sự khởi sắc cho khu vực nông thôn cả nước. Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đời sống Nhân dân không ngừng được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm; quốc phòng - an ninh được tăng cường; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

Trong 5 năm 2015 - 2020, Đảng bộ huyện Mường Khương đã lãnh đạo Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ đề ra. Kinh tế nông nghiệp tăng trưởng cao, thu nhập của người dân tăng mạnh, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; kết cấu hạ tầng được đầu tư; văn hoá - xã hội phát triển... đã tiếp tục làm thay đổi cảnh quan nông thôn.

Song bên cạnh thành tựu cơ bản đạt được, trong nhiệm kỳ cũng còn một số hạn chế tồn tại: Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn còn chậm; năng suất một số loại cây trồng chưa cao. Hoạt động dịch vụ, thương mại có bước phát triển nhưng chưa thực sự tương xứng với tiềm năng thế mạnh của địa phương; sản phẩm hàng hoá nông nghiệp còn hạn chế; Năng lực một số cán bộ, công chức còn hạn chế... đặt ra nhiệm vụ cho cấp uỷ, chính quyền huyện Mường Khương trong nhiệm kỳ tới cần nỗ lực khắc phục.

Trong 2 ngày 28 và 29/6/2020, tại hội trường Uỷ ban Nhân dân huyện Mường Khương, diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Dự Đại hội có .....đại biểu thay mặt cho trên 3.100 đảng viên trong toàn Đảng bộ, đồng chí ..... Tỉnh uỷ Lào Cai tới dự và chỉ đạo hội. Đại hội có chủ đề: ***"Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, dân chủ, đổi mới, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, đưa huyện Mường Khương ra khỏi diện nghèo"***.

Đai hội đề ra mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch là quan trọng. Xây dựng văn hóa, con người Mường Khương là nền tảng, là mục tiêu, động lực để phát triển. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và mở rộng đối ngoại..

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 36 uỷ viên, *trong đó 12 đồng chí được bầu là uỷ viên Ban Thường vụ. Thường trực gồm 3 đồng chí: Đồng chí Giàng Quốc Hưng giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Hoàng Văn Tuyên là Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Phan Quốc Nghĩa là Phó Bí thư - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện.* Các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành đều đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Đảng.

Sau Đại hội: Đồng chí Hoàng Seo Vần giữ chức Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Hoàng Văn Quang giữ chức Phó Bí thư Thường trực, Đồng chí Lê Ngọc Dương, sau đó là đồng chí Nguyễn Trọng Huân giữ chức hó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV thể hiện ý chí và nguyện vọng to lớn của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc Mường Khương. Đại hội khẳng định quyết tâm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất, năng động, sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, tinh thần tự chủ, khai thác tiềm năng, lợi thế, nắm vững thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020-2025 ở huyện Mường Khương diễn ra trong điều kiện có nhiều thuận lợi nhất là được Đảng Nhà nước tăng cường đầu tư bằng các chính sách miền núi, vùng dân tộc thiểu số, song còn gặp những khó khăn nhất là đại dịch Covid-19 kéo dài gây thiệt hại lớn đến phát triển kinh tế - xã hội; thời tiết diễn biến khó lường, thiên tai thường xuyên xảy ra, gây thiệt hại lớn về người, tài sản và sản xuất.

Tranh thủ những điều kiện thuận lới, ra sức khắc phục khó khăn, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương

đã bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

1. Kinh tế nông, lâm nghiệp phát triển ổn định; tăng tỷ trọng công nghiệp, thủ công nhiệp và thương mại, dịch vụ

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất đai, khí hậu để phát triển, nâng cao giá trị gia tăng ngành trồng trọt. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm. Các ngành hàng chủ lực, tiềm năng được duy trì và phát triển, chuyển đổi 6.000ha đất trồng cây kém hiệu quả sang phát triển các ngành hàng chủ lực, tiềm năng hình thành lên các vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, cụ thể: vùng chè 6.182 ha *(tăng 2.706 ha)*, vùng dứa 2.000 ha *(tăng 1.225 ha)*, vùng lúa séng cù 700 ha *(tăng 300 ha)*, vùng quế 2.310 ha *(tăng 1.470 ha)*, vùng quýt 870 ha *(tăng 55 ha),* vùng ớt 200 ha, chuối 1.440 ha... Giá trị sản phẩm/ha đất canh tác đạt 100 triệu đồng bằng 100% MTNQ, trong đó giá trị các cây trồng chủ lực, tiềm năng chiếm trên 70% giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, Nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang phát triển các ngành hàng chủ lực, tiềm năng. Đến hết năm 2025, tổng diện tích cây trồng chủ lực, tiềm năng tại 05 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao đạt 1.448 ha *(tăng 622 ha so với nhiệm kỳ trước).* Trồng rừng mới đạt 1.839ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45% bằng 104,65% MTNQ. Tổng đàn và giá trị sản phẩm chăn nuôi được duy trì ổn định; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát; thuỷ sản phát triển ổn định, bước đầu phát triển cá nước lạnh (cá hồi) với thể tích nuôi 2.690 m^3. Chủ động ứng phó linh hoạt trong công tác phòng chống thiên tai theo phương châm "bốn tại chỗ", huy động

và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ Nhân dân khắc phục thiệt hại về nhà ở và khôi phục sản xuất kịp thời.

Chương trình Xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, diện mạo khu vực nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, duy trì 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới bằng 62,5% MTNQ. Phát triển 17 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên, nâng tổng số sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP lên 21 sản phẩm.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định: Công tác thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản được quan tâm, trên địa bàn huyện có 07 nhà máy hoạt động ổn định. Tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh, hiện có 761 cơ sở sản xuất, tăng 355 cơ sở so với năm 2020. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp ước đạt 675 tỷ đồng.

2. Tài chính, tín dụng, thương mại, dịch vụ, du lịch được triển khai hiệu quả. Huyện đã huy động, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư được quan tâm. Công tác khai thác, nuôi dưỡng nguồn thu được chú trọng thu ngân sách trên địa bàn tăng theo từng năm, tổng thu đạt 460 tỷ đồng, đạt 123% so MTNQ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện đạt 6.712 tỷ đồng, bằng 122% MTNQ. Huy động vốn tín dụng trên địa bàn tăng mạnh, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các tổ chức, cá nhân phát triển kinh tế. Công tác quảng bá về tiềm năng lợi thế phát triển du lịch được quan tâm; hình ảnh, bản sắc văn hóa văn hoá con người Mường Khương được giới thiệu đến bạn bè trong nước và quốc tế. Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn trong 5 năm đạt trên 50.000 lượt khách bằng 102% mục tiêu Đại hội, doanh thu ước đạt trên 40 tỷ đồng.

3. Quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai đồng bộ: Đã hoàn thành quy hoạch huyện Mường

Khương thời kỳ 2021- 2030 định hướng đến năm 2050, tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lào Cai. Tổ chức đầu tư xây dựng và quản lý tốt các quy hoạch đã được phê duyệt. Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V thị trấn Mường Khương; tiếp tục đầu tư phát triển khu đô thị phía đông chợ Mường Khương; đầu tư xây dựng khu đô thị Tùng Lâu - Na Đẩy, đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện và trụ sở một số cơ quan hành chính hoạt động hiệu quả. Trung tâm các xã và điểm dân cư được điều chỉnh quy hoạch xây dựng và đầu tư kết cấu hạ tầng góp phần xây dựng các tiêu chí nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, đã đâu tư xây dựng 131 dự án giao thông, 03 dự án hạ tầng thương mại, 20 dự án trường học, 09 dự án Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, cấp nước... với tổng mức đầu tư 1.608 tỷ đồng.

4. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. *Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường:* Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng quy định. Quỹ đất công được rà soát, bổ sung và quản lý chặt chẽ; thực hiện đấu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Tiềm năng đất đai được khai thác, sử dụng đúng mục đích. Hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính cho 16/16 xã, thị trấn. Thực hiện tốt công tác thu hồi đất để thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng để thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn huyện Mường Khương (Đề án 86) đảm bảo đúng quy định. Tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả. Chất thải sinh hoạt, y tế và sản xuất được thu gom, xử lý kịp thời.

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm chú trọng: Duy trì

nghiêm túc trực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; cập nhật, cảnh báo và khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời theo phương châm "4 tại chỗ"; rà soát, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm. Tăng diện tích, tán che phủ rừng, từng bước khắc phục nguy cơ sa mạc hoá, đặc biệt tại xã Dìn Chin và Tả Gia Khâu.

5. Văn hoá - xã hội - khoa học công nghệ

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng. Huyện đã quan tâm đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo cả về quy mô, chất lượng giáo dục, đội ngũ nhà giáo và cán bộ lãnh đạo quản lý; nội dung chương trình và phương pháp giáo dục, đào tạo được thực hiện theo yêu cầu đổi mới. Việc sáp nhập các đơn vị trường theo hướng tinh gọn, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vai trò, tầm quan trọng phát triển nguồn nhân lực có những thay đổi theo hướng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với điều kiện và sự phát triển của địa phương. tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo là 93,65 tỷ đồng. Phòng học kiên cố chiếm trên 95%. Toàn huyện có 42/58 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 73% bằng MTNQ. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,2%; tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng đạt 35%; tỷ lệ học sinh đạt giải cấp quốc gia và cấp tỉnh tiếp tục tăng. Công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc, đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4-5 tuổi; Công tác hướng nghiệp phân luồng học sinh có nhiều chuyển biến, tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đạt 84,9%, tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ THPT và tương đương 60%; xây dựng trường học hạnh

phúc gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá của Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương.

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông đạt được nhiều kết quả quan trọng, giá trị sức mạnh văn hoá được phát huy

Kết quả phát triển văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đảng bộ tập trung lãnh đạo phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI); Nghị quyết số 09-NQ/TU về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững". Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh, nâng cao chất lượng xây dựng thôn, TDP, gia đình văn hóa, năm 2025 tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 83,7% bằng 1.04% MTNQ, tăng 2,2% so với năm 2020; tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn \hóa đạt 80,9% bằng 101% MTNQ, tăng 0,5% so với năm 2020.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng từng bước phát triển mạnh mẽ: Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập TDTT thường xuyên đạt 35.%. Thể thao thành tích cao được quan tâm (giai đoạn 2021-2025 đạt 44 huy chương, trong đó 07 huy chương vàng, 09 huy chương bạc, 28 huy chương đồng).

Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống được quan tâm triển khai hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Huyện có 02 di tích danh thắng quốc gia, 01 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, 07 di sản văn hóa phi vật thể. Quốc gia. Các lễ hội truyền thống được tổ chức văn minh, đúng quy định.

Thiết chế văn hóa được đầu tư, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân. 155/157 thôn, tổ dân phố có nhà văn hoá, bằng 98,72%; 16/16 xã có nhà văn hoá đa năng, bằng 100%; toàn huyện có 04 đài truyền thanh chuyển đổi ứng dụng CNTT, với 54 cụm

loa truyền thanh ứng dụng CNTT, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trên địa bàn huyện.

6. An sinh xã hội được trú trọng, công tác giảm nghèo, bảo vệ chăm sóc sức khoẻ Nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng

Chính sách, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới, các chính sách bảo hiểm xã hội được triển khai đồng bộ, kịp thời. Đặc biệt đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chương trình dự án đối với hộ nghèo, cận nghèo, tạo điều kiện cải thiện về phát triển sản xuất, ổn định và nâng cao đời sống, tiếp cận tốt hơn các chính sách nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

Các chương trình, giải pháp giảm nghèo được triển khai đồng bộ, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn; giảm khoảng cách chênh lệch về đời sống giữa các vùng, các dân tộc. Đến hết năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 25,69%, bình quân mỗi năm giảm 6,72%/năm, đạt 112% nghị quyết; công tác phối hợp đào tạo giải quyết việc làm có chuyển biến tích cực từng bước giúp người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; tổ chức mở các lớp dạy nghề cho 1.850 lao động nông thôn, giải quyết việc làm cho 1.600 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn huyện đạt 65,5% (tăng 19,5% so với năm 2020), đạt 100,7% nghị quyết, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ 24,5%, đạt 102% nghị quyết.

Công tác chăm sóc sức khoẻ Nhân dân được chú trọng, đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế, nâng cấp chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ Nhân dân từ huyện đến cơ sở (Bệnh viên đa khoa huyện được xây dựng mới với quy mô 200 giường bệnh đã đưa vào sử dụng). Thực hiện thường xuyên hoạt động bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Đại học y Hà Nội để nâng cao

chất lượng khám, chữa bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng chất lượng; duy trì Bác sỹ bệnh viện Nhi Trung ương và Bệnh viện Đại học y Hà Nội lên hỗ trợ luân phiên nhằm chuyển giao các kỹ thuật cho bác sỹ bệnh viện đa khoa huyện. Công tác xã hội hoá được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho khám, chữa bệnh của người dân. Bảo hiểm y tế toàn dân được quan tâm, với tỷ lệ đạt 97%, tăng ….so với đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 13%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 14,8%; đạt tỷ lệ 9 bác sĩ/1 vạn dân và đạt 36,4 giường bệnh/vạn dân.

7. Quốc phòng - an ninh - quan hệ đối ngoại

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng đảm bảo vững chắc. Đã tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng công trình quân sự trong khu vực phòng thủ (trong nhiệm kỳ đã đầu tư 880 triệu đồng). Phối hợp với Bộ CHQS tỉnh hoàn thiện hồ sơ, giải phóng mặt bằng xây dựng 01 trận địa súng máy phòng không 12,7mm; quản lý chặt chẽ 04 vị trí Đất Quốc phòng, 286 công trình quốc phòng, 40 mốc khống chế pháo binh, mốc quân dụng; phối hợp với quân khu II, triển khai xây dựng 70,8 km đường tuần tra biên giới. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng. Quan tâm xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới của Tổ quốc. Hoàn thành chỉ tiêu giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện quy chế phối hợp giữa bộ đội địa phương, dân quân tự vệ với các lực lượng khác trên địa bàn trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Lực lượng vũ trang bảo đảm an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị quan trọng và các đoàn công tác của lãnh đạo các cấp đến huyện Mường Khương công tác, kịp thời nắm tình hình và đảm bảo an ninh trên tuyến biên giới, tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, vi phạm về đất đai ở cơ sở, không để hình thành điểm nóng về ANTT, tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, làm tốt công tác định hướng tuyên truyền, phòng, chống không để văn hóa phẩm độc hại, tiêu cực tán phát trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ BMNN, không để xảy ra vụ việc mất, lộ lọt BMNN ở trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả chủ trương biên chế công an chính quy về các xã trên địa bàn huyện; Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa nghiệp vụ với phòng ngừa xã hội; thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác, điều tra, xử lý tội phạm. Các hoạt động tội phạm có tổ chức, các vụ trọng án tại địa bàn huyện có xu hướng giảm, số vụ phạm pháp hình sự giảm trung bình 30%/năm. Hàng năm, 100% các vụ án thụ lý đều đã điều tra, kết luận, giải quyết dứt điểm, không để tồn đọng; không để xảy ra oan, sai, bức cung, nhục hình, bỏ lọt tội phạm. Làm tốt công tác quản lý cư trú, quản lý dân cư. Tập trung thực hiện quyết liệt dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân là hai dự án có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Giao thông đường bộ; làm tốt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí so với nhiệm kỳ 2015-2020. Giảm 17 vụ, 25 người chết (giảm 45%) so với nhiệm kỳ 2015-2020

Hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh. Duy trì và củng cố, phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với huyện Mã Quan và huyện Hà Khẩu - tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Trong nhiệm kỳ đã tiếp nhận 59 thư và gửi trao đổi 60 thư; tổ chức hội đàm 04 cuộc, triển khai ký 03 biên bản hợp tác với huyện Hà Khẩu và Mã Quan (Trung Quốc).

8. Hoạt động của Mặt trân Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, đã làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân huyện chủ động, sáng tạo phát động các phong trào, cuộc vận động, xây dựng các câu lạc bộ thu hút hoàn viên, hội viên tham gia hoạt động tập trung vào phong trào Xây dựng nông thôn mới, thực hiện xoá đói, giảm nghèo.

Khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được tăng cường. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua đem lại hiệu quả thiết thực; các chương trình phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, huy động được sự chung tay, góp sức của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được phát huy.

Chất lượng giám sát, phản biện, tham gia góp ý vào các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được nâng lên, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong xã hội. Dân chủ được phát huy, quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm; ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh toàn dân được khơi dậy mạnh mẽ; Nhân dân được tham gia quyết định đối với các lĩnh vực của đời sống

xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân được bảo đảm; hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo đúng quy định của pháp luật. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố và tăng cường.

9. Củng cố bộ máy chính quyền các cấp

Hội đồng Nhân dân các cấp được củng cố, kiện toàn đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; hoạt động có nhiều đổi mới, phát huy đầy đủ vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước tại địa phương. Hội đồng Nhân dân các cấp thể chế hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết của cấp trên và cấp ủy cùng cấp; kịp thời quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo luật định và triển khai chương trình giám sát việc tổ chức thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả; tăng cường mối quan hệ công tác với Uỷ ban Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc. Chất lượng hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp được nâng lên, nhất là hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, chất vấn tại kỳ họp, lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng Nhân dân bầu. Nổi bật, các kỳ họp của Hội đồng nhân huyện khóa được đổi mới cả về công tác chuẩn bị nội dung, phương thức tổ chức theo hướng phát huy dân chủ, thiết thực, công khai, minh bạch được Nhân dân ghi nhận và đánh giá cao.

Uỷ ban Nhân dân huyện và Uỷ ban Nhân dân các cấp: Có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, điều hành, cơ bản thực hiện tốt vai trò kiến tạo, phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp; cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đúng chủ trương, nghị quyết của cấp ủy và Hội đồng Nhân dân cùng cấp. Uỷ ban Nhân dân huyện thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Huyện uỷ, chủ động báo cáo những nội dung quan trọng về kinh tế - xã hội, nhất là các đề án, dự án trọng điểm, quy hoạch phát triển các ngành, các địa phương. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của cán bộ, công chức các

cấp; thực hiện nghiêm việc đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và chủ tịch Uỷ ban Nhân dân cấp xã. Chú trọng tăng cường mối quan hệ công tác với Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các sở ngành tỉnh. Tổ chức bộ máy được đổi mới, sắp xếp theo hướng tinh gọn,giảm biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến; chất lượng chỉ số cải cách hành chính được nâng lên. Cải cách thể chế được chú trọng; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngày càng hoàn thiện, giải quyết kịp thời yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thủ tục hành chính được rà soát, đơn giản hóa, số hóa, rút ngắn thời gian giải quyết. Công tác quản lý công chức, viên chức được đổi mới, nâng cao chất lượng, kỷ luật, kỷ cương hành chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cải cách tài chính công được đẩy mạnh, nâng cao mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập. Hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp được đổi mới, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp

Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên. Cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh, chỉ đạo công tác tiếp công dân; đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định. Công tác đối thoại với Nhân dân được thực hiện ngay từ cơ sở, không để tố cáo vượt cấp.

Cải cách tư pháp được đẩy mạnh, hoạt động của các cơ quan tư pháp được đổi mới. Đã giải quyết tốt các vụ án, vụ việc có tính chất phức tạp được dư luận xã hội quan tâm. Chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp chuyển biến tích cực, các hoạt động bổ trợ tư pháp được chú trọng. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư

pháp và đội ngũ cán bộ được kiện toàn, đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng; các tổ chức bổ trợ tư pháp được củng cố và hoạt động hiệu quả. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, vi phạm pháp luật được thực hiện tốt. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án ngày càng được nâng lên, các vụ án được đưa ra giải quyết bảo đảm kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

10. Công tác xây dựng Đảng

Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới; hoạt động tuyên truyền, nắm bắt dư luận xã hội tiếp tục đi vào thực chất đem lại hiệu quả tích cực. Cấp ủy các cấp có nhiều đổi mới trong việc chỉ đạo quán triệt, xây dựng và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực lãnh đạo, sự đoàn kết thống nhất và sức chiến đấu của tổ chức đảng được nâng lên, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với tổ chức đảng và chính quyền các cấp. Các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động được ban hành bảo đảm toàn diện, mang tính chiến lược dài hạn, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn theo hướng ngắn gọn, thiết thực, dễ đánh giá góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Công tác biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống đạt nhiều kết quả tích cực, 100% các xã, thị trấn hoàn thành xuất bản lịch sử Đảng bộ. Công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức có nhiều đổi mới về nội dung và phương pháp, đạt được nhiều kết quả toàn diện. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, cấp huyện và cấp xã có trang tuyên truyền hoạt động hiệu quả.

Chủ động, linh hoạt trong công tác nắm bắt dư luận xã hội, tư tưởng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; kịp thời dự báo, định hướng thông tin, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội.

Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, XIII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng được kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ với những nhiệm vụ, giải pháp sát thực, cụ thể. Hằng năm Ban Thường vụ Huyện uỷ đã gợi ý kiểm điểm đối với một số chi, đảng bộ cơ sở theo tinh thần Nghị quyết. Huyện uỷ, các cấp ủy đã chủ động phát hiện, xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm, suy thoái về đạo đức, lối sống, có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm. Cán bộ, đảng viên đã thực hiện tốt cam kết không sa vào các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Việc kiểm điểm tựphê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII trthành nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, tạo được chuyển biến tiến bộ rõ nét. Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới và các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu với những giải pháp cụ thể, góp phần tích cực phòng chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và hệ thống chính trị có đức, có tài, liêm khiết, mẫu mực, tiêu biểu, hết lòng vì Đảng, vì dân.

Công tác dân vận có nhiều đổi mới, tập trung hướng về cơ sở, giải quyết các vấn đề Nhân dân quan tâm. Thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Trong nhiệm kỳ, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp đã thực hiện 38 cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân; 102 cuộc tiếp công dân định kỳ và đột xuất. Trên 90% ý kiến, kiến nghị của Nhân dân được giải quyết. Công tác nắm tình hình và giải quyết các vấn đề Nhân dân quan tâm tiếp tục đổi mới, kịp thời, hiệu quả. Phát huy vai trò, sự tham gia của người dân trong xây dựng và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Công tác dân vận chính quyền được đẩy mạnh, tạo chuyển biến về nhận thức và nâng cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác tuyên vận với phương châm "đến từng ngõ, gõ từng nhà" tiếp tục có bước chuyển biến mới về công tác tuyên truyền, vận động, tạođược sự đồng thuận của Nhân dân trong thực hiện các phong trào thi đua ở cơ sở.

Tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên từ huyện tới cơ sở được nâng cao chất lượng cố theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả: Công tác phát triển đảng viên được quan tâm cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ đảng viên mới trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, có trình độ chuyên môn ngày càng tăng. Từ đầu nhiệm kỳ đến giữa năm 2025 đã kết nạp mới 1.215 đảng viên đạt 121,5% mục tiêu Đại hội, tổng số đảng viên toàn huyện đã có 4.250 đảng viên. Trong nhiệm kỳ, toàn huyện giảm 24 đầu mối chi bộ cơ sở, cơ quan chuyên môn thuộc huyện. Việc thành lập chi uỷ chi bộ thường xuyên được quan tâm, đến giữa năm

2025, tỷ lệ chi bộ thôn, tổ dân phố có chi uỷ đạt 152/157 đạt 96,8%, bằng 109,5% MTNQ.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng cao, trong đó tập trung vào việc ban hành quy định, hướng dẫn sinh hoạt mẫu cho các chi đảng bộ; kiểm tra, giám sát từ đó nâng cao nhận thức, rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu của đảng viên. Công tác tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; kết quả đánh giá hàng năm 20% cấp uỷ, chính quyền cấp xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; cấp ủy, chính quyền huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ; trên 90% tổ chức cơ sở đảng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ tường xuyên được rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ được thực hiện hằng năm theo quy định; đã xây dựng khung năng lực theo vị trí việc làm; ban hành mới quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và bổ nhiệm giới thiệu cán bộ ứng cử. Thực hiện bố trí 100% Bí thư cấp ủy cấp xã không là người địa phương; 80% Chủ tịch cấp xã không là người địa phương; 100% bí thư chi bộ cơ sở đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về LLCT, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công chức trên địa bàn được thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Đến giữa năm 2025, 100% cán bộ, công chức cấp huyện có trình độ chuyên môn đại học và có đầy đủ các chứng chỉ theo quy định; Trình độ LLCT đạt 90%. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách cấp xã (gồm 11 chức danh) có trình độ chuyên môn Đại học trở lên đạt 95,7% bằng 112,5% mục tiêu; lý luận chính trị từ Trung cấp trở lên đạt 98% bằng 115,2% mục tiêu.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ thực hiện nghiêm túc công tác thẩm tra, xác minh tiêu chuẩn chính trị cán bộ trong việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ bầu vào cấp ủy, chính quyền, ứng cử đại biểu HĐND các cấp, kết nạp đảng. Đã thẩm định về tiêu chuẩn chính trị đối với 1.213 lượt cán bộ; thẩm tra xác minh 1.130 lý lịch quần chúng ưu tú đề nghị kết nạp Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, các đề án của Tỉnh ủy, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, của huyện, phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra tổ chức đảng gắn với kiểm tra người đứng đầu cấp ủy, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Việc thẩm tra, xác minh kê khai tài sản thu nhập được thực hiện nghiêm. Tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảm bảo theo đúng quy định, hướng dẫn, nội dung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm bám sát mục tiêu nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp đề ra. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy, BCH Đảng bộ huyện, Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy, cấp ủy và Uỷ ban Kiểm tra cấp cơ sở đã tiến hành kiểm tra 884/601 lượt tổ chức đảng, (bằng 147% mục tiêu nghị quyết đại hội); 1429/1041 đảng viên, (bằng 137% mục tiêu nghị quyết đại hội),. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã KTGS đối với kiểm tra, giám sát đối với 55/36 tổ chức đảng (bằng 152% mục tiêu nghị quyết đại hội), 36/17 đảng viên (bằng 211% mục tiêu nghị quyết đại hội); cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở đã tiến hành kiểm tra, giám sát đối với 385/238 tổ chức đảng (bằng 161,7% mục tiêu nghị quyết đại hội), 1145/758 đảng viên (bằng 151% mục tiêu nghị quyết đại hội). UBKT cơ

sở đã tiến hành kiểm tra, giám sát đối với 245/212 tổ chức đảng (bằng 115% mục tiêu nghị quyết đại hội), 130/120 đảng viên (bằng 108% mục tiêu nghị quyết đại hội). Tiến hành xử lý, thi hành kỷ luật 72 đảng viên.

Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu và chuyển biến mạnh mẽ. Nhận thức trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng lên. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, thi hành án được tăng cường. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và cơ quan truyền thông trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát huy.

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần XXIV, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện Mường Khương đã đạt được nhiều kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tổng số 24 mục tiêu Nghị quyết Đại hội có 22 mục tiêu vượt và đạt 100%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gấp 30% so với năm 2020, thu nhập bình quân đầu tăng 22% so với năm 2020. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chuỗi giá trị. Quy hoạch ngày càng đồng bộ, kết cấu hạ tầng được đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông... Phát triển con người, văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng lên, bản sắc văn hoá được giữ gìn, phát huy. Các chính sách an sinh xã hội được bảo đảm; tốc độ giảm nghèo nhanh, trung bình mỗi năm 3,8% theo tiêu chuẩn hiện hành. Hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được nâng cao, cải cách hành chính, chuyển đổi số được đẩy mạnh, sức mạnh của khối

đại đoàn kết các dân tộc được phát huy, đồng thuận xã hội được tăng cường. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc; quan hệ đối ngoại được mở rộng, hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân được kết hợp hài hòa.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục chuyển biến tích cực; phương thức lãnh đạo của Đảng có nhiều đổi mới. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp, kiện toàn tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.Tổ chức cơ sở Đảng ngày càng được củng cố và phát huy; dân chủ được mở rộng, công tác kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được đẩy mạnh, giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng, củng cố vững chắc niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền các cấp.

KẾT LUẬN

Mường Khương - Một vùng biên ải đầy khó khăn, hiểm trở, song giàu truyền thống cách mạng. Từ rất sớm Nhân dân các dân tộc Mường Khương đã tự đứng lên đấu tranh chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương. Khi có ánh sáng của Đảng, Nhân dân các dân tộc Mường Khương đã hăng hái đón nhận, tích cực tham gia, bắt đầu từ những hoạt động che chở, nuôi dấu, bảo vệ cán bộ của tỉnh đến hoạt động gây dựng phong trào cách mạng trên địa bàn; tiếp đến là trực tiếp tham gia lực lượng cách mạng đấu tranh giải phóng quê hương. Nhờ phong trào cách mạng từng bước phát triển đã tạo ra những nhân tố tích cực, theo đó đã thành lập được Ban cán sự Đảng huyện Mường Khương vào ngày 10/10/1949, năm 1950 chuyển thành Đảng bộ huyện Mường Khương; đến 2025 Đảng bộ đã tròn 75 năm chiến đấu và trưởng thành.

Trong chặng đường lịch sử 75 năm kể từ khi thành lập Đảng bộ huyện, phong trào cách mạng ở Mường Khương dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện đi từ tự phát đến tự giác, từ những kết quả đơn lẻ ban đầu đến bề dày truyền thống như hôm nay; Nhân dân các dân tộc Mường Khương từng bước vượt qua nghèo nàn, lạc hậu tiến lên văn minh, hiện đại. Từ chỗ chỉ là vùng rừng núi hiểm trở, dân cư thưa thớt, nghèo đói, lạc hậu, không đường, không điện, không chợ, không trường học, không bệnh viện, trạm xá... Người dân Mường Khương hôm nay đã giàu hơn về vật chất và tinh thần, cuộc sống văn minh hơn rất nhiều so với ngày chưa thành lập Đảng bộ huyện. Bộ máy chính quyền hoạt động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ qua các giai đoạn lịch sử. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân thực sự là chỗ dựa vững chắc của bộ máy chính

quyền, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Thành tựu đạt được rất to lớn, làm thay đổi vị thế và nâng tầm giá trị của mọi người dân trong huyện.

Với những thành tích đạt được, Đảng bộ, chính quyền, quân, dân các dân tộc huyện Bát Xát vinh dự được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu"Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp";trong xây dựng xã hội mới được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất và nhiều bằng khen, huân chương, cờ thi đua của tỉnh, bộ ngành Trung ương và của Chính phủ. Hàng nghìn cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang, Nhân dân được tặng thưởng, vinh danh.

Thành tựu đó được tạo nên từ nhiều yếu tố, trước hết là do công lao to lớn của các thế hệ người dân Mường Khương góp phần tạo dựng lên, song không tách rời sự lãnh đạo kiên trì, linh hoạt, sáng tạo của Đảng bộ huyện từ khi thành lập đến nay. Mặt khác được Nhà nước quan tâm đầu tư qua nhiều chương trình, dự án, đề án và sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh qua các thời kỳ.

Nhìn lại chặng đường lịch sử 75 năm chiến đấu và trưởng thành, Đảng bộ huyện Mường Khương rút ra mấy bài học kinh nghiệm dưới đây:

Một là, Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, nắm vững đặc điểm tình hình mọi mặt của huyện, đề ra chủ trương, nghị quyết đúng đắn phù hợp với địa phương; đồng thời tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo đáp ứng với nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hai là, Chú trọng củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, coi đoàn kết trong Đảng, trong đội ngũ cán bộ và trong Nhân dân là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Ba là, Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chú trọng công tác đào tạo, quy hoạch, sử dụng đội

ngũ cán bộ tại chỗ một cách phù hợp, kết hợp tốt vai trò cán bộ tại chỗ với cán bộ tăng cường. Bố trí cán bộ đúng tầm, đúng việc, sử dụng cán bộ cốt cán, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số.

Bốn là, Tích cực đổi mới công tác tư tưởng, vận động quần chúng; quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt chính sách dân tộc.

Năm là, Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội với nhiệm vụ an ninh; làm tốt cng tác đối ngoại biên giới.

Đạt được những thành quả ngày nay, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương ghi công công lao to lớn của các thế hệ cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể quần chúng không quản ngại khó khăn gian khổ từ những ngày đầu thành lập. Những con người không tiếc mồ hôi, xương máu để xây dựng huyện không ngừng phát triển và đổi mới tiến bộ, văn minh. Ghi nhận công lao thành tích của các thế hệ cán bộ đảng viên đã một lòng một dạ vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng trên quê hương, phấn đấu không mệt mỏi, lo toan trách nhiệm, đứng ngoài mọi cám dỗ, xứng đáng là những người con ưu tú của quê hương.Năm tháng qua đi, thời gian sẽ đưa ngày hôm nay vào dĩ vãng, nhưng lịch sử vẻ vang của Đảng bộ huyện Mường Khương sẽ mãi mãi là nét son sáng ngời, tạc vào thời gian, in sâu trong tâm khảm của mỗi người.

MỤC LỤC

Trang

- Lời nói đầu	
Phần thứ nhất **KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT MƯỜNG KHƯƠNG VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ**	
1. Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên	
2. Lịch sử hình thành huyện Mường Khương	
3. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm	
4. Truyền thống kinh tế, văn hóa	
Phần thứ hai **QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG (01/03/1950) VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, TIỂU PHỈ (1950 - 1955)**	
1. Mường Khương dưới ách cai trị của thực dân Pháp và tay sai	
2. Huyện Mường Khương những năm đầu đến với Cách mạng	
3. Mường Khương trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1949)	
4. Thành lập Đảng bộ huyện Mường Khương (01/03/1950)	
5. Đảng bộ huyện Bát Xát lãnh đạo Nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp và tiễu phỉ (1950 - 1955)	
Phần thứ ba **ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CNXH (1955 -1965)**	

1. Đảng bộ huyện Mường Khương lãnh đạo Nhân dân tiếp tục tiễu phỉ, cải cách dân chủ, đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế (1955 - 1960)	
2. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)	
Phần thứ tư **ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG CHUYỂN HƯỚNG LÃNH ĐẠO TỪ THỜI BÌNH SANG THỜI CHIẾN (1965 - 1975)**	
Phần thứ năm **ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC(1975 - 1985)**	
1. Huyện Mường Khương trong những năm đầu thành lập tỉnh Hoàng Liên Sơn (1976 - 1979)	
2. Đảng bộ huyện Mường Khương lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định để phát triển (1980 - 1985)	
Phần thứ sáu **ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 2000)**	
1. Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới (2000 - 2005)	
2. Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới (2005 - 2010)	
Phần thứ bảy **ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (2000 - 2010)**	

Phần thứ tám **ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2015)**	
Phần thứ chín **ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ,THỰC HIỆN XOÁ ĐÓI - GIẢM NGHÈO (2015 - 2020)**	
Phần thứ mười **ĐẢNG BỘ MƯƠNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG BỨT PHÁ TRÊN CÁC LĨNH VỰC (2020 - 2025)**	
- Kết luận	
- Phụ lục	

SÁCH KHÔNG BÁN